VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

văn học giữa hai cõi
triệu châu

kenzaburo oe, nobel văn chương 1994
văn học giới thiệu

"ainsi parlait le poète"
cung trầm tưởng

triển vọng của văn học hải ngoại
nguyễn mộng giác

những nhà văn trẻ trong nước
phan thị vàng anh, phan triều hải, nguyễn thị thu huệ

truyện
robert olen butler, hồ minh dũng, thạch hãn
hoài ziang duy, cổ ngu, trần mộng tú, minh ý

thơ
nguyên chân, triều hoa đại, bùi văn học
nguyễn chí kham, huỳnh liễu ngạn, thường quán

SỐ 103 • THÁNG 11 NĂM 1994

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

Chủ nhiệm: Châu Văn Thọ
Biên Tập: Nguyễn Mộng Giác
Mai Kim Ngọc
Nguyễn Xuân Hoàng
Tổng Thư ký: Thạch Hãn

❖

Đại diện Văn Học ở Âu Châu: Mrs. Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013, Paris, FRANCE
Phone: 45-831-912

Đại diện Văn Học ở Úc Châu: Mr. Nguyễn Khắc Phú
14 Lester Road, Padstow, NSW 2221,
AUSTRALIA
Phone: (02) 771-1770

❖

Thư từ, bài vở, tiền bạc xin gửi về

Văn Học
P.O. Box 1359
Garden Grove, CA 92642-1359
U.S.A.
Phone : (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885-128X

VănHọc

Số 103, tháng 11 1994

VĂN HỌC	thư toà soạn	1
VĂN HỌC	Kenzaburo Oe, Nobel Văn chương *1994*	4
TRIỆU CHÂU	văn học giữa hai cõi	6
BÙI VĂN HỌC	*ở bên này munich*	17
CUNG TRẦM TƯỞNG	"Ansi parlait le poète"	18
VĂN HỌC giới thiệu	những nhà văn lớp trẻ trong nước	
PHAN THỊ VÀNG ANH	hoa muộn	28
NGUYỄN THỊ THU HUỆ	chị tôi	31
PHAN TRIỀU HẢI	cửa sổ	33
THƯỜNG QUÁN	*phế tích*	38
NGUYỄN MỘNG GIÁC	triển vọng của văn học hải ngoại	39
NGUYỄN CHÍ KHAM	*người tình*	47
VÕ ĐÌNH MAI dịch	hai truyện thật ngắn	48
YUAN CH'IUNG CH'IUNG	lỗ tai của người tình	48
BAI XIAO-YI	vụ nổ trong phòng khách	50
HỒ MINH DŨNG	mạt lộ	52
TRẦN MỘNG TÚ	bóng tối	77
NGUYÊN CHÂN	*nghĩ chi về đời sống*	84
CỐ NGU	đối nghịch	85
TRIỀU HOA ĐẠI	*đoạn đoạn những ưu phiền*	89
HOÀI ZIANG DUY	mù sương cũng biết mơ	90
MINH Ý	giàn hoa tím	100
HUỲNH LIỄU NGẠN	*chia cả anh rồi - chia cả sông*	106
ROBERT OLEN BUTLER	salem	107
THẠCH HÃN dịch		
TRẦN VĂN TÍCH	tao đàn nhị thập bát tú tiếng đức	116
NGUYỄN HUY THẠCH	ghi chép	124
VĂN HỌC	toà soạn với bạn đọc	130

Thư Toà Soạn

Thư gửi quí bạn đọc,

Tạp chí Văn Học Nghệ Thuật tục bản ra số đầu vào tháng 5.1985, sau đó đổi thành Văn Học, đến nay đã gần mười năm. Trong mười năm dài đằng đẵng với biết bao biến cố, vui buồn, 9 số Văn Học Nghệ Thuật và 103 số Văn Học vẫn đều đặn hàng tháng tới tay bạn đọc, chia sẻ những thăng trầm của tập thể tị nạn Việt trên khắp thế giới, thể hiện tâm tình và nguyện vọng của những người vì chế độ cộng sản phải bỏ nước ra đi.

Một tạp chí văn chương sống được chừng ấy năm không phải là điều ngẫu nhiên.

Trước hết, Văn Học tạo được lòng tín nhiệm và yêu mến nơi bạn đọc là nhờ đã tạo được sự tín nhiệm và yêu mến nơi các văn hữu. Đời sống nơi xứ người có quá nhiều lo toan, thì giờ dành cho chuyện viết lách không có bao nhiêu. Các nhà văn nhà thơ có được một sáng tác mới, các nhà biên khảo viết được một tiểu luận vừa ý, thì địa chỉ đầu tiên các văn hữu nghĩ tới là Văn Học. Nhờ thế, Văn Học trở thành nơi trao đổi, gặp gỡ, thông tin của giới cầm bút hải ngoại, nơi phát khởi của hầu hết những văn nghiệp mới, nơi bắt đầu trở lại của những cây bút vắng bóng nhiều năm vì lao tù cải tạo.

Những bài viết giá trị ấy trở thành trang báo và đến tay bạn đọc gần mười năm qua là nhờ một số nhà văn nhà thơ chịu khó dồn hết tâm huyết cho việc điều hành, như Võ Phiến, Lê Tất Điều, Nguyễn Mộng Giác, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Đức Lập, Trịnh Y Thư, Cao Xuân Huy, Khánh Trường, Thạch Hãn,Thụy Khuê, Nguyễn Khắc Phú, Võ Thắng Tiết; cùng những cây viết trong ban chủ biên như Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình, Nguyễn Xuân Hoàng, Định Nguyên, Vô Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Đặng Phùng Quân, Nguyễn văn Sâm, Nhật Tiến, Tưởng Năng Tiến, Nguyễn Bá Trạc, Kiệt Tấn...

Dĩ nhiên bấy nhiêu công sức đam mê của văn giới chỉ có thể tạo được một tạp chí văn chương tương đối có giá trị. Còn tạp chí ấy sống được dài lâu hay không là nhờ vào các bạn đọc. Không có những độc giả

dài hạn sẵn sàng tiết kiệm một khoản chi tiêu, dành mua báo năm cho Văn Học; hoặc những bạn đọc từng tháng lặn lội lái xe về các thị trấn tìm mua cho được Văn Học, thì Văn Học không thể sống đến ngày hôm nay. Rất nhiều bạn đọc đã đặt mua Văn Học ngay từ thuở đầu. Nhiều bạn khác mới từ Việt Nam qua, vô tình đọc được một số Văn Học cũ, đã viết thư hỏi mua toàn bộ Văn Học.

Chúng tôi biết trước những khó khăn của một tạp chí văn chương thuần túy, trong vấn đề lựa chọn bài vở và quản trị tài chánh. Đó là tình trạng chung ở bất cứ đâu, bất cứ lúc nào. Kinh nghiệm mười năm qua cho chúng tôi thấy là không có văn hữu nào đảm đương nổi việc quản trị trong một thời gian dài. Cũng may là người trước vì khó khăn đời sống đành phải rời bỏ Văn Học thì đã có người sau sẵn sàng xung phong tiếp tục gánh vác những việc quản trị nhiêu khê, từ Võ Phiến đến Nguyễn Mộng Giác, Hoàng Khởi Phong, Cao Xuân Huy, Trịnh Y Thư. Tháng 10.94 vừa qua, hai anh Trịnh Y Thư và Cao Xuân Huy không thể gánh vác được nữa, anh Châu văn Thọ Giám đốc nhà xuất bản Thanh Văn và anh Thạch Hãn Lê Thọ Giáo đứng ra thay thế. Như vậy từ tháng 11.94, thành phần điều hành tạp chí Văn Học như sau:

Chủ nhiệm: Châu văn Thọ
Ban Biên tập: Nguyễn Mộng Giác, Mai Kim Ngọc, Nguyễn Xuân Hoàng
Tổng thư ký: Thạch Hãn
Địa chỉ Tòa soạn: 14321 Strait Street, Westminster, CA 92683 U.S.A.
Hộp thư liên lạc: P.O. Box 1359 Garden Grove, CA 92642-1359 U.S.A.
Điện thoại: (714) 894-8535.

Đánh dấu một giai đoạn mới, Văn Học cải tiến từ hình thức cho đến nội dung.

Về hình thức, họa sĩ Đinh Cường đưa ra một mẫu bìa đơn giản nhưng trang trọng hơn mẫu bìa cũ, dựa vào những ý niệm mà Văn Học mong ước vươn tới là sự nghiêm chỉnh, trang nhã, hài hòa, chân thực. Về nội dung, ngoài những biên khảo và sáng tác giá trị, Văn Học sẽ chú trọng nhiều hơn đến phần sinh hoạt như phỏng vấn, hội thảo, tin tức trong giới cầm bút ở hải ngoại cũng như ở quê nhà, sinh hoạt văn học trên thế giới, tình hình xuất bản, báo chí...

Chúng tôi mong ước quí bạn đọc ghi nhận sự cố gắng của Văn Học, và tiếp tay chúng tôi phổ biến rộng rãi tờ Văn Học đến các bạn hữu.❑

Kenzaburo Oe

Nobel Văn Chương 1994

Hàn Lâm Viện Thụy Điển hôm 14 tháng 10 loan báo trao tặng giải Nobel Văn Chương cho nhà văn Nhật Bản Kenzaburo Oe, 59 tuổi, tiếng nói đại diện cho thế hệ hậu chiến Nhật Bản trước những hoang tàn đổ nát cả vật chất lẫn tinh thần.

Sinh ngày 31 tháng 1 năm 1935 trong một ngôi làng nhỏ trên đảo Shikoku ở phía Nam Nhật Bản, Oe là con thứ 3 trong 7 người con của một gia đình danh giá. Ông lập gia đình với Yukari, con gái của một nhà văn nổi tiếng là Mansaku Itami. Tốt nghiệp đại học ở Tokyo về Văn chương Pháp, ông bắt đầu xuất hiện trên văn đàn Nhật Bản với nhiều truyện ngắn vào những năm của thập niên 1950 trong lúc còn theo học. Một trong những truyện ngắn đầu tiên của ông viết về nỗi thất vọng của thanh niên Nhật trước sự đầu hàng của Hoàng đế, khiến cho thanh niên Nhật thấy bị sỉ nhục có nhan đề "Một việc làm kỳ quái," mô tả một thanh niên hàng ngày dẫn một bầy chó đến phòng thí nghiệm, nhìn thấy đám chó lúc nhúc rồi so sánh chúng với đám sinh viên Nhật hậu chiến. Truyện ngắn đó khởi đầu cho văn nghiệp của Oe, như lời GS. John Nathan của đại học California, Santa Barbara giải thích: "Ông là nhà văn Nhật Bản đầu tiên được xem là một nhà văn quan trọng ngay lúc còn là sinh viên." Năm ông 23 tuổi, ông đoạt giải thưởng Akutagawa, một giải thưởng văn học cao quý của Nhật Bản nhờ cuốn truyện vừa *Mẻ lưới*, viết về chuyện một cậu bé người Nhật và một phi công người Mỹ da đen bị dân làng bắt giữ.

Có hai biến cố lớn ảnh hưởng sâu đậm lên sinh hoạt sáng tác và nghệ thuật của nhà văn. Biến cố thứ nhất là lời tuyên bố đầu hàng quân đồng minh của Hoàng đế Nhật Hirohito ngày 15 tháng 8 năm 1945, sau này được ông ghi lại với lời lẽ thống thiết trong *Chân Dung Một Thế Hệ Hậu Chiến*. Sự chiếm đóng của quân đội Đồng Minh xảy ra

ngay sau đó đã làm cho những biểu tượng tinh thần cao quý của quốc gia không còn vẻ huyền hoặc truyền thống, và trở thành đề tài chính cho những tác phẩm của ông về sau này.

Biến cố thứ hai xảy ra năm 1964, lúc đứa con trai tên là Hikari ra chào đời mang theo một chứng hoại não bẩm sinh. Thảm kịch đó là nguồn cảm hứng sáng tác cuốn tiểu thuyết nổi tiếng nhất của ông có nhan *Vấn Đề Riêng Tư*, xuất bản cùng năm, trong đó nhân vật chính âm mưu giết đứa con bị thương não nhưng cuối cùng ý thức được trách nhiệm của mình đối với nó. Đứa bé tật nguyền Hikari sau này trở thành một nhà soạn nhạc tài danh.

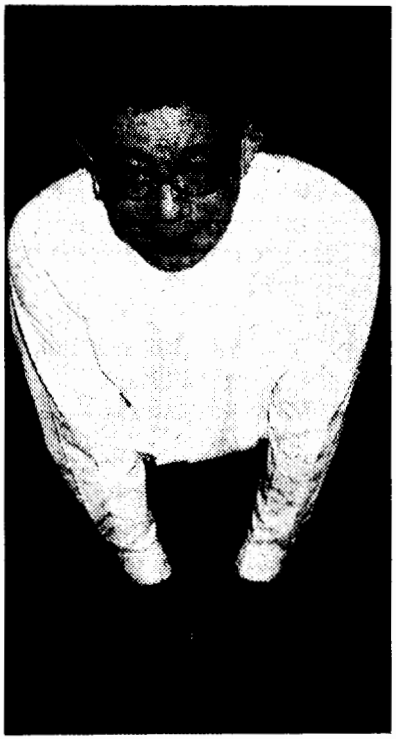

Kenzaburo Oe Associated Press

Kenzaburo Oe chịu ảnh hưởng văn học Tây phương, từ Jean Paul Sartre đến Mark Twain. Oe đại diện cho một khuynh hướng văn học Nhật Bản tách rời khỏi truyền thống cổ điển, đứng đầu là Kawabata (Nobel Văn chương 1968). Khuynh hướng sáng tác của Oe đặt trọng tâm vào một thế hệ bị chiến tranh tàn phá, mất thăng bằng và bị những sức mạnh phi lý khác vây bủa. Cùng một khuynh hướng sáng tác đó còn có nhà văn Kobo Abe, tác giả nhiều cuốn tiểu thuyết có tính siêu thự như *Người Đàn Bà Trên Đồi Cát* và Masuji Ibuse, tác giả *Mưa Đen*, viết về nạn nhân và sự tàn phá của hai trái bom nguyên tử. Oe xác nhận "họ đã mở đường cho tôi đoạt giải Nobel, và tôi thay họ để nhận giải thưởng này."❑

Văn Học

Văn Học Giữa Hai Cõi

Triệu Châu

Đặt chân tới một nước chưa quen, người ta có thể đoán ra trình độ phát triển và văn hóa của xã hội đó qua một số chi tiết nhỏ nhặt mà tiêu biểu: bản chiếu khán và con dấu in trên thẻ thông hành, tờ khai quan thuế hay giấy khai báo xuất nhập nội...

Thông thường, trình độ phát triển càng cao thì người ta càng giản lược hoá thủ tục cho mọi người, trước tiên là cho công dân nước mình. Ngược lại, nước kém phát triển thường có thủ tục nhiêu khê phức tạp, giấy khai báo ấn loát tèm lem với những ô vuông rối mắt, không đủ cho du khách viết ra các chi tiết rườm rà mà nhà chức trách đòi hỏi. Một trong những chỉ dấu khác đáng chú ý chính là kích thước của con dấu nhà chức trách đóng trên chiếu khán: nước càng nghèo, triện son càng to lớn rực rỡ. Những người am hiểu có thể cho ta biết rằng Việt Nam ta hiện có con dấu vào hạng to nhất thế giới, với lợi tức thuộc loại thấp nhất.

Đây là văn hóa chăng? Hay là chính trị? Câu nói thời danh *văn hoá cũng là một mặt trận* có lẽ là câu trả lời thỏa đáng nhất. Tự thân, câu nói cũng phản ảnh một vấn đề — tức là một việc nan giải — về trình độ văn hoá của đất nước. Trong hoàn cảnh đó, văn học giữ vị trí gì?

Trong tháng qua, dân miền Đông nước Mỹ có thoáng đọc thấy một tin tức nhỏ thuộc lãnh vực kinh doanh: tổ hợp Disney đã phải từ bỏ dự tính thiết lập một trung tâm giải trí tại vùng phụ cận của Manassas, nơi xảy ra hai trận đánh danh tiếng thời Nội chiến Hoa Kỳ. Lý do là việc khai thác kinh doanh có thể gây ô nhiễm, không chỉ là rác rưởi và xe cộ ồn ào, cho một thắng tích lịch sử của đất nước này. Những ai thành kiến

cho rằng Hoa Kỳ là đất của tự do kinh doanh và tư bản Mỹ toàn quyền khuynh đảo xã hội cho mục tiêu doanh lợi của họ, tất không hiểu vì sao tổ hợp Disney phải thoái lui. Hoặc không hiểu vì sao nhiều nhà kinh doanh địa ốc phải chịu thua các nhóm áp lực vì những nhu cầu rất lạ kỳ, chẳng hạn như để bảo vệ một giống cầm thú nào đó đang bị đe dọa tuyệt chủng tại địa phương họ muốn phát triển.

Dù chỉ có một quá khứ rất mỏng, Hoa Kỳ đang cố gắng bảo vệ di sản lịch sử của họ, một di sản mà người Việt mình, đứng trên một chiều dày cứ như đã quá bốn ngàn năm, coi như chưa đầy một vốc tay. Hai trận Manassas đó còn xảy ra hơn sáu trăm năm trận Bạch Đằng, hồi hai, của Trần Hưng Đạo vương. Manassas làm sao so được với chùa Một Cột chẳng hạn.

Cùng một lúc với cuộc triệt thoái của Disney Co. ra khỏi đất Manassas, một người bạn mới về thăm Hà Nội ra đã tặng cho người viết một vỏ chai bia Heineken và một vỏ bao thuốc lá Hồng Hà, cùng tấm ảnh ngôi chùa Diên Hựu cổ kính rêu phong nói trên.

Hai món quà rác rưởi quả là quý. Vỏ chai bia ngoại cho thấy là nước ta đã mở cửa giao lưu với thế giới bên ngoài. Đã hết rồi, thời ta xếp hàng mua bia quốc doanh, rót vào bình nylon đem về nhà uống, nguội và khê mùi bồ kết. Đã hết rồi, thời dân chúng hút thuốc vấn tay, lập lòe diêm sinh đến khé cổ. Bao thuốc Hồng Hà ngày nay sơn son thếp vàng lộng lẫy hơn hẳn những bao thuốc Điện Biên hay Tam Đảo ngày xưa. Nghe nói là thuốc hút còn thơm vị Virginia... Nhưng, hai món rác trên không chỉ quý vì là chứng tích của một xã hội đã có đổi mới về kinh tế. Ta thấy quý vì bạn đã nhặt được đàng sau bờ tường ẩm mốc ôm dưới chân chùa Một Cột. Ngôi chùa cổ này đã đành là một thắng tích, một bảo vật kiến trúc đầy tự hào của Việt Nam. Chùa lại không nằm ở một vùng thượng du hiu quạnh mà nằm ngay tại thủ đô Hà Nội, trông sang một kiến trúc hiện đại mà những người cầm quyền hiện nay cũng mong là sẽ trở thành một thắng tích văn hóa: lăng ông Hồ. Vậy mà đằng sau bờ tường, du khách thấy toàn những rác.

Đây là một vấn đề văn hóa chăng? Hay là một vấn đề chính trị? Hoặc giả chỉ là một vấn đề giai đoạn của việc tổ chức xã hội vào buổi giao thời, khi kinh tế thị trường hoang dại chưa kịp đi vào chính quy nền nếp? Vả lại, ta e rằng mình cũng hơi khó tính. Sau mấy chục năm chinh chiến và lầm lẫn, cả nước lầm than mới được xả ra làm ăn chưa đầy mười năm, ai hơi đâu lo cho một loài chim quý, một con kỳ nhông tuyệt giống

hay một ngôi chùa cổ?

Và trong hoàn cảnh đó, ai hơi đâu để ý tới văn học?

Ở bên ngoài những cơ hội mới của đổi mới kinh tế và những thôi thúc tranh đua kinh doanh, kể cả kinh doanh về giấy mực và viết lách ở trong nước, những người Việt Nam sống rải rác trên thế giới mới là những người có điều kiện xa xỉ — mà cũng bi thảm — để thiết tha tới văn học. Thiết tha một cách nghiệp dư tài tử, và hết sức chật vật. Nhưng thiết tha như một cái nghiệp phải trả dù chẳng ai đòi.

Chính là vì sống xa quê hương, mà văn chương và chữ nghĩa là sợi dây cột chặt mình vào vùng đất mẹ, bên ngoài mới có những người ra sức nuôi dưỡng sự đam mê đó. Như chú bé trải sỏi đánh dấu đường đã qua để còn nhớ đường về. Nhưng, gì thì gì ta sẽ chỉ làm được một mùa mà thôi. Một vài thế hệ nữa, con em ta cũng có những phương cách ghi dấu của chúng, khác hẳn của ta. Bằng ngoại ngữ, về những cảnh đời ta gọi là "lưu vong" mà đối với chúng, chính là đời sống thật. Sau những thế hệ viết lách về vượt biên, cải tạo, về thời giải phóng thảm khốc hay về những bước đầu lập nghiệp nơi xứ lạ, về nỗi nhớ nhà khôn nguôi, v.v... văn học hải ngoại sẽ khô cạn dần và sẽ được thay thế bởi những thế hệ viết lách mới. Họ sẽ viết bằng ngôn ngữ thông dụng nhất của họ, tức là ngoại ngữ, và về những rung động thật của họ, mà có thể ta coi là xa lạ, lai căng...

Chính ta mới là người xa lạ trong thế giới đó.

Nếu ta còn tồn tại, như một dòng văn học của Việt Nam chảy ra ngoài quê hương nhưng tuôn vào một biển lớn của văn học nhân loại chứ không khô cạn dần trong một chốn ao tù, tất phải do những giá trị đích thực của nghệ thuật văn chương. Những giá trị đó vốn không có biên giới. Cái rất "riêng" của Việt Nam mà ta diễn tả hoặc sử dụng sẽ chỉ tồn tại nếu được coi là "hay" trên diễn đàn nghệ thuật. Đành rằng ngôn ngữ là một vấn đề, nhưng nó không biện minh được cho tất cả. Cái rất "riêng" đó vẫn phải vươn tới cái rất "chung" của nhân loại thì ta mới nói tới một cõi văn chương Việt Nam hiện hữu bên ngoài đất nước Việt Nam. Chưa có khả năng đó thì ta phải chấp nhận thực tế của nghệ thuật, và có thể sẽ bị đào thải. Có oán than hoàn cảnh di tản hoặc mài bút thanh toán những sai lầm của người cầm quyền trong nước cho tới trang giấy cuối cùng... điều đó cũng không bảo đảm được sự trường cửu hay giá trị của văn học hải ngoại.

Vì vậy, văn học hải ngoại có một tương lai không mấy tươi sáng nếu cái "hải ngoại tính" còn che khuất cái "văn học tính" của nó. Ngược lại, chính vì nhờ vị trí hải ngoại, chúng ta có điều kiện cảm nhận được mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung nói trên để có thể góp phần mở ra những chân trời mới cho văn học Việt Nam. Điều đó dẫn ta về với văn học trong nước, vốn đang đặc quánh giữa cái văn hoá chưa mở ra lối đi và cái chính trị thô lỗ chưa chịu chết.

Văn hoá vốn là những gì ta đã học và đã quên mà vẫn bàng bạc chi phối cuộc sống thường nhật của đa số dân chúng trong một xã hội, trong một cộng đồng. Khi nhìn vào mối tương quan giữa văn hoá và chính trị, dường như ta thấy khá rõ những yếu tố chính trị đang chi phối người Việt chúng ta, ở cả trong và ngoài nước. Nhưng, khi xét tới những yếu tố văn hoá, cái mẫu số chung thuộc địa hạt tinh thần của một tập thể, lạc quan nhất, chúng ta cũng thấy một chút hồ nghi. Nhất là khi chính trị vẫn tiếp tục là một bộ phận của văn hoá trong khi văn hoá thì ngày một mơ hồ tan loãng.

Sau năm 1975, khi một số phụ nữ trong Nam mặc quần ống loe bị cán bộ rạch quần và bêu nhục giữa phố (vì cách ăn mặc đó không phù hợp với cái gọi là "nếp sống văn minh mới" của những người chiến thắng) hiện tượng trên là một vấn đề chính trị. Nhưng nó cũng phản ảnh trình độ văn hoá của đất nước, hoặc sự thoái lui của văn minh. Gần hai mươi năm sau, một vài người trong nước ra tham dự một hội chợ thương mại (được tổ chức để quảng bá giao thương kinh tế giữa Việt Nam và Hoa Kỳ) đã bị một số người gọi là đồng bào tại California đổ nước mắm lên đầu, vì nghi họ là "cán bộ cộng sản". Hành động quá khích này dĩ nhiên xuất phát từ một lập trường chính trị, nhưng cũng phản ảnh một trình độ văn hoá nào đó của đất nước.

Dĩ nhiên, văn hoá không giải thích và quyết định tất cả, nhưng, điều có thể cho là bất hạnh cho Việt Nam, văn hoá càng như không có giá trị cho một số người.

Loại thứ nhất là những người tuyệt đối tin tưởng vào quy luật kinh tế tự do. Trong đó, dĩ nhiên là có người Mỹ.

Đối với họ, con người là một sinh vật kinh tế và quy luật cung cầu hoặc sự kích thích của lợi nhuận chi phối mọi người như nhau, bất kể tới những đặc tính văn hoá. Ngoài lý do tư tưởng của trường phái kinh tế cổ điển nói trên, người dân Hoa Kỳ còn đánh giá thấp yếu tố văn hoá vì đặc

tính lịch sử của họ. Là một xứ hợp chủng, mới lập quốc được trên hai trăm năm và tiếp tục mở rộng ra thế giới bên ngoài, họ có khả năng ứng dụng linh hoạt tới mức dung nạp được mọi sắc thái văn hoá khác biệt, đến nỗi họ không coi văn hoá là một yếu tố quyết định nữa. Văn hoá Hoa Kỳ, nếu có, là một cái gì đó đa tạp, phức hợp và biến dịch khá nhanh. Trong mười năm lưu vong trên đất Mỹ, nhiều người đã đổi chỗ ở và đổi nghề nhiều hơn cả một đời sống trên một xứ chiến tranh. Chẳng có gì có thể bám lâu được trên đất nước thường xuyên thay đổi này, làm sao nói đến những chữ truyền thống.

Những người tỵ nạn trên đất Hoa Kỳ có lẽ là những người Việt đầu tiên thấu hiểu ra tính phi-văn-hoá, hoặc nói cho đúng hơn, nét văn hoá không khuôn khổ không truyền thống của người Mỹ. Chẳng những là thấu hiểu mà còn phải chật vật đối phó với sức cuốn hút của nền văn hoá đó khi muốn gìn giữ những đặc tính truyền thống của Việt Nam. Riêng đối với những người có trách nhiệm ở trong nước và mới mở ra thế giới bên ngoài từ ít năm nay, có khi chính những đặc tính văn hoá coi nhẹ văn hoá của Mỹ mới là những biểu hiện của văn minh. Đây mới là điều đáng lo cho đất nước.

Ngoài những người sùng tín vào quy luật kinh tế tự do, những người cộng sản cũng thường đánh giá rất thấp yếu tố văn hóa. Đối với họ, xã hội con người, dù ở nơi nào cũng vậy, bất kể tới những nét văn hóa đặc thù, đều phát triển theo một số quy luật lịch sử trong đó đấu tranh giai cấp là quy luật chung. Trong tinh thần đó, câu "văn hoá cũng là một mặt trận" phản ảnh vai trò thống trị của chính trị trên văn hoá. Khi có chính quyền trong tay, người cộng sản càng tin là chính trị, tức là chính quyền của họ, sẽ cải tạo xã hội và vạch ra một con đường tiến bộ cho văn hóa. Chính trị lãnh đạo văn học là vì vậy. Khi chính trị lại bắt đầu ham chuộng những thành tựu kinh tế kiểu Mỹ và chủ quan nghĩ rằng sẽ tiếp tục nhào nặn nếp văn hoá của xã hội, ta không thể không lo.

Một cách tổng quát hơn và giản lược hóa, ta còn có thể dùng thái độ của con người đối với văn hoá như một tiêu chuẩn phân biệt hai khuynh hướng thường gọi là "tả" và "hữu" trên chính trường.

Phe tả, ôm ấp những giấc mơ thay đổi bộ mặt của thế giới, luôn nghĩ rằng chính trị chứ không phải văn hoá sẽ chi phối tất cả. Đối với họ, chính quyền phải làm việc này và lo việc kia cho hạnh phúc của xã hội. Và có chính quyền trong tay, họ chủ trương cai trị bằng những chánh

sách can thiệp vào đời sống của dân chúng, trợ cấp cho loại sinh hoạt này, đánh thuế lũy tiến thành phần kia, để tái lập một lẽ công bằng xã hội nào đó. Khi nhìn thấy tình trạng kinh tế thị trường hoang dã ở trong nước, không thiếu gì người Việt bên ngoài đã nghĩ tới một giải pháp "cấp tiến" theo khuynh hướng trên cho Việt Nam. Điều mà người ta chưa thấy là chủ trương trên, nếu phát triển tới tột đỉnh trong một xã hội nghèo đói như Việt Nam, sẽ dẫn tới những điều thái quá khác. Điều thái quá dễ hiểu và dễ xảy ra nhất là việc tăng cường vai trò của nhà nước trong các sinh hoạt của dân chúng. Văn hoá dễ được đồng phục hoá, đoàn ngũ hoá và văn học cũng sẽ được huy động vào những mặt trận mới, kể cả mặt trận duy tân đổi mới. Kiểu "theo Mỹ triệt để theo Mỹ" như cách đây vài thế hệ người ta đã hô hào "theo mới hoàn toàn theo mới" trong điều tâm niệm hàng đầu của "mười điều tâm niệm."

Phe hữu, gồm những người thủ cựu, thì tin tưởng rằng văn hoá chứ không phải chính trị mới là yếu tố quyết định cho xã hội. Muốn xã hội được tiến bộ trong sự ổn định hài hòa, người ta phải vun trồng những đức tính cao đẹp của truyền thống (như gương sáng của tiền nhân, giáo dục của gia đình hay kỷ cương của xã hội...). Đối với họ, giáo dục chứ không phải chánh sách của nhà nước mới là những điều cần phải ưu tiên quan tâm và vun trồng. Trong sự phá sản của hệ thống cộng sản Việt Nam vốn tự mệnh danh là dân tộc nhất, và với sự mở rộng gần như tất yếu của mọi loại biên cương thế giới vì hoạt động trao đổi kinh tế, những người thủ cựu này đang thấy truyền thống văn hóa của dân tộc bị đe dọa. Ở trong nước, một số người tất đã lo lắng khi thấy chính quyền mở cửa quá nhanh, một số khác tất nghĩ tới mặt trận phục cổ và cố gắng phục hồi những sinh hoạt văn hoá hay những tác phẩm nghệ thuật có tinh thần đề cao truyền thống dân tộc. Đối với họ, cái vỏ chai bia Heineken dưới chân chùa Một Cột là một sự xúc phạm kỳ cục. Trong mối ưu tư đó, họ cũng có chỗ đồng cảm với nhiều người ở hải ngoại mà không biết. Nhất là khi vấn đề trở thành rối ren hơn vì sự xuất hiện chói lọi của các cường quốc kinh tế Đông Á: họ sở dĩ trở thành cường quốc, và vượt Mỹ về mặt cạnh tranh, là vì biết gìn giữ và phát huy đức tính văn hoá có nét Khổng Mạnh của họ.

Như trong rất nhiều vấn đề khác của đời sống, sự thật nhiều khi không đơn giản là con đường độc đạo. Chính trị không giải quyết được mọi vấn đề và chỉ có tác dụng đoản kỳ khi so sánh với văn hoá. Ngược lại, xã hội cũng có thể bị chi phối bởi nhiều yếu tố nằm ngoài địa hạt văn

hóa. Thí dụ như yếu tố chính trị, thí dụ như "vận may", như biến cố lịch sử ngoại nhập.

Tư tưởng Khổng Mạnh tự thân chưa làm nên phép lạ kinh tế của các nước Đông Á. Chiến tranh Việt Nam, như chiến tranh Cao Ly đối với Nhật mười năm trước đó, là một vận may cho họ phương tiện xây dựng hạ tầng công nghiệp trong thập niên 1960. Những lầm lẫn của Việt Nam sau 1975, khi đóng cửa với thế giới bên ngoài, giúp cho các nước trên bành trướng ngoại thương trong vùng và trở thành những nước phồn thịnh. Cái vận may của họ là vận nước của ta. Khiến giờ đây Hoa kiều mới có dịp trở lại Việt Nam, không phải là để nối lại nghề chạp phô hay thu mua lúa gạo như ngày xưa, mà nghênh ngang là những nhà kinh doanh khai thác công nghiệp và địa ốc trên thế thượng phong tại Việt Nam. Cùng là dân hải đảo có chung một nền văn hoá của Châu Á Thái Bình Dương, Nam Dương bị Hoà Lan cai trị khắc nghiệt hơn Mã Lai với Đế quốc Anh hoặc Phi Luật Tân với Tây Ban Nha và Hoa Kỳ (là nước thuộc địa dễ chịu nhất trong ngần ấy nước). Chính những biến cố lịch sử ngoại nhập đó đã khiến ba nước có ba số phận khác nhau. Mã Lai có guồng máy công quyền và giáo dục đại chúng tương đối khá hơn hai nước kia, nhưng lại bị chia ba với những sắc dân Trung Hoa và Ấn Độ do người Anh đem vào làm nhân công từ thế kỷ trước. Nam Dương có tinh thần bài ngoại mạnh mẽ hơn, đưa đến phản ứng thống hợp của nhiều bộ tộc sống rải rác trên các hải đảo, khiến xã hội họ thuần nhất hơn Phi Luật Tân. Phi Luật Tân mở một ngoại lệ Á Châu khi đa số dân chúng theo Thiên Chúa Giáo, nhưng họ tiếp tục bị phân hoá địa phương. Chỉ có một quan điểm dường như được đại đa số người Phi tán đồng: ước mơ thành tiểu bang của Mỹ.

Có tranh luận thêm về sức chi phối của văn hoá hay chính trị ta cũng không tiến được một bước. Nhưng, nếu quan niệm rằng văn hoá là những độc lực tinh thần khiến đa số dân chúng tự nguyện hành xử theo một phong cách nào đó trong xã hội thì rõ ràng là về dài văn hoá mới là sức mạnh chi phối sự thịnh suy của một xã hội. Khi xét tới cái nền tảng văn hoá đó, ta sẽ hiểu vì sao dân một nước mới có những tư duy và phản ứng về một số lãnh vực của đời sống. Thí dụ như thái độ đối với sự giàu sang, và đối với phản ứng làm giàu. Thí dụ như quan điểm của dân ta về tổ tiên, thần vật, phúc đức, về tiết kiệm và tiêu pha, về để đức hay để của cho con cái, về lao động, về ngoại nhân, về kẻ thù, về lẽ rủi may trong đời, về cái đẹp — tinh thần và vật chất — về sáng kiến, sáng tạo và nghệ

thuật...

Xét tới khía cạnh đó, ta e rằng Việt Nam ta bị rơi vào hoàn cảnh chính trị hữu dư mà văn hóa lại bất túc. Chính trị đã xoá văn hoá khá nhiều làm cho sức sinh động của dân tộc vẫn chưa kịp bồi đắp lại vào đúng lúc dân ta phải mở cửa ra thế giới bên ngoài. Vào cuối thế kỷ này, nếu có phải vạch ra những động lực tinh thần khiến đa số người dân tự động hành xử theo một chiều hướng nào đó, hoặc cụ thể là về quan niệm gọi là phổ thông nhất của người Việt đối với những vấn đề nêu trên, ta e rằng khó đạt được một sự nhất quán, dù rất thô thiển. Sự tan loãng của chất keo sơn văn hoá có thể là một hậu quả của chính trị nhưng rõ ràng là một vấn đề đặt ra cho văn học. Cái "riêng" còn chưa tỏ, làm sao nói tới cái "chung"?

Một thí dụ rất gần gũi với mọi người trong chúng ta là quan niệm về tang hôn chẳng hạn. Người mình quan niệm như thế nào về mối quan hệ với người chết và về sự hình thành của một đơn vị xã hội đầu tiên là gia đình, khi được thu gọn thành hai sinh hoạt gần như chi phối mọi người trong xã hội? Thế nào là một đám ma hay một đám cưới Việt Nam, khác với Tây Tầu Nhật Mỹ ra sao? Ở bên ngoài đất nước, với đại gia đình bị phân tán trên những lãnh thổ mở rộng, trong những điều kiện kinh tế khác biệt, ta phải chấp nhận những giải pháp ma chay hay cưới hỏi mà các cụ có thể gọi là lai căng. Đây là điều dễ hiểu và nên thông cảm. Nhưng ta khó thông cảm với hình ảnh rất giao lưu văn hoá của "Việt kiều" về nhà lấy vợ, được báo Los Angeles Times đăng tin chụp hình làm mình muốn ôm mặt. Tấm hình là cả một sự khôi hài u ám. Chú rể ngất ngưởng trong bộ *tuxedo* trắng lốp như người phổ ky trong nhà hàng Tầu tại Mỹ, cô dâu e thẹn choàng áo cưới Tây phương lướt thướt voan trắng dài cả thước. Điều u ám là tân lang và tân giai nhân không đi ra từ một tờ báo thời trang tỉnh lẻ của Mỹ. Họ lội bộ giữa con đường làng gập ghềnh bên những mái tranh nghèo miệt Cao Lãnh. Đằng sau là một cô bé phù dâu dép mủ cố nâng tấm voan cô dâu cho khỏi thấm đất. Chung quanh, trẻ làng lúp xúp chạy theo ngó, không biết là chúng đang cười hay khóc.

Trong nước, sau bốn mươi năm gọi là xây dựng xã hội chủ nghĩa tại miền Bắc và gần hai mươi năm trên cả nước, dân ta chết đã nhiều mà sinh nở cũng nhiều, nhưng ta vẫn chưa đi tới một tập quán — vừa nghiêm chỉnh về nghi thức vừa thực tiễn về kinh tế nên được đông người noi theo — về hai việc hệ trọng nhất nói trên của một đời người. Có chăng, ta

nghe thấy việc một cán bộ có chức có quyền dềnh dang tổ chức tang ma cho con chó cưng của mình. Đây không phải là một biểu hiện của văn hoá, ngược lại đằng khác.

Tại hải ngoại, chúng ta ở vào vị trí thuận lợi để có thể thấy một vấn đề từ nhiều giác độ khác nhau. Tự do chính là sự chọn lựa. Có thấy được nhiều giải pháp ta mới có thể chọn lựa giải pháp tốt nhất. Điều đó đáng lẽ phải khiến ta trở nên ôn hòa và dễ dàng thông cảm với hoàn cảnh của những người vốn chỉ nhìn thấy một con đường và cứ ôm lấy củi mục mà tưởng trầm hương gỗ quý. Sự thể dường như đã không như vậy nên sau cái cảnh cắt quần phụ nữ ta lại còn thấy cảnh đổ nước mắm lên đầu nhau trên xứ người.

Nếu có tạm tổng kết, ta có thể nêu ra vài ba điều rất thô thiển về mối quan hệ giữa văn hoá, chính trị và văn học trên một nền tảng tinh thần mà người mình cần cùng chia sẻ với nhau.

Điều thứ nhất là về tình trạng suy yếu của nền văn hoá.

Cái nền tảng đó nghe chừng như rất mỏng và bấp bênh, khiến cái "riêng" của chúng ta, khác với dân tộc khác, nhất là với những dân tộc lân cận, là một điều gì đó ngày càng mơ hồ. Có đồng ý với nhau như vậy, một cách khách quan và thực tế, ta mới thôi ru ngủ nhau bằng những điều hoang tưởng. Văn hoá là sự sinh động của đời sống và biến đổi dù là rất chậm theo thời gian. Nó là những thành tựu còn lại của sức mạnh xây dựng của một cộng đồng, sau khi chống trả với những tàn phá của sức mạnh hủy diệt, của chiến tranh, xâm lăng, của chánh sách sai lầm, của vận nước, của biến cố ngoại nhập... Văn hoá đó không chết khô giữa những trang biên khảo về văn minh văn hoá hay phong tục Việt Nam của Phan Kế Bính, Đào Duy Anh, Lê Văn Siêu, Toan Ánh, v.v... mà vẫn thường xuyên tác động lên thái độ và phản ứng của chúng ta. Khi cái nền móng đó quá mỏng và quá nhạt, chính cách cư xử của chúng ta với nhau mới trở thành thiếu văn hoá, hoặc lai căng, nghĩa là không còn thuần túy Việt Nam nữa. Hiện tượng đó không khỏi gây ảnh hưởng cho văn học, cho cách chúng ta cầm bút. Điều thứ hai là mình cần có một nỗ lực xác định cho rõ những thành tố của nền móng đó. Vắn tắt là định ra cho rõ cái "ta" là gì, khác với "họ" ra sao? Không kiểm điểm lại cho rõ những gì của mình và của người, ta sẽ dễ dàng mượn nhầm của thiên hạ (cái gì hay hay của Trung Hoa hoặc Nhật Bản, ta gọi chung chung là "của người Á Đông mình"), hoặc gán ghép những gì không đẹp của dân tộc cho ai

khác (dân mình có thói này tật kia là tại Việt cộng, tại Mỹ, tại Ngụy, tại ông Diệm, ông Thiệu, tại thực dân Pháp, thậm chí tại cả Gia Long Nguyễn Ánh).

Đây là một vấn đề nhức đầu của người Việt, vì chúng ta vẫn cứ để cái bóng của quá khứ đổ dài trên bước đường đi.

"Ta" là những người thuộc phe mình, cùng làng, cùng họ, cùng nghề, cùng địa phương tôn giáo, cùng vây cánh, cùng chủng tộc, quốc gia... "Họ" là những người ở ngoài lằn ranh phân biệt nói trên. Quy luật sinh tồn của loài người cho thấy rằng cái "ta" đó càng đông đảo rộng lớn thì cộng đồng càng giàu mạnh, về cả vật chất lẫn tinh thần. Vì "ta" khác với "họ", với "chúng", với người ngoài, giữa "ta" với nhau mới có sự tin cậy (và sống chung, hoà bình), mới có sự ủy thác (và quy ước xây dựng dân chủ, nếp sinh hoạt trong cộng đồng), mới có sự hợp tác lâu dài (để tạo ra sự thịnh vượng kinh tế). Có sự tin cậy thì mới không có những biện pháp thủ thế, những tốn kém công sức và tiền bạc để đối phó với nhau. Thảm kịch của Việt Nam là người mình như có một khả năng thiên phú để định nghĩa cái "ta" đó càng hẹp càng hay. Người Việt mình phải chăng bị phê phán là đa nghi, thiếu thành tín và hay chia rẽ là vì vậy?

Cứ xem như cách ta phân biệt mình với mình là người ta có thể kể ra nhiều đầu mối của mâu thuẫn. Một thí dụ hời hợt nhất là việc di cư: cùng là dân chạy loạn với nhau, ta đã phân biệt Bắc kỳ di cư "mới" và "cũ", trước hoặc sau 54, trước tất phải bảnh hơn sau. Cả hai dĩ nhiên đều hơn hẳn loại 1975. Cũng là dân di tản, dân 75 có khác dân 80, dân miền Đông (Hoa Kỳ) có khác dân miền Tây (Cali). Bị cải tạo hay không, nhiều hay ít cũng có khác nhau vì phản ảnh trình độ hiểu biết về cộng sản (và trình độ chống cộng)... cao thấp. Khi liệt kê ra những khác biệt trên, ta thấy ngay ảnh hưởng của chính trị, của quá khứ, trong cách cư xử với nhau, trong cái gọi là nếp sinh hoạt văn hoá của "ta". Khi mở ra những vấn đề hệ trọng hơn, sự phân biệt lại càng gay gắt, dường như không thể nào hoà đồng và hợp nhất được nữa. Điều đó dĩ nhiên cũng ảnh hưởng tới văn học và tới cách ta cầm bút.

Điều thứ ba là sau khi phân biệt được cho rõ ràng, mà không hẹp hòi, cái "ta", người mình phải tự tin và bình thản chấp nhận được sự khác biệt của "ta" với "họ".

Trong khó khăn, chiến tranh chẳng hạn, ta có khuynh hướng xác định "bạn/thù" phân minh, bạn càng đông càng hay, thù càng ít càng đỡ. Về lý luận "ta" luôn luôn phải có giá trị hơn "chúng", hơn "họ" mới

có được sự quyết liệt chẳng đội trời chung... Nhưng trong thời bình, chiến tranh sẽ còn tiếp tục triền miên trong ta khi mình không chấp nhận được sự dị biệt và không tôn trọng được người khác. "Họ" là dân miền Bắc vào chiếm đất trong Nam, là dân di tản vào cướp việc của người bản xứ, họ là doanh nhân ngoại quốc vào khuynh đảo đất nước ta, họ là bọn da đen, lũ da trắng, bầy quỷ đỏ, kẻ cầm bút tay trái, họ là dân Chàm, Thổ trí trá, bọn Mường Mán ngớ ngẩn... Trong một thế giới mà biên cương chính trị ngày càng bị giao thương kinh tế vượt qua và tình trạng đồng dạng văn hoá ngày càng tạo ra phản ứng thủ cựu để bảo tồn bản sắc của mình, vấn đề minh định sự khác biệt và quyền khác biệt là một vấn đề vừa văn hoá vừa chính trị. Khi Việt Nam mở cửa tiếp xúc với thế giới bên ngoài, vấn đề trên lại càng cấp thiết. Nếu không minh định và tôn trọng, ta sẽ liên tục đi từ thái cực này qua thái cực khác. Chống Mỹ xong, ta phục Mỹ; sau giai đoạn nghĩa vụ quốc tế bẽ bàng, ta lui về chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi; sau thời kỳ đóng cửa trên đỉnh cao trí tuệ loài người, ta trở thành vọng ngoại... Văn học có phần đóng góp của mình trong việc trình bày và sử dụng cái "riêng" rất đĩnh đạc Việt Nam trên phương diện nghệ thuật và văn chương. Nhờ đó, văn học cũng có khả năng vượt được lên trên những giới tuyến mình kẻ ra với nhau, để gom lại một cái "ta" tương đối rộng lớn và mong là ngày càng rộng lớn hơn. Có như vậy ta mới mở ra những chân trời mới của loài người. Điểm tới của văn học nghệ thuật, chính là vươn tới cái "ta" đông đảo nhất, là con người, là cái "chung" của nhân loại. Chiến tranh xảy ra mỗi nơi mỗi khác, mỗi "riêng", nhưng thân phận và tâm tư con người trong chiến tranh đều có những nét rất "chung", khiến tác phẩm nghệ thuật viết về chiến cuộc ở một nơi rất riêng đó vẫn là sự độc đáo mà làm rung động những người sinh ra ở nơi khác, thời khác. Chúng ta không có được một mối quan hệ bình thường giữa "ta" và "người" có lẽ là vì thiếu tự tin và thiếu tin tưởng giữa "ta" với nhau. Đây cũng là một di sản của chính trị trong văn hoá và sẽ ảnh hưởng tới cách ta nhìn thế giới bên ngoài hoặc đối phó với những vấn đề từ bên ngoài dội vào trong nước. Điểm kết ở đây là sự tin tưởng vào chính mình, chứ không vào một chính quyền, một triết thuyết hay một thế lực siêu hình hay siêu cường nào đó, để tháo gỡ những khó khăn và dẫn mình ra khỏi sự bế tắc hiện nay. Vấn đề không thuần túy là dân sinh hay dân trí mà liên quan tới cả dân khí nữa.

Dĩ nhiên, đây cũng không còn là một vấn đề thuần túy văn học nữa, nhưng cũng ảnh hưởng tới lãnh vực phiên dịch văn chương. Từ khi bỏ

nước ra đi, có một việc ta ngày càng ít làm là đảm nhiệm vai trò thông ngôn từ "người" vào tới "ta". Tức là đem thi ca hay văn chương và triết học của thiên hạ chuyển ngữ sang tiếng mẹ đẻ, nhiều khi với tinh thần hù hoạ, có khi là phiên dịch một cách rất hú họa. Do tình trạng này, nhiều thế hệ đã nhoài mình ra ngoài đi tìm trầm hương hay giải pháp thần diệu ở những tác giả nước ngoài và mất dần sự tự tín ở mình. Giờ đây, khi ngày càng đông người đã có thể tìm đọc vào nguyên bản ngoại ngữ của các tác giả nước ngoài, chúng ta có thể chấm dứt việc hù hoạ và bình thản tìm lại cái đích thực của "ta", thay vì chỉ là một âm bản nhợt nhạt của "người". ❑

BÙI VĂN HỌC

Ở bên này, Munich

Từ cầu Donnersberger trông xuống thành phố
Ánh sáng hắt lên từ mọi phía của đêm
Những đường tàu hút mắt nằm yên
Đổ về tây sâu thẳm

Mùa thu vỗ những cơn chập chờn
Buổi sáng tỏa sương trên cỏ
Dạo lần qua những đường quen
Lá vàng rung từng cơn nhớ

Nhớ người tới đây đêm đầy hơi thở
Không gian đọng những thanh âm
Lời tôi, tình mở ngỏ

Những ngày sau, nhiều tuần sau
Tôi hát vang cô đơn mỗi tối
Nắng mùa thu vẫn chập chờn rung đuổi
Tôi ngại ngùng một buổi
Hẹn tìm nhau.

"Ainsi parlait le poète"*

Cung Trầm Tưởng

LTS: Trong dịp viếng thăm Little Saigon, nhà thơ Cung Trầm Tưởng có đọc bài viết sau đây trước một số văn hữu tại Trung tâm Văn Bút Việt Nam Hải ngoại. Bài viết làm mọi người hiện diện hôm đó xúc động. Đây là một tuyên ngôn về thi ca, nhất là thi ca trong vòng tù tội. Văn Học được phép của nhà thơ Cung Trầm Tưởng phổ biến bài viết này đến bạn đọc.

Thế kỷ hung man này có những vết chàm riêng của nó. So với đồng nghiệp xa xưa, tên cai tù hiện đại tinh vi hơn, kiến hiệu hơn, tinh táo hơn, giỏi hơn trong cái nghệ thuật hành hạ và làm khổ tha nhân. ở những thời kỳ Pháp nạn hay chống Chúa, quỉ thông minh hơn thánh, và kẻ thất học sáng suốt không thua gì nhà trí thức trong cái chước nghề sáng tạo những phương pháp tra khảo, gây đau đớn, làm bầm giập thể xác lẫn tinh thần nạn nhân của y. Kỷ nguyên này giàu những miếng đòn ngầm, nguội chí tử. Như thể có một thứ nghiệp đoàn quốc tế năng nổ, xum xoe, bất phân giai cấp, thứ liên minh quái gở của những tên cai ngục. Khoa học tự nhiên, tâm lý, xã hội được triệt để ứng dụng, hiệp đồng nhằm thỏa mãn khát vọng vô chừng của bè lũ sa-đích. Và trí tuệ được chuốt sắc để tối đa điều kiện hóa, hạ nhục, và triệt tiêu nhân cách người tù. Sau những phát giác kinh hoàng của những Georghiu, Koestler, Orwell, Solzhenitsyn..., tưởng như đã lay chuyển được một phần nào ý chí sắt đá của bọn giết người, cao trào đàn áp vẫn không nguôi ngơi và trái đất vẫn không bớt đi những trại tù. Nhân danh những ý thức hệ không ngừng điều chỉnh để duy trì những chế độ kìm kẹp, những nhà nước công an, thuyết tội tập thể và chính sách trả thù tập thể vẫn dương oai tác quái ở qui mô toàn cầu. Vẫn nườm nượp những đoàn tàu định

mệnh, trước mang tên Siberia, nay Nội Mông, Thiểm Tây hay Hoàng Liên Sơn, chở tù đến những trại đày ải xa xôi, hiểm hóc, ngụy trang dưới những bí số như của những mật khu âm u thuở nào. Có những lá thư tình éo le của những người vợ trẻ chưa biết mình đã là góa phụ và những lệnh phóng thích lãng xẹt đáo địa chỉ trễ tràng, khi những người tù đã không còn nữa.

Và trên những chuyến tàu Sông Hương, Yên Bái có mặt những người thơ trước chỉ biết ngợi ca lòng nhân ái, hòa bình, và yêu đương thủy chung. Họ chọn lựa ở lại với lịch sử, áp sát vào lòng thời đại, để nghe bằng mắt, nhìn bằng tai, và nói bằng trái tim đập nhịp đập của cộng đồng, dân tộc, và nhân loại. Họ muốn chung vai vác giá khổ nạn cùng với đồng loại, tiếp nối chuyến lưu vong vốn dĩ đằng đẳng, bẩm sinh của người thơ, của con người trên trái đất. Nghĩ cho cùng, đây là xê dịch của siêu hình vào lịch sử, chuyến thể nghiệm phận người như một khốn đọa quang vinh, xong rồi thì lại lên đường. Bởi cuộc hành trình dài hơn lịch sử, lịch sử chỉ là một trạm quá cảnh đóng khuôn dấu máu đỏ của tang thương lên quyển hộ chiếu của lữ khách. Cơ bản, thơ vượt lịch sử.

"Lời Viết Hai Tay" hình thành từ và muốn thể hiện quan điểm này qua thơ. Khi hai tay bị còng khóa số 8, khi hai chân bị cùm gông thiết diệp, khi thân xác bị trói gù lưng tôm, cái tâm người thơ cũng bị trực tiếp xúc phạm, nhức nhối, và khốn khổ. Tâm trập vào thể, ra một nhất nguyên. Người thơ tù biệt giam - tù của tù - lấy cái đầu viết hộ cho hai tay bị còng, làm thơ như chơi cờ tưởng. Thật là hạnh phúc. Khi được xả cùm, hắn lại vội vàng tình nguyện trở về lao động xung kích, nghĩa là đi chặt cây, đẵn nứa, đốn dang nơi thâm sơn cùng cốc. Hắn làm như thế để tránh được chừng nào hay chừng nấy cái nhìn cú vọ, hắc ám. đáo để, tục tĩu của tên cai tù. Hắn thường dành chút thời giờ nghỉ ngơi để lên ngồi một đỉnh non cao, bao quát trời đất, thở khí lành, ăn mây sạch, uống gió thanh, và thế là thơ bật ra từ chân tóc. Hoặc để vào ngồi trong một động hoang sơ, tịch mịch, hong lửa lạnh của vú đá lung linh, nhìn bóng mình chập chờn trên vách động, và thế là thơ loé ra trong đầu. Vọt ra từ im ắng mung lung, gõ những dấu lặng trở lại tim óc. Tác động qua lại như sau: đời sống có thực và cảnh vật có thực đẩy thơ vào phục trong đầu người thơ, như một gợi ý bâng quơ, một hứa hẹn mơ hồ, một ký gửi phiêu lưu, một đầu tư bất trắc. Sáng tác - hay sáng tạo tác phẩm - chuyển tiềm năng thành hiện thực. Làm thơ là một động tác tâm sinh lý bất bình thường, có nhiệt độ, xốn xang, thúc bức, như chuyển dạ, một thứ bán điên, cô lập

người thơ với ngoại giới - như một cái hột nằm giữa quả - khơi nguồn cảm xúc chảy xuống đầu ngón tay, trào ra chữ nghĩa, thành bài thơ. Nếu tay bị còng, ngón tay nhảy lên đầu, và động tác không thay đổi. Cơ bản, làm thơ là để giải phóng ấn ức, tìm một quân bình phiếm định trong một bất trắc triền miên.

Ức chế càng tích lũy càng o ép, anh ách như chửa trâu, sự lâm bồn càng khó khăn, đau đớn, toác xé, và bài thơ ra đời như một chiến thắng hân hoan. Nhà tù cải tạo như một thứ nhà thương quái gở con người lập ra không để chữa bệnh, mà để đày ải con người, chất chồng nghịch cảnh trớ trêu, suồng sã bóp thắt lương tri và con tim khái cảm. Vì thế nó dễ thành một miền đất phì nhiêu cho mùa thơ nở rộ. Một thảo nguyên đất đen trong lòng nó đau khổ gieo mầm và được thúc bón bằng bộn bề éo le tức tưởi. Thơ tù dễ làm, dễ hay, và làm nhanh. Phản xạ sinh lý, bật dội tâm linh.

Tập thơ này muốn đặt thời gian, không gian, và tâm cảnh vào trong một không khí thuần nhất.

Về thời gian, nó muốn lập quan hệ máu thịt với một thời kỳ đen tối của lịch sử, trong đó cái tang chung, cái cộng nghiệp, và cái cùng mất quện bệnh ra một nền cộng hòa xám của oan khiên, xấu số, bất hạnh, lao khổ, đói khát, bệnh tật, chết chóc, và những thầm vọng mung lung. Một thứ thời gian đơn điệu, lê thê, ù lì, lệ khệ, khựng lại, thách đố biến hóa, lập lờ giữa sống và chết. Một thứ thời gian phản vật chất, phi tuyến tính, cũng chẳng cuộn vòng, không quá khứ, không hiện tại, không tương lai, vô thì tính, rồ và dễ làm điên, phi lý, sự dàn trải của hư vô. Một phản thời gian.

Về không gian, người thơ muốn chạm nổi một cảnh quan le lói kỳ dị, âm u yêu ma, mông muội thánh thần, chói chang dã quỷ. Một thế giới siêu thực nhưng không hoang đường, bởi hoang đường không thể trụ được trong cái xứ sở ở đó khổ sai đấm, cấu thịt da, và tiếng cười tru tréo réo đập màng tai, nhức đến óc, xóc đến tim. Sự thực được bóc tả ở mức trần truồng cao nhất, nhưng vẫn bàng bạc ẩn dụ. Bởi đây vẫn là thế giới của thơ. Một địa ngục - đúng hơn - một luyện ngục, một limbo - mạch mó của những ý nghĩa sâu thẳm về cuộc đời, về thân phận như một khuyết thể, nếu cái định nghĩa cơ bản sau được chấp thuận: sống là một động tác rớt từ bụng mẹ xuống vực thẳm.

Cảnh quan nhà tù không nghèo tính triết và tính thơ. Sáng tạo là chuyển tính thơ này thành bài thơ. Bài thơ nói về một không gian khép

kín, bít bưng, tự soi bằng một thứ ánh sáng nội tại, của tâm cảnh một thân phận bị câu thúc, bị bủa vây, bị chà đạp, bị khảo tra, bị nhục hình, bị soán đoạt tự do. Thứ ánh sáng của trí năng cô lẻ, tự bồi tổn, tự tái tạo những chùm ảo ảnh mãnh liệt về một ốc đảo cứ lùi mãi. Thứ ánh sáng ảo đăng chiến đấu với bóng đêm khốn kiếp. Chết ở đây là khi bộ máy phát ảo hình này đình động. Nhà tù mang thơ trở về cội nguồn, trả lại cho người thơ cái ma lực của gã phù thủy bộ lạc. Hắn dẫn dắt, linh thị, tiên tri, bói sao, cầu hồn, nhớ nghìn trước, thấy nghìn sau, nói chuyện với thần, nguyền rủa quỷ, làm ra những bà tiên, những trận mưa xóa hạn, những ngọn lửa ngự hàn, và đẩy lùi cõi chết. Hắn phóng tưởng, hà hơi, tiếp sức, vực dậy những hồn tù oan khốc, điêu linh, vất vưởng, cô chiếc. Hắn bá nghệ, vạn năng. Bằng bài thơ như một vũ khí, hắn tuyên chiến, vật lộn, giằng co, sống mái với quỷ, đánh trả trận lấn xâm của bóng đêm tuyệt vọng.

Khi bị cướp đi mặt trời có thực, bị cách ly khỏi những hệ quy chiếu thông thuộc của địa cầu, của đời sống, nằm "chết" trong một hầm ngục, người thơ làm thơ để tạo ra một mặt trời thế phẩm, một ersatz của mặt trời, mặt trời thơ, đục phá âm u, mở những cánh cửa ra những vùng trời vạn hoa. Hắn tự tổ chức giải Ngân hà của hắn, thả nó bay bổng trên những quỹ đạo hắn tự vẽ ra, theo những định luật đúc kết từ việc giải những phương trình thơ phiêu bồng. Mỗi chữ thơ là một quang hạt da diết, một photon mãnh liệt, phát từ một nguồn tâm năng tự hành, tự túc vô tận, va vào vách định mệnh bủa vây.

Cuộc đấu từ ngoại thù không phức tạp, cam go bằng với chính bản thân. Bị thường xuyên kéo căng do tác động của những tình huống ngặt nghèo, tới hạn, tột độ - rét như cắt, nóng như thiêu, chật đến ngộp, đói đến mềm, khát đến khô, mệt đến lả - nội tâm hắn bị chàng hẳng, xâu xé,phẫu thiết không gây mê bởi những lực đối lập như ái và ố, hỉ và bi, thiện và ác, chính và tà, tiên và tục, chấp và xả, hùng và hèn, tỉnh và mê, nhớ và quên...Trận tỉ thí, nghĩ cho cùng, giữa ham sống và muốn chết.

Mỗi đời một lần chết. Nhưng hắn đã mỗi ngày một lần chết. Phép toán như sau: 1 ngày = 16 giờ sống + 8 giờ chết. Mỗi đêm chết 8 giờ. Vị chi mười năm tù có 3600 đêm chết, hay 28.800 giờ chết. Để chuẩn bị cho cái chết lần thứ ba nghìn sáu trăm linh một, hắn đã thao dượt chết đến độ nhuần nhuyễn, với một phép bí tích bất biến: tắm rửa sạch sẽ, quần áo chỉnh tề, gối chăn vuông vắn, hãm nuốt khói một bi thuốc lào, hạ màn, nằm xuống, duỗi thẳng chân, buông xuôi tay, nhìn trần nhà, niệm thơ,

rồi chết. Hắn thông thuộc bài bản đến độ cái chết trở thành nhàm chán, tự động. Hắn đâm ra khinh lờn cái chết, không vì bạt mạng, mà vì thấy đời sống dù đen đúa, khốn khổ, hay buồn nản đến đâu vẫn còn hấp dẫn hơn cái chết. Từ đánh giá này, nằm ở đáy địa phủ, hắn tìm ra những giá trị của đời sống, phát hiện ý nghĩa sâu thẳm của nó, dù đó có thể chỉ là ý nghĩa của cái chẳng nghĩa lý gì cả. Hắn vác núa đạp rừng,,giẫm núi, đôi chân phù nặng như chì, nhưng đầu đầy ắp cảm giác như đang bước trên bông, đi trên lụa, chạy trên mây. Hắn đã đạt được kỳ công là về đích ba mươi phút trước người thứ nhì, rồi sau đó khỏi bệnh. Rõ ràng đây là một phù phép thóa mạ tất cả những nếp nghĩ quen thuộc của bọn tinh có bảo hiểm sức khoẻ và tiền mai táng. Một đêm trăng rằm, các bạn tù và hắn đói meo, lại bị bệnh phù thũng tái phát trói ghì chân hắn xuống sàn gác "Đằng vương", nằm hít mùi mái cỏ gianh, hắn làm thơ hư cấu cho các bạn tù một cảnh nguyệt thực, để cùng ăn trăng, uống trăng, chơi trăng, trục thăng lên trời, và mơ về "ngày xưa xanh cốm đòng đòng / em theo mấy chị chạy rong trên đồng". Hắn đã lấy cái đầu chạy hộ cho hai chân. Phép mầu lại xảy ra một lần nữa: hắn khỏi hắn bệnh.

Người thơ xưa nói lên tâm thức bộ lạc. Người thơ tù cải tạo bây giờ, một nạn nhân kiêm chứng nhân, nói lên tâm thức cộng đồng của những người tù cải tạo. Cái tâm thức sâu thẳm, lên men từ khổ đau, thúc trướng bởi bản năng tập quần, xúc tác ra một nhân gian thuần nhất, nền cộng hòa của những người đồng cảnh, những người tù cùng khổ. Thơ trong tù vỗ về, an ủi, động viên, phấn khích, xoa dịu, chữa bệnh, chống đói, cõng bạn sang sông, đưa đôi vai cho những mảnh đời phế tật nương vịn, làm tên phu đòn biết khóc, đào huyệt, chôn quan, truy tiễn bạn bằng một cây lau phất thay cờ hiệu. Thơ trong tù, một dòng thơ trực tiếp, một tiếng hát cất từ trái tim đến thẳng trái tim, một hàm ca xoáy sát đời sống, một kinh cầu cho hồn ngoại đạo, một mò mẩm khải huyền, một thách đố Thần Chết và tôn vinh sự sống.

Đời tù là phi lý của phi lý. Để đương đầu với nghịc cảnh sàm sỡ, trớ trêu dị hợm, để không bị kéo xuống tầm tất yếu, ngã vào hư vô, để không tự tử, người thơ tù phải học làm một con vật siêu hình, đào tìm ý nghĩa sâu thẳm nhất, cơ bản nhất, cụ thể nhất của sự việc trần gian. Giá trị không nằm ở cứu cánh, mà ở độ dài và đà rướn về cứu cánh của cái nghĩ cho cùng là đam mê.

Thơ là một đam mê. "Lời Viết Hai Tay" là một mùa màng gây dựng trong mười năm miền luyện ngục, chờ người đọc đến hái gặt cho mình.❑

** Tựa "Lời Viết Hai Tay," thơ Cung Trầm Tưởng, Tủ sách Thi ca Việt Nam Hiện đại xuất bản, Đức, tháng 11.1994.*

THƠ CUNG TRẦM TƯỞNG

Có vắng ta đi...

Có vắng ta đi đời vẫn xoay
Thời gian im xóa dấu chân này
Trên đường nắng lộng lòng phơi phới
Những trận cười giòn thổi giạt mây

Có vắng ta đi đời vẫn say
Quên đăng cáo phó họ tên này
Ngôi nhà mới chật thân tình mới
Rượu rót ê hề, cụng mới tay

Có vắng ta đi đào vẫn nuột
Nõn nà là lượt mộc lan hiên
Vườn phô phú túc kim ngân, cúc
Sáng thục quỳ hồng, rực bát tiên

Có vắng ta đi đời vẫn sum xoe
Chim chưa quen xuống đậu tay xoè
Hồ tha hồ thả buồm phiêu lãng
Bé mút kẹo điều, miệng đỏ hoe

Có vắng ta đi xe vẫn hối
Lá đêm qua rụng lối còn nồng
Người vẫn tìm nhau cho ngày mới
Như cầu cũ vẫn dẫn qua sông

Hu lúa tân xuân vẫn dạt dào
Vòng tay hàn gắn lại khít khao
Như dòng tư tưởng bao dung ấy
Vẫn mở bờ ra đón ý vào

Có vắng ta đi đoàn vẫn diễn
Dù hồi kịch gói gửi tâm tư
Nàng ngồi phó thác và iên ả
Nhuần thấm thương yêu mắt đại từ

Có vắng ta đi thuyền vẫn đi
Xóa bỏi chia cắt những biên thùy
Bà con cô bác năm châu tới
Cứu vớt người về từ địa ti

Biển giục thuyền đi tìm bến sống
Tang chồng rồi cũng nguội hương nhang
Xe hoa nàng bước lên lần nữa
ở đó tình nhân húa địa đàng

ở đó hoài thai trong ánh sáng
Thuận thời, thuận tiết, đất dơm hoa
Một dòng giống tốt tươi tâm thể
Trí dúc xen đan nét hài hòa

Nàng sẽ du nôi ru ái dấu
Sữa nàng làm bé lớn khôn nhanh
Xuân sang tuyết rã, con dung dẻ
Sẻ đến chào con hóa thiện lành

Sóc đến thăm con lây nhân ái
Hoạt hình một vũ điệu màu nâu
Nâu pha nắng hóa hai làm một
Ảnh ấy thời gian chẳng bạc màu

áo nới bung, tim trào ấm áp
Huyết cầu hồng rục ửng làn da
Sum suê kết trái cây nhân vị
Tỏa ngát hương bay biếu mọi nhà

Chân lý gom muôn về một mối
Công bằng. bác ái được tuân thương
Cái vui cũng khéo pha nồng độ
Đọc sách công viên, xiếc quảng trường

Giọng háy gitan giòn phách xoang
Nhiệt tình Âu-Ấn chói hào quang
Cả nàng là ngút ngàn diên vĩ
Diệp khúc kim cương, biến tấu vàng

Tinh tú vào bay đêm nội thất
Giảng đường đầy ắp dám thi nhân
Mỗi em một tháp lầu liêu vọng
Dõi bước thiên du những vị thần

Dẹp đối cân trong rừng dáng nét
Nhà thờ gôtích, tượng Rôdanh
Thi ca hàm súc, âm giao hưởng
Sầm uất nhân văn, hậu trữ tình

Mạng lưới bung ra, điện dẫn vào
Lửa gào phừng phục vạc lò cao
Hoa tay, trí óc người giăng khắp
Xuất sắc làm ra của đổi dào

Máy dến thôn trang, mùa trúng lớn
Tàu về thành phố, đổ đầy lương
Lê sai, táo trĩu, nho xôm tụ
Mỗi bước người đi bảy dặm đường

Cứ thế đời quay, quay quán tính
Tách nhân kết hạt, lọc ra vàng
Khai sơn phá thạch người lao tác
Chững chạc, chuyên cần và vẻ vang

Có vắng ta đi đời có quên?
Âm ti chôn lấp mấy năm liền
Một hồn còn vấn vương đời lắm
Còn ngóng nghe về hội nẻo trên

Đời ngoài mỗi lúc một cao thêm
Khi ta mỗi lúc mục xương mềm
Ta sợ rồi đây đời xa tắp
Bỏ lại mình ta vẫy giữa đêm

Có vắng ta đời dừng nên quên!

Lỡ mai tứ tán đời cô quạnh
Ma đội mồ lên kể truyện lành
Góp núi gom rừng về dấy lửa
Ấm từ đáy mắt trẻ côi xinh

Cuốn gió đồng dao trời cổ tích
Diều hồn con trẻ tít tầng xanh
Rượu bùi anh ngấu men tân khổ
Rót tặng ân tình đêm tái sinh
Trại giam Hà Tây Xuân 1981

Đáp lời biển giục
(Nghĩ về một thuyền nhân tự tử hụt)

Đi trong nắng cháy chiều vào hạ
Nhìn bóng giơi nhào đảo lộng quê
Ném tũm duềnh chìm chim hút-mất
Gây gây cườm thảo gửi hương về

Tóc khét khô rang lời cuốc nỏ
Hình hài này bụi búng cầu âu
Giòn làm gỗ gõ oang thôn mạc
Thẩm tới cùng, thấm thấu thật sâu

Thia lia cái ngã trên đường lượn
Buồm rủ ghềnh, biển giục ngoài xa
Nắng đốt tan phiêu chiều mạt lý
Tuẫn mình chuẩn nhậm bóng đêm qua

Ăm ắp đầy và nhẹ tếch hương
Giao thoa thuần khiết những con đường
Mun lênh láng áng đêm rờn biển
Phù phiếm buồm nhòa óng ánh đương

Dồn làm lục sáng hồn lần chót
Dợn máu ròng lên cuốn hải trình
Khởi sự xong thì vừa liễu sự
Bọt bèo một thoáng lát ba sinh

Ôi hỡi! chim kêu sao hệ lụy
Ai sau cửa chẳng mở cho vào
Linh phù buộc chặt hầu chua tháo
Phải trở về đời hót kiệt đau

Mai ra bờ trụ đơm cành sú
Gọi biển kia vào đất hỏi han
Ngọn gió nồm khuây sầu truất quốc
Chính quê đấy tụ nẻo vô vàn

Hót sáng giật nguồn, chói lói sao
Rực màu phượng lửa, hương hoa cau
Như con chim chúi nhào gai nhọn
Chót vót hân hoan tiếng ngọt ngào.

Những nhà văn lớp trẻ trong nước

Lớp trẻ ở trong nước đang sống và suy nghĩ thế nào? Văn chương thế hệ trẻ tại Việt Nam ra sao? Đó là những câu hỏi chắc chắn một số khá đông bạn đọc Văn Học đang thắc mắc. Sau khi giới văn nghệ có đôi chút tự do, nhờ thế xuất hiện một loạt những cây bút như Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Phạm thị Hoài, Bảo Ninh, Nguyễn khắc Trường, Lưu Quang Vũ...chính quyền cộng sản Việt Nam lại siết chặt guồng máy kiểm soát văn nghệ. Những tiếng nói phản kháng không còn chỗ để phổ biến. Lớp nhà văn trẻ trên hai mươi vào đời trong một hoàn cảnh đặc biệt. Họ hoang mang, không biết đời sẽ về đâu, không hiểu cả những đổi thay trước mắt. Tâm trạng đó phản ánh qua văn chương. Một thế hệ lạc lõng, hoài nghi, dửng dưng thành hình. Văn Học xin giới thiệu ba truyện ngắn tiêu biểu của Phan thị Vàng Anh, Phan Triều Hải, và Nguyễn thị Thu Huệ. Cả ba đều là con của những người cầm bút.

Hoa muộn

Phan thị Vàng Anh

1. Những vườn xung quanh, mai đã bắt đầu trụi lá. Ngày nào, chú Tảo cũng cái quần soọc đen lưng lửng, áo may-ô thủng lỗ chỗ, đầu đội cái nón kết đỏ, len lỏi giữa những hàng cây, hỏi sang: "Bên ấy chưa nhặt lá à?" Chưa ai nhặt lá mai cả. Trong vườn, mai vẫn rậm rịt, không ai rảnh mà làm việc ấy, gần cuối năm, bà cụ lại được mời đi tinh chơi,những người trẻ còn lại trong nhà đùn đẩy nhau, ai cũng ngại, ai cũng cố cho rằng người ta chỉ bày vẽ, chứ cứ thử không nhặt xem, nó có nở không? Nở quá đi chứ!

Rồi một người nhớ ra, bảo: "Ờ năm nay không có chú nhỏ nào nhặt lá giùm nhỉ?" Ở nhà, không cần qui ước, cứ ai lân la tán tỉnh Hạc đều

được gọi "chú nhỏ", có chú đến rồi đi luôn, có chú lai rai lâu lâu đảo qua một lần rồi biến mất, mỗi chú để lại một vài kỷ niệm trong nhà, trong vườn, trong cái trại gà lợp lá dừa mục nát. Đó là những cái ghế con đóng vuông vức đầy dinh; những cây cảnh bị bẻ quặt, uốn cong, cố vặn theo hình con lân, con phụng; là hệ thống máng ăn cho gà, dùng không biết đến khi nào mới hỏng...Mọi người vẫn dùa, hỏi: "Hạc, mày có nhớ thằng nào làm việc nào không?". Hạc vêu mặt cười: "Nhớ chứ, tôi có ghi sổ hết mà!".Mọi người cười đe: "Cẩn thận! Một trong những thằng ấy mà vớ được cuốn sổ thì mày khốn!".

...Ờ đúng rồi, mấy năm nay đã chẳng có ai đến nhặt lá mai cho Hạc. Tuyến lấy vợ, Nhật xuất cảnh, Chức cách đây mấy hôm thấy chạy xe vèo vèo ngoài ngã ba, chở một đứa con gái bé như cái kẹo, không ôm iết gì cả nhưng nhìn thì biết ngay là bồ bịch. Đó là những "chú nhỏ" năm xưa, tay lăm lăm kéo, đứng chông chênh trên cái ghế gỗ, hay lom khom giữa những tàn mai già, nhặt lá. Lá mai xạm màu rơi đầy gốc, họ lại nghĩ ra việc quét vườn. Hạc lúc tựa gốc mít, lúc đi quanh "chú nhỏ", nói chuyện "ngụ ngôn", đôi khi buồn cười, thấy hình như đã nói những câu như thế này, cũng năm ngoái. Rồi về, nấn ná ở cổng, hẹn Tết nhớ đến coi mai nở, à trước Tết chứ, đến để còn chở đi chợ. Năm nào Hạc cũng phải giảng giải việc đi chợ Tết cho một người nào đấy, anh chị trong nhà lại cười: "Người vô duyên, không giữ được ai quá một năm!".

2. Rốt cuộc, cả đám người trẻ tuổi trong nhà vừa quyết định vừa cười láu cá: "Khỏi, thử một năm không nhặt lá, biết đâu hoa ra lác đác lại chẳng đẹp hơn?". Họ vùi đầu vào mua sắm, may cho nhanh mấy bộ quần áo Tết. Hai mươi tám Tết bà cụ mới về, đứng lọt thỏm giữa những bị cói, giỏ cước, trẻ con trong nhà ùa ra, miệng hét, tay xách, người lớn cũng ùa ra, cười: "Tết về rồi!". Bà cụ nhìn khoảng vườn còn rậm rịt lá mai, lắc đầu: "Chúng mày đáng sợ thật!". Cả lũ lại cười.

Mùng một, mùng hai Tết, không có mai, Hạc thấy Tết chỉ giống như một ngày chủ nhật , như nhà ai giàu có làm đám cưới đốt pháo thật nhiều. Một người nói: "Mày đừng có đổ thừa! Cái hoa mai quê mùa ấy việc gì làm mày mất Tết", rồi ngậm miệng ngay, nhìn Hạc muốn nói: "Chẳng qua năm nay không thằng nào đến nữa mà thôi!". Hạc cũng chỉ cười, vào nhà trong nằm, lôi mấy tờ báo Xuân ra xem mà thấy buồn rũ rượi. "Năm nay mình đã bao nhiêu tuổi? Vì sao những ngày lễ Tết mình luôn phải nằm nhà?".

Một đứa cháu gái lên giường, moi móc từ trong túi được một đống hạt dưa và một nắm phong bao ra đếm lại. Hạc cười: "Dì thấy con đếm phải đến chục lần chứ không ít!". Cô nghĩ: "Ngày xưa mình cũng như thế này" rồi lơ mơ ngủ mất.

3. Mọi người kêu lên ngán ngẩm: "Hết Tết!". Rồi vặn đồng hồ báo thức, dậy sớm đi làm trở lại. Bây giờ bà cụ mới đi nhặt lá mai được, lụi cụi từ gốc này sang gốc khác, thỉnh thoảng pháo sót lẹt đẹt đâu đó trong xóm nhỏ. Hạc đi quanh mẹ: "Chi vậy?". Bà cụ móm mém cười: "Tội nghiệp, nhặt để nó nở!".

Mai nở. Một chiều kia, như đã hẹn, một cô bạn dẫn ông anh họ đến nhà Hạc, gửi anh ta lại bảo: "Ra chợ một chút" rồi phóng xe đi mất, lại bỏ nhỏ: "Ông đàng hoàng lắm đó!". Anh ta lù khù, tay khư khư cái mũ vàng như củ nghệ, chậm chạp, mãi mới cởi được xăng-đan để vào nhà. Hạc cau mày: "Khi mình còn trẻ, cỡ này đừng hòng bò đến gần!". Rồi đau đớn nghĩ: "Sao mình cay đắng thế này!".

...Họ ngồi một lúc lâu, có tám trang báo giở qua giở lại, chẳng đọc được tin gì. Cũng không biết nói chuyện gì. Hạc rủ: "Ra vườn xem mai chơi!". Họ đi qua những góc vườn, nơi khoảng một chục cây mai bung ra đặc kịt những hoa vàng nở muộn. Hạc nghĩ: "Có mai rồi đấy, mà vẫn không thành Tết!" Hai người khoanh tay bước, chỉ có tiếng lá mai lạt xạt dưới chân, họ vẫn không biết nói gì, nghiêm trang như giám khảo hội hoa Xuân...Và nắng chiều tắt dần, như một dải voan cũ vắt trên ngọn cây, nhợt nhạt...❑

* *Nhặt lá: chỉ công việc ngắt bớt lá trên cành mai để hoa mai nở đúng dịp Tết. Truyện trích trong* Bốn mươi truyện rất ngắn, *Nhà xuất bản Hội Nhà văn 1994.*

Chị tôi

Nguyễn thị Thu Huệ

Tôi luôn nghĩ mình là đứa trẻ bất hạnh. Nhà nghèo nên việc học hành của tôi vất vả lắm. Mười một tuổi phải xuống Hải Phòng ở nhà cậu để vừa học vừa làm thêm. Vài năm sau, về nhà, bố mẹ lục đục. Nhà cửa tan hoang. Tôi hỏi: "Chị đâu?". Mẹ cười như mếu: "Vào Sài gòn theo bác trưởng". Tôi nhìn lên tường: chị cười tươi sau vành nón, hai mắt lóng lánh nước.

Hai năm sau, trốn học, tôi về. Nhà cửa tươm tất. Tôi hỏi mẹ: "Chị đâu?". Mẹ chúm chím: "Chị làm to lắm, lấy chồng giàu, gửi tiền thường xuyên". Tôi hỏi: "Cả tiền nuôi con học?". Mẹ gật, rồi nói: "Chị bảo đàn bà có thể không cần học chữ nhiều, chỉ cần học lễ thôi. Nhưng đàn ông thì phải có học. Có cả hai thứ ấy mới thành người". Tôi im lặng, thầm cảm ơn bố mẹ sinh ra chị. Mẹ lại bảo: "Nghe nói con uống rượu?". Tôi gật. "Cả nghiện thuốc?" Tôi lại gật. "Có đánh nhau không?". Tôi thở dài nhìn chỗ khác. Và mẹ thì thầm: "Đừng yêu vội, con gái tính không thật đâu". Tôi cười: "Cái đó còn phải xem đã. Đàn ông, lại xa nhà mà mẹ". Lúc đi, mẹ dúi tiền vào túi, với theo: "Những cái con thích, chị không thích đâu. Chị muốn con làm sáng danh nhà mình".

Tôi bớt hút thuốc, bỏ dần rượu mỗi chiều mỗi sáng. Suy cho cùng, rượu chỉ làm quên nỗi buồn trong chốc lát. Sau cơn say là cảm giác nhạt thếch, khát thèm một cái gì không rõ rệt. Còn đáng sợ hơn cả nỗi buồn lúc tỉnh. Tôi vào đại học. Vẫn không gặp chị. Chị vừa gần gũi, vừa xa xôi. Hàng chục năm rồi còn gì.

Tôi dỗ loại ưu, được giữ lại trường làm giảng viên. Bố mẹ già dần, không còn lục đục nữa. Hình như họ mệt. Tôi nhắc lại chuyện xưa, mẹ cười: "Với mẹ, bây giờ cuộc sống là quí nhất".

Mẹ đánh điện: "Về ngay. Bác trưởng mất".

Tôi về. Hôm sau, cả nhà lên tàu vào Nam. Bố mẹ thương bác và nghĩ đến phận già của mình. Tôi cũng thương bác nhưng nhớ chị nhiều hơn. Tôi thích gặp chị để chị thấy tôi không làm chị buồn.

Tàu vào ga. Mẹ nhấp nhổm không yên. Bỗng mẹ kéo giật tôi: "Rụt vào. Có tàu chạy qua, phăng đầu đấy". Tôi thì chẳng thấy con tàu nào cả. Mẹ vẫn thất thần, cuống cuồng hoảng loạn vì một chuyện gì đó. Tôi đâm

nghi ngờ cái sự hốt hoảng của mẹ. Tôi ngó nghiêng. Chẳng có gì đáng chú ý. Chỉ có một người đàn bà, phía bên kia đường ray đăm đăm nhìn chúng tôi. Quần đen, áo bà ba — người đàn bà thật nhỏ bé, nhếch nhác. Dưới chân là mẹt thuốc lá, bên cạnh là cái làn nhựa. Bà đứng như bức tượng nghiêm lạnh giữa khung cảnh huyên náo bậc nhất này. Có một đoàn tàu dài chạy qua. Chật người và hàng hóa, chưa rời ga mà đã mệt mỏi quá. Tàu qua. Tôi nhìn lại phía ấy. Không còn người đàn bà đó nữa.

Tôi và bố mẹ về nhà bác.

Dự đám tang xong, hai ngày sau, một mình tôi về Hà nội, vì công việc, vì không gặp chị. Mọi dự định của tôi với chị tan hết. Mẹ bảo chị cùng chồng đi Đài loan. Vợ chồng chị không có con nên hay đi lắm.

Sài gòn mùa mưa mát và thơm mùi trái cây. Lên tàu sớm, tôi ngồi ngó lung tung. Bất chợt lại thấy người đàn bà đó. Vẫn những hành trang của mình, bà ta trân trối nhìn tôi. Tôi vẫy bà ta lại định mua giúp vài bao thuốc dù tôi đã bỏ từ lâu. Chị không thích tôi nghiện. Hình như bà ta chỉ đợi có thế, vội bước nhanh trên những thanh tà vẹt, leo lên toa tôi ngồi. Hai mắt lóng lánh nước, trên khuôn mặt chằng chịt nếp nhăn như sét rạch bầu trời mỗi khi mưa gió. Một bao Vinataba sáu nghìn năm trăm đồng, bà ta cứ dứt khoát lấy bốn nghìn. Tôi chợt bực mình và ân hận vì cái thiện chí của mình. Thuốc giả. Chỉ có đồ giả mới phá giá chung như thế. Bà ta biết không lừa được tôi nên mới bán giá hạ? Tôi quắc mắt, ném trả lại bao thuốc. Lập tức, bà ta dúi tất cả vào lòng tôi năm bao thuốc và chạy biến, lẫn vào đám người lên xuống. Tôi sững sờ: việc gì phải sợ tôi như thế, tôi có tố giác bà ấy đâu! Tàu đã chạy. Tôi nhìn ra cửa sổ. Người đàn bà lại đứng chỗ cũ, cách tôi những đường ray chằng chéo.

Năm ngày sau, mẹ gọi điện: "Chị mất rồi. Tàu hỏa cán". Rồi khóc hu hu trong máy, mẹ tiếp: "Đã hỏa táng". Tôi gào to: "Chị ở Đài loan cơ mà!". Mẹ rên rỉ: "Chị là cái người bán thuốc lá ở sân ga".

Tôi lao ra sân trường. Trưa loang nắng, hấp hiu gió. Chạy vào phòng bạn bè, tìm lại những bao thuốc. Thuốc hết, còn vỏ không, tôi ôm vào lòng, bật khóc.

Tôi hiểu, đấy là những thứ cuối cùng của chị dành cho tôi.❑

* Trích trong *Bốn mươi truyện rất ngắn*.

Cửa sổ

Phan Triều Hải

Tôi thường ngồi học bài ở đó, bên cánh cửa sổ mở ngược vào trong. Một cánh cửa tạm, trông sang nhà bên. Bất tiện, nhưng người hàng xóm nói: "Cứ để vậy cho nó thoáng". Tôi rất biết ơn họ, vì cánh cửa mở ra một khu vườn tuyệt đẹp, có cây cỏ và những mảng tường đầy rêu, ướt mềm.

Đêm đêm, dưới ánh đèn vàng, được che chắn bởi một tờ báo cũ tôi học và đọc suốt thời niên thiếu. Mùa mưa, mùa nắng đi qua chiếc cửa sổ nhỏ đó, để lại vết tích của mình, mùi khô hanh, mục ruỗng của đất và cỏ cây. Chỉ có khu vườn lúc nào cũng xanh, trong khi người lớn thì già đi, và trẻ con lớn lên.

Tôi đã ôm Hoa và chỉ cho em xem khu vườn.

— Đẹp không?

Hoa rụt vai:

— Đẹp, nhưng bé quá!

Em không biết rằng bao nhiêu năm qua tôi đã không đi hết nổi khu vườn đó. Mỗi đêm, tôi chỉ đủ sức đi hết một ngọn lá tre khô rơi qua cửa sổ. Đôi khi có những đàn kiến li ti, lầm lũi đi, đi mãi mà không hết khu vườn. Vườn mênh mông lắm.

Hoa dụi đầu vào vai tôi, nói: " Em không hiểu nổi anh đấy".

Lúc này chúng tôi đã lớn. Hằng đêm, tôi ngồi viết nhật ký. Ngày nào cũng chỉ chừng đó công chuyện, chừng đó sự kiện, những sự kiện cứ lặp đi lặp lại mãi đến cũ mèm, nhưng tôi vẫn viết. Tôi viết mà chẳng nhớ gì. Tôi chỉ muốn ngồi bên cửa, đón nhận cái thế giới mà nó mở ra.

Noel. Giữa khu vườn mọc lên một cây thông cao ngất, đèn lồng rực rỡ. Lần đầu tiên Nghi được phép tổ chức một đêm hội với bạn bè tại nhà. Đèn giăng từ ngọn cây này sang ngọn cây khác. Tôi nằm trên giường, nghe mưa nhỏ thong thả từng giọt lách tách trên mái tôn, không ngủ được vì tiếng cười đùa, tiếng hát của họ. Nghi nhỏ hơn tôi một vài tuổi. Nhưng tôi như già lắm. Hoa đã đi rồi. Nàng viết: "Giá mà anh thấy lễ Phục sinh ở đây. Lộng lẫy vô cùng".

...Nhớ lễ Phục sinh cuối cùng đó, tôi cầm cây thánh giá mầu nâu đỏ, nhỏ xíu.

— Tặng anh làm kỷ niệm. Hoa nói.

Tôi đưa cho nàng một thiên thần cũng nhỏ xíu, có đôi cánh mầu

xanh.

— Chúc em nhiều may mắn.

Rồi khuya, khi đèn đuốc tắt dần, chúng tôi hãy còn ngồi trong quán vườn quen thuộc. Cây ngậm đầy nước sau cơn mưa, thỉnh thoảng lại rũ xuống những giọt lạnh buốt. Chúng tôi thì thầm với nhau những điều vô nghĩa...

Mưa bây giờ cũng rơi như hồi đó. Từng giọt, từng giọt. Thiên nhiên thì chẳng bao giờ thay đổi. Mưa khi nhiều, khi ít, nhưng rồi vẫn mưa, khi người ta đợi. Còn người thì luôn khó dò, khó tìm, lại mong manh. Rốt cuộc rồi thì với người, chẳng có gì là tuyệt đối, là vĩnh viễn. May ra có cuộc đời này, nối tiếp nhau, hết đời người này đến đời người khác, là bất tận. Hoa ra đi cũng chỉ là một phần nhỏ nhoi trong đó thôi. Em cũng đang tiếp nối một phần đời khác của đời sống, một phần nào đó không có tôi ở bên. Và tôi cũng chẳng thể nhớ nhung mãi được, tôi cũng cần phải nghĩ cách để đi hết những ngày cô quạnh này.

Căn phòng tối om. Tôi mở cửa, vườn vắng lặng. Ngày hội cũng đã qua, những chùm đèn nguội dần loang loáng nước mưa. Tiếng Nghi nhỏ.

— Khuya rồi anh.

— Ngày mai...Chàng trai hẹn

— Vâng.

Tiếng kéo cửa lách cách. Con Milu gầm gừ vẻ khó chịu. Đêm trong vắt, bà lão vẫn còn ngồi đó, bất động. Nghi nói: "Con đưa nội vào". Bà lão run rẩy lần mò dép, lưng gập xuống.

Khu vườn hãy còn xanh tươi, nhưng tuổi già thì đã từng qua đây và đọng lại những nếp nhăn chồng chéo nhau trên mặt người. Tình yêu cứ luôn trẻ, mà người ta thì chẳng thể nào níu giữ được nó ở lại với mình. Những cuộc hò hẹn, sự hồi hộp, sự run rẩy mà Nghi vừa trải qua khiến bà nhớ ngày xưa. Chúng không còn làm bà buồn. Bà sống chỉ để chờ đợi. Sự chờ đợi của một chiếc lá vàng úa, khô cằn.

Buổi sáng, Nghi kéo nước giếng, tưới hàng dãy chậu kiểng quanh vườn. Tôi kéo màn cửa, nghe thử băng nhạc mới. Michelle, ma belle...sont les mots qui vont...

— Nghe xong cho em mượn. Nghi nói.

Tôi đưa cho cô. "Đây".

— Chút xíu nữa — Nghi xoè đôi tay lấm lem — Em còn phải làm.

Rồi dựa vào bên cánh cửa sổ của tôi, cô kêu: "Tốc, tốc..."

Đàn gà túa ra, chạy đến kêu chíu chít. Những con gà con vàng óng mềm mại như những cục bông lúc thúc chạy, ngã, rồi lại chạy, chen chúc nhau. Nghi cười như nắc nẻ. "Xem kìa, xem kìa...". Lưng cô đẫm ướt, vai tròn căng. Sống giữa một khu vườn như vậy, người ta cũng đầy sức sống.

— Không thấy bà đâu. Tôi hỏi

— Bà mệt.

Cô quay lại:'

— Mà lâu nay, hình như anh cũng không thức khuya nữa. Không thấy ánh đèn.

Tôi im lặng. Tôi đã bỏ bê công việc từ lâu lắm. Ban đầu vì buồn, nhưng lâu dần nỗi buồn cũng qua, chỉ còn lại thói quen. Lười biếng đã trở thành thói quen từ lúc nào.

— Anh muốn xem hình của bà không? Nghi la lên

— Đẹp lắm nghe. Hồi trẻ bà đẹp ghê lắm.

Tôi nhìn Nghi nhảy từng bước dài qua những luống rau, nghĩ: "May mà mình còn có cánh cửa này".

...Đêm, muỗi từ vườn bay vào phòng, vo ve bên tai đến khó chịu. Tôi trả ảnh cho Nghi.

— Bà ngày xưa đẹp thật.

Nghi thở dài:

— Rồi ai cũng già.

— Nhưng họ đã được trải qua một thời trẻ trung. Tôi nói, không muốn Nghi buồn.

— Những người đẹp khi về già, ngắm những tấm ảnh xưa cũ, sẽ được an ủi phần nào. Còn những người khác? Họ sẽ lấy ở tuổi trẻ cái gì để làm kỷ niệm, để mà nhớ sau này?

— Họ sẽ làm việc. Chẳng hạn nhạc sĩ sẽ giữ lại những bài hát. Tôi nói, cảm thấy buồn ngủ.

— Nhưng họ có tài. Còn em...

— Em sẽ sinh con. Mười đứa — Tôi ngáp — Mười đứa mập mạnh.

Nghi reo lên.

— Có lẽ như vậy thật — Nghi nắm khung cửa — Chà, một tác phẩm lớn, phải không? Mười đứa.

— Ừ

Tôi gục xuống bàn. Hình như lúc nửa đêm có mưa, tôi mơ màng nghe tiếng chân Nghi bì bõm lội đi che chắn chuồng gà, và tiếng cô đóng

giúp cửa sổ.

...Khách khứa đến nhà tôi bao giờ cũng tấm tắc: "Cái vườn tuyệt thật". Và định giá: "Bây giờ dễ đến...". Giá của khu vườn ngày càng cao. Ngày ngày, Nghi vẫn đều đặn chăm sóc cây cối. Gần Tết, trong vườn mai nở vàng rực. Bà cụ vẫn ngồi trên ghế đá cũ, cằn cỗi nhưng vững chãi. Có vẻ như tuổi tác rút đi dần thân xác của bà, nhưng gió, cây trái, hương hoa của khu vườn lại bồi đắp vào những mất mát đó. Và bà cụ cứ ngồi vậy, cho đến mùa khô.

Mùa khô, người ta đốn cây tre bên khung cửa. Nghi, mắt đỏ hoe, an ủi tôi " Anh đừng buồn".

Nhưng rồi cây mai cũng bị chặt ngã. Nghi không xuất hiện nữa. Cây cối thưa thớt dần. Khu vườn được khoanh lại, được tính toán, chia chác. Người ta định vị năm ngôi nhà mới sẽ mọc lên trên cái vườn cũ.

Bức tường mới được xây áp sát vào căn phòng tôi. Nó mọc lên chậm rãi và đều đặn, như nước lũ lên vào mùa đông ở quê. Nhưng lúc này là giữa trưa, những viên gạch xếp chồng lên nhau, lấp dần cửa sổ. Nắng bị chắn dần, chắn dần và tắt hẳn. Căn phòng sáng sủa nay như một cái nhà kho tối tăm, chật hẹp. Tôi ngã mình trên giường, nằm yên như vậy rất lâu, nghe tiếng cát đổ rào rào, và thấy trong không gian có một cái gì đó đã chết hẳn rồi. Không còn tiếng của cành lá đêm đêm cọ quẹt trên mái, cũng không còn tiếng của con Milu giữa đêm vô cớ gầm gừ. Cũng chẳng còn gió.

Mùa mưa. Tôi ngồi vào bàn viết cho Hoa. Em đã than "Em thiếu mưa Sài gòn quá". Tôi ngồi nghe mưa gõ nhịp như bao lần, nhưng không viết được. Em đọc thư tôi và sẽ hỏi "Mưa ở đâu đây?". Không phải những cơn mưa ngày xưa, khi tôi chở em, trong tấm áo choàng bít bùng mà ấm cúng. Không có hơi nước mát lạnh, không có mùi của đất ẩm, cũng không có mùi mục ruỗng của lá khô và mùi trong vắt của cây cỏ. Mưa vẫn đều đều, nhưng tôi không cảm nhận được gì ngoài âm thanh của những ngón tay nhịp nhịp xuống bàn, chờ đợi...Cửa sổ đã đóng hẳn lại, vĩnh viễn. Mảng vuông gạch thấm nước thẫm lại cũng cô độc. Em đã từng nói khu vườn này bé lắm. Bây giờ thì chẳng còn khu vườn nào nữa. Và mầu xanh nào đó còn sót lại trong tôi, từ lúc em đi, cũng đã héo úa rồi. Người ta đã tự giam mình vào một đời sống tiện nghi, một thứ tiện nghi mệt mỏi.

Sau cơn mưa tầm tã đêm qua, bà cụ qua đời.

Một dải băng đen vắt ngang qua cổng. Lưa thưa người đến viếng. Ở

tuổi này người ta cũng chẳng còn bạn bè. Nghi trông nhợt nhạt buồn bã.

— Xin chia buồn. Tôi nói.

Nghi cười yếu ớt:

— Bà cũng chỉ đợi ngày ra đi — Cô nói thêm — Vả lại cũng chẳng còn vườn.

Bà lẽ ra đã có thể sống qua được mùa mưa này. Bà đã quen với cỏ cây, với bầu trời thoáng đãng, với gió và tiếng của chim muông. Nghi cũng vậy, cô trông có vẻ cô đơn. Cô dắt tôi lên lầu. Ngoài hiên có một chiếc bồn hoa hẹp, những bông hoa mười giờ đỏ thẫm ướt đẫm, run rẩy. Và có cả một cây hồng chưa ra hoa. Nghi hỏi:

— Đẹp không?

— Đẹp — Tôi thấy xót xa — Anh ta đâu ?

— Đi rồi — cô nói — Dường như tất cả đều có cùng một cái kết thúc. Người sẽ già. Vườn sẽ tàn. Tình yêu cũng sẽ đi.

—Nhưng ít ra sẽ còn lại cái gì đó...

Nghi ngập ngừng:

— Phải. Kỷ niệm — Cô thở dài — Nhưng kỷ niệm thì chẳng bao giờ vui.

Tôi lắc đầu:

— Không phải.

Gió hiu hiu thổi. Tiếng kinh kệ im bặt. Mấy ông thầy ra hiên ngồi nghỉ. Người đọc báo, người ngồi hóng mát. Họ nói chuyện, mỉm cười, như quanh đây chẳng hề có chết chóc. Nghi chỉ cây hồng:

— Liệu nó sẽ ra hoa không?

— Có chứ. Ở đây nhiều nắng mà.

Nghi cầm tay tôi.

— Nhiều thay đổi quá. Em tưởng chừng như không thể nào quen được — Và cô cười — Anh có bao giờ nghĩ, em sẽ như thế nào lúc về già không?

— Không — Tôi nói.

— Em sẽ có những đứa con — Cô đưa tay lên — Mười đứa.❑

* Trích trong tập truyện ngắn đầu tay *Vào Đời* của Phan Triều Hải, Nxb Văn Nghệ TP HCM 1994.

THƯỜNG QUÁN

Phế tích

Bay vào khoảng xám những vì sao
tro than biển nước
bãi cát già lũ sóng trẻ con
dập ngoài yên giấc

Dường cây trơ đá tảng ngoài trời
một thành phố chưa dựng
tôi phủ phục
trên thềm đá vã mồ hôi đen lưng ngựa
chờ mặt trời bếp lửa đỏ
cành dương

Em về như điềm báo
thơ dán trên những cửa
mái cỏ liếp tranh
mưa phùn rồi nắng ửng

Mây nối đùn núi cũ
phẳng lặng khoảng rừng khô thưa
sau ngày chiến tranh
đưa bàn tay

Một thành phố gạch đá phế tích
ngang tầm mắt
nhiều ngàn năm nắng mây và rễ xanh dựng lên
vừa hủy phá trong nước

tôi bó lại gói thơ của người
tiếng nói hương nắng
con đường cỏ cháy

Cánh bướm chẳng ngủ một buổi sáng
sinh ra và phải
mất đi.

Triển vọng của văn học hải ngoại

Nguyễn Mộng Giác

Năm 1989 trong dịp qua Thụy sĩ thăm hai người em, tôi đi qua những tỉnh khác nhau của đất nước nhỏ bé nhưng xinh đẹp giàu có ấy. Qua vùng người Thụy sĩ gốc Đức, tôi thấy gia đình nào cũng xem chương trình truyền hình của Bonn; dân Thụy sĩ gốc Pháp xem đài Paris ; còn dân gốc Ý thì xem đài Roma. Các chương trình nói tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Ý của địa phương chỉ giữ vai trò phụ thuộc. Dân Thụy sĩ lập nghiệp lâu đời trên vùng đất lâu nay họ vẫn sống, nhưng dây liên hệ chủng tộc với đất mẹ khiến họ không thể có được một nếp sống văn hóa độc lập. Họ tự nguyện trở thành một thứ "đại lý" của nền văn hóa gốc, vui buồn với những thăng trầm của các nền văn hóa đó. Họ không có bản sắc, mà cũng không hề muốn có một bản sắc riêng để cố chứng tỏ cho con cháu rằng tuy mình gốc Pháp, nhưng mình có một sinh hoạt tinh thần không giống gì với đồng bào hiện sống tại Pháp.

Chúng ta có thể biện luận rằng vì dân số các sắc tộc của Thụy sĩ quá nhỏ, không đủ tạo thành một nền văn hóa. Xin nói tới những nhóm di dân đông đảo hơn.

Những di dân gốc Hoa lập nghiệp trên đất Mỹ đã gần hai trăm năm, và hơn hẳn người Việt chúng ta, họ có nhiều kinh nghiệm trong phương cách làm sao vừa thích nghi với đời sống di dân vừa giữ được bản sắc dân tộc. Khắp thế giới , nơi nào có vài tiệm ăn, tiệm tạp hóa của người Hoa là thế nào cũng có một ngôi đình hay chùa Tàu. Vào một khu Chinatown ở New York, San Francisco hay Los Angeles, chúng ta thấy ngay người Hoa có một sức mạnh văn hóa khủng khiếp: họ vẫn sống theo cách của họ, từ nhà ở, cách mua bán, lối ăn uống, cả các nết tốt lẫn tính xấu. Họ không đồng văn với người địa phương, và coi điều ấy tự

nhiên. Họ cũng không thắc mắc tìm cách tự biến đổi để hòa đồng với phong tục tập quán của người bản xứ. Họ thỏa hiệp, thực tiễn về phương diện kinh tế để sống còn, nhưng không hề thỏa hiệp về văn hóa. Khôn khéo né tránh không dây dưa vào những tranh chấp chính trị tại địa phương, người Hoa bảo vệ được cùng một lúc hai quyền lợi thiết yếu: sức mạnh kinh tế và sự độc lập về văn hóa. Như các di dân gốc Do thái, người Hoa là kiểu mẫu của những nhóm di dân thành công.

Nhưng vào một khu phố người Hoa, tìm đến các tiệm sách báo, chúng ta sẽ thấy đời sống tinh thần của người di dân gốc Hoa cũng không khác mấy với những người Thụy sĩ gốc Pháp, Đức, Ý. Sách báo họ đọc xuất xứ từ Bắc kinh hay Đài loan, Hương cảng tùy theo lập trường chính trị của chủ nhân. Trong tiệm ăn, người Hoa bàn tán với nhau về thời sự chính trị tại Trung Hoa, báo chí thông tin đầy đủ những tin tức điện ảnh, ca nhạc, văn chương trong nước, nghĩa là vẫn giữ vai trò của một thứ "đại lý". Hoặc làm đại lý cho Bắc kinh, hoặc làm đại lý cho Đài loan. Như người Thụy sĩ gốc Pháp, người Hoa ở Mỹ không cố gắng tạo ra một nền văn học, một nền điện ảnh, một nền ca nhạc độc lập.

Không cố gắng không phải vì họ không có sức cố gắng. Họ có thừa sức mạnh (cả vật chất lẫn tinh thần), thừa kiên nhẫn. Họ không cố gắng vì họ biết một điều vô cùng quan trọng: họ không thể đi ngược dòng cuốn của thời gian. Những đợt di dân tiên phong nếm đủ mùi cay đắng, làm phu hỏa xa, làm thợ giặt ủi, bị cấm lai vãng đến những nơi công cọng, bị kỳ thị xua đuổi...Dần dần họ tụ lại bên nhau thành các cộng đồng để nương tựa bảo vệ lẫn nhau, bám víu lấy ngôn ngữ và truyền thống làm sức mạnh tinh thần. Nhưng qua một thế hệ thì truyền thống càng lỏng lẻo, khả năng thông hiểu tiếng mẹ đẻ cũng giảm sút. Trẻ con đi học tiếng địa phương, nói tiếng nước ngụ cư giỏi hơn tiếng mẹ đẻ. Nhờ sống trong cộng đồng nên chúng vẫn có thể nói chuyện với cha mẹ ông bà bằng tiếng Hoa, nhưng khi muốn diễn tả điều gì phức tạp hơn, tế nhị hơn, chúng thoải mái với tiếng Anh. Đọc sách báo bằng chữ Hoa khó khăn hơn đọc sách báo tiếng Anh. Khoảng cách văn hóa, khác biệt về đời sống tinh thần giữa lớp già và lớp trẻ ngày càng rộng. Làm sao có thể tạo dựng một nền văn học, âm nhạc, điện ảnh, kịch nghệ độc lập với chính quốc và nước định cư, khi giới trẻ không cung cấp được đủ số lượng cần thiết những nhà sáng tạo và những người thưởng ngoạn? Thôi, thì đành làm "đại lý" vậy!

Trường hợp chúng ta, những người tị nạn Việt Nam lần đầu trải qua

kinh nghiệm di dân, chúng ta có nhiều may mắn hơn những di dân người Hoa hay không?

Hai mươi năm là một thời gian quá ngắn để một sắc tộc từng trải qua hết kinh nghiệm di dân và rút ra được những kinh nghiệm. Hiểm họa cộng sản, phong trào tranh đấu cho nhân quyền của thập niên 60 phần nào đã dọn đường cho tập thể tị nạn Việt Nam, nhờ thế chúng ta được các nước thu nhận người tị nạn dành cho những tiện nghi và quyền lợi di dân mà người Hoa thế kỷ trước không hề có. Nhờ những giúp đỡ thiết thực ban đầu ấy, chúng ta nhanh chóng ổn định đời sống, con cái được học hành, thành lập được những cộng đồng có tổ chức với sinh hoạt văn hóa xã hội chính trị riêng. Không trải qua những khó khăn các đợt di dân khác phải gặp, chúng ta hăm hở, tự tin. Tự tin một cách quá đáng. Chúng ta tưởng tập thể người Việt ở hải ngoại là một trường hợp đặc biệt trước đây chưa hề có, nên cùng nhau lựa chọn một kiểu sống: sống như người Mỹ (hoặc Pháp, Canada, Úc, Đức...), nhưng nghĩ như người Việt.

Chữ "chúng ta" ở đây chỉ những người tị nạn Việt thuộc thế hệ thứ nhất. Chúng ta quên là con cháu chúng ta thuộc thế hệ thứ hai đã bắt đầu "nghĩ như người Mỹ" (hoặc Pháp, Canada, Úc, Đức...) trong khi thoải mái hòa đồng vào đời sống tại địa phương định cư. Bằng chứng ở đâu? Xin nhìn xuống số người đến tham dự những buổi ra mắt sách, ngâm thơ, giỗ tổ Hùng vương, hội thảo văn học... đếm thử số bạn trẻ trên dưới hai mươi hiện diện, so với số người thuộc lớp trung niên và cao niên. Xin để mắt một lần tới số sách báo, băng video, băng nhạc con cháu chúng ta đang đọc đang xem đang nghe. Xin hỏi thử ý kiến con cháu chúng ta về những đề tài thời sự đang làm "sôi sục" cộng đồng.

Riêng trong sinh hoạt văn học, xin làm một cuộc thăm dò điều tra xem có bao nhiêu độc giả ở lứa tuổi hai mươi. Một nền văn học bình thường (chưa nói tới một nền văn học phát triển) phải dựa trên một nền tảng độc giả bình thường, nghĩa là số lượng độc giả tính theo lứa tuổi thay đổi theo hình tháp, độc giả trẻ tuổi nhiều nhất làm nền vững chắc, sau đó càng cao tuổi số độc giả cứ giảm dần. ở hải ngoại, biểu đồ xoay ngược lại: nhiều nhất là số độc giả tuổi cao, càng trẻ đọc sách báo Việt càng ít.

Đọc ít thì đã sao? Độc giả ít nhưng văn chương hay thì vẫn cứ hay. Thơ văn là thú tiêu khiển tao nhã, là món ăn tinh thần quí giá, là kho kinh nghiệm vô tận của nhân loại cổ kim, đâu phải là hàng bán *sale*

nhằm chiêu dụ hạng phàm phu tục tử....Khách tao nhân tài tử kiêu hãnh tuyên bố như thế. Và đời cũng có sẵn một số thành kiến bất thành văn: văn nghệ sĩ thì phải nghèo, sống lang bạt bê bối một chút cũng khả thứ, thơ truyện không phải là món hàng mua bán, sách bán chạy như tôm tươi thì phải coi chừng phẩm chất..."Tôi vừa thấy tập thơ của ông bày bán ở tiệm. Xưa nay tôi vẫn mê thơ ông. Tôi mua cũng được, nhưng được nhà thơ tặng cho một tập, thì vẫn quí hơn." "Vâng, có lẽ thế." Và nhà thơ nắn nót viết lời đề tặng, lòng hân hoan. Sau cơn hân hoan là nỗi chua xót, lo âu: Làm sao xoay đủ tiền trả nhà in đây! Cứ thế, văn chương như bay lượn trên một cõi cách rất xa mặt đất, như không buồn băn khoăn về những chuyện tủn mủn như áo cơm, tiền trọ, tiền bảo hiểm, tiền xăng, tiền cà phê cà pháo. Độc giả ít, thì đã sao?

Có "sao" lắm chứ, nhất là ít độc giả trẻ. Vì kinh nghiệm của ngành xuất bản cho thấy giới trẻ bao giờ cũng mạnh dạn chi tiêu không cần tính toán cho những gì họ ham thích. Những độc giả trung niên hiện chịu trách nhiệm nặng nề với gia đình, dù ham thích văn chương tới đâu cũng không dám vung tay mua sách. Họ phải tính toán so đo trước khi mua một tập thơ, một cuốn truyện. Bị cuốn hút vào đời sống cơm áo tất bật, họ cũng ít có thì giờ đọc sách. Lớp cao niên thì tới một lúc nào đó, không còn tha thiết đến bất cứ thứ gì trên đời. Hậu quả rất dễ thấy: tuổi của cộng đồng di dân càng cao, sức mua sách báo Việt ngữ của cộng đồng càng giảm. Đó là một chiều hướng không thể vãn hồi, một khi biểu đồ độc giả vẫn là hình tháp ngược. Mãi lực thấp thì việc xuất bản khó khăn, tạo ra một hiện tượng đã bắt đầu thấy nhan nhản trong sinh hoạt chữ nghĩa ở hải ngoại: hiện tượng những tác giả có văn tài nhưng chỉ xuất bản một tác phẩm rồi thôi, vĩnh biệt văn chương từ đây! Một hiện tượng khác cũng tương tự là nhiều cây bút trẻ có tài, đột ngột xuất hiện rồi đột ngột biến mất như một ánh sao băng. Như họ ngẫu nhiên mà đến với văn chương, nên lìa bỏ văn chương không một chút bịn rịn, luyến tiếc. Vì sao thế?

Năm 1991, trong một cuộc họp mặt thân hữu, tôi có đặt câu đó với một nhà thơ trẻ đang độ sung sức: anh Nguyễn Hoàng Nam. Tôi hỏi Nguyễn Hoàng Nam vì sao những người viết trẻ dường như không có sự đam mê sáng tác liên tục, hứng thì viết thật nhiều rồi lại ngưng, thản nhiên đi làm chuyện khác.

Tôi hỏi, vì biết cái ma lực của chữ viết, nhất là lúc đã thành chữ in và

tới được tay bạn đọc. Chữ viết trên bản thảo định hình được những điều mông lung rối rắm chất chứa trong lòng tác giả, những điều tác giả tưởng đã biết rõ nhưng thực ra không biết nhiều, đến nỗi khi thành chữ, chính tác giả cũng kinh ngạc ngỡ ngàng. Từ chữ viết dập xóa trên bản thảo sang chữ in ngay ngắn trên trang sách, lại có sự biến ảo kỳ diệu khác. Tiếng vọng từ phía bạn đọc mang cho tác giả những dư âm đa dạng kỳ thú (hay kỳ dị), đưa cả tác giả lẫn tác phẩm vào một cuộc phiêu lưu mới. Những đợt sóng ấy tiếp nối, đợt sau đẩy đợt trước, người cầm bút miên man hết cuộc phiêu lưu này đến cuộc phiêu lưu kia, thấm thoắt theo nghiệp văn vài chục năm lúc nào không hay.

Trước ngày tự tử một tuần, ở Trung tâm Văn bút Việt Nam (Sài gòn), nhà văn Nhất Linh hỏi Vũ Hạnh: "Thế họ (giới văn nghệ sĩ) sống như thế nào?". Vũ Hạnh đáp: "Sống bằng quảng cáo và sống thiếu thốn. Còn anh, ngày xưa anh sống thế nào?". Nhất Linh đáp: "Chúng tôi sống bằng lý tưởng của mình và sống hết sức đầy đủ". Thế hệ Nhất Linh sống và viết đam mê. Thế hệ Võ Phiến, Mai Thảo, Doãn Quốc Sĩ...vỡ mộng về cuộc kháng chiến giành độc lập, không xông pha vào hành động như thế hệ Nhất Linh nhưng vẫn viết đam mê. Thế hệ lớn lên trong thập niên 60 ở miền Nam lại càng đam mê hơn, nào "văn chương dấn thân", nào "sứ mệnh văn nghệ", mê mải kiêu hãnh với vai trò "chứng nhân của thời đại". Những giấc mộng vá trời cộng với ma lực của chữ viết, khủng khiếp biết bao nhiêu!

Vì thế tôi thành thực kinh ngạc trước vẻ thờ ơ của giới trẻ. Nguyễn Hoàng Nam viết cả một bài dài trên Thế Kỷ 21 (số 24, tháng 4.1991) trả lời câu tôi hỏi. Xin lược trích ý kiến của anh:

"Tuy lý do một người trẻ Việt kiều làm thơ phần lớn xuất phát từ những nguyên nhân kỳ bí, nhưng sự kỳ vọng của những người đi trước dĩ nhiên có ảnh hưởng không nhỏ, nhất là trong các giai đoạn đầu. Đặt giả thuyết là người làm thơ trẻ này lớn lên ở Mỹ, y có thể kinh qua đại khái toàn thể hoặc hầu hết những giai đoạn sau đây:

Giai đoạn 1: Trách nhiệm tối thiểu: "Chỉ sợ bầy con quên Việt ngữ. Đừng lo lũ trẻ dốt Anh văn". Đó là lúc đầu. Dễ. "Dạ thưa bác, chữ Nguyễn là dấu ngã chứ không phải dấu hỏi ạ." Thế là xong.

Giai đoạn 2: Trách nhiệm, Hổ ngươi, và Nhu cầu Tiềm thức Trên Trung bình: "Biết đọc tiếng Việt rồi, sao mày không nghiên cứu văn chương Việt Nam?". Vẫn dễ thôi. Lời quê chắp nhặt dông dài, Mua vui cũng được một vài trống canh, cái này của Nguyễn Du; Trai thời trung hiếu

làm đầu, Gái thì tiết hạnh làm câu trau mình, cái này Nguyễn Đình Chiểu; Cách biệt bao lần quê Bất Bạt, Chiều xanh không thấy bóng Ba Vì, cái này Quang Dũng; Buổi chiều không xanh không tím không hồng, Những ống khói tàu mệt lả, cái này Thanh Tâm Tuyền; Kẻ thức tỉnh ngu ngơ nhìn nắng mới, Ta làm gì cho hết nửa đời sau, cái này Cao Tần. Dạ thưa bác, có cần gì thêm nữa không ạ?

Giai đoạn 3: Nhu cầu Tiềm thức Trên Trung bình: "Mày đọc nhiều thế, sao không chịu viết gì cả?". Không khó gì, tuy bắt đầu hơi mệt...OK, cứ nhớ Sài gòn cái đã, mặc dù sinh trưởng và vượt biên ở Cà mau. Phải Khe Sanh, Đồng Xoài, Bình Giã, triệt thoái cao nguyên, căm thù cộng sản, mặc dù sang Mỹ năm 75, lúc mới hai tuổi rưỡi. Làm thơ tình bắt buộc phải áo trắng tan trường, tóc thề mây bay theo gió, dáng liễu vai gầy...mặc dù con bồ thật để tóc *punk*, hắc y nữ hiệp Hồng kông, chạy *Acura*, và thường viếng thăm *Holiday Health Spas*. Làm thơ đấu tranh phải có sôi sục căm hờn, kháng chiến giải phóng quê hương, nằm gai nếm mật, da ngựa bọc thây, mặc dù mỗi ngày đi làm về nằm uống bia xem phim bộ và mỗi năm nghỉ hai tuần về Việt Nam vung tiền nhảy đầm chơi gái..

Giai đoạn 4: Động viên: "Mày dở ẹt. Cứ như con két. Mấy đề tài đó làm sao cạnh tranh với tụi tao nổi. Tuổi trẻ phải có cái gì mới chứ". Phiền phức bắt đầu từ đây. Mới là thế nào? Trong văn chương Việt kiều, nhất là riêng về thi ca, cái mới, cái chưa ai nói tới, lại là đời sống đang diễn ra hằng ngày trước mắt. Rất nhiều người trẻ, ở cương vị sáng tác hay độc giả, bị nhồi sọ rằng những những thứ trước mắt không thể nào là thơ được. Ai cũng phải công nhận: thơ là một trong vài lối thoát cuối cùng để một cá nhân có thể chân tình, thành thật với chính mình và với độc giả. Không thể có một sự thành thật hàm thụ. Hơn nữa, thói quen sáng tác hàm thụ sẽ dẫn đến thái độ chối bỏ đời sống hiện tại, một căn bệnh thông thường của giới đi trước trong làng văn chương Việt kiều. Nhưng giới đi trước có quyền bám lấy quá khứ, vì đó đã từng là hiện tại của họ. Còn đối với giới trẻ, nó chỉ là một thứ quá khứ giả, một quá khứ tự nhận...

Giai đoạn 5: Hoài bão: "Tao đã đào tạo mày thành cây bút trẻ số 1. Mày cứ viết, cứ viết. Cái gì cũng được, tiếng gì cũng được. Rán lấy Nobel văn chương, hoặc tệ lắm cũng phải hơn bọn trong nước".

ở giai đoạn chót, người viết trẻ rất dễ bị tẩu hỏa nhập ma vì vài lời khen trên mặt báo, vài cái bắt tay, vài nụ cười trong quán nhậu. Thi ca của những người viết trẻ không thể nào lấy bẩy khúm núm bệnh hoạn

trong những sự nối gót, sự tiếp tục, sự thừa kế nào cả...Cành cây đã đứt lìa, đã mang trồng ở nơi khác tất nhiên phải có đời sống riêng của nó. Lá riêng, nhánh riêng. Và từ đó, trở thành một cây riêng. Mạnh khoẻ. Không mặc cảm tự ti (không còn gì để viết). Không mặc cảm tự tôn (hồi xuống tàu, tôi mang nguyên cả nền văn chương Việt Nam). Đời sống trước mắt, xã hội Việt kiều, nước Mỹ, nước Anh, nước Hòa lan, Đan Mạch, Thụy Điển, Iran, Iraq...bộ không có gì đáng nói, đáng tả, đáng khen, nịnh, chửi, xỏ, móc, bới, đào, vun, xới hay sao?"

Đọc bài viết của Nguyễn Hoàng Nam, tôi mừng, vì nghĩ tôi đã lầm. Giới trẻ không thờ ơ và thiếu đam mê như tôi tưởng. Lòng tự tín, ý hướng làm mới văn chương, quyết tâm không theo những lối mòn dễ dàng giả tạo, chúng ta đã từng thấy ở buổi khởi đầu của Tự lực văn đoàn, của *Sáng Tạo*, của *Quan Điểm*, của *Thái Độ*, của *Hành Trình*, của *Đối Diện*. Nhưng chỉ một năm sau, gặp lại Nguyễn Hoàng Nam trong một cuộc hội thảo văn chương, anh thú nhận càng viết anh càng thấy mình không giống gì với những người cùng trang lứa. Họ không quan tâm anh đã viết gì, còn thắc mắc sao anh cứ chơi với mấy ông già lẩm cẩm. Thế hệ anh không chia sẻ tâm tình của anh. Ai chia sẻ với anh đây?

Thơ Nguyễn Hoàng Nam, thơ Đỗ Kh. là xúc cảm của giới trẻ trước cuộc sống hiện tại, nhưng lại bị chính những người cùng sống trọn với hiện tại thờ ơ. Ma lực của chữ nghĩa, dư vang của trang in không được như những thời trước. Phải chăng vì họ làm thơ bằng Việt ngữ? Viết về cái khoái được ngoạm một miếng *pizza* nhai ngon lành rồi hớp một ngụm Pepsi Cola bằng thơ lục bát, chao ôi, quá khó! Ngâm Hồ trường nốc Heinekein mà phải nhớ các hình phạt khi uống rượu lái xe trên xa lộ thì giọng ngâm thơ phải bớt sang sảng! Nếu họ làm thơ viết truyện bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Ý? Vâng, nếu viết hay, họ sẽ thành công, sách in bìa cứng giấy mỡ gà, được giới thiệu trân trọng trên *The New Yorker*, phụ trang *Book Review* của *The New York Times* điểm sách, nhà xuất bản chịu chi phí đi đó đi đây ra mắt sách tặng chữ ký mệt nghỉ. Có như thế may ra người Việt mới có một văn tài được Nobel văn chương, dù lúc đó người lãnh giải mang quốc tịch Đức, Anh, Mỹ, Ý...

Lúc đó là lúc nào? Tagore thi hào Ấn độ được Nobel văn chương không phải vì ông làm thơ tiếng Anh tuyệt vời, mà vì thơ ông tiêu biểu trọn vẹn cái đẹp, cái huyền nhiệm của cả nền văn hóa Ấn độ. Yasunari Kawabata, Kenzaburo Oe hai văn hào Nhật được Nobel chẳng những

nhờ tiểu thuyết của họ là Truyền Thống và Cách Tân trong một nước Nhật chuyển mình, mà còn nhờ chính cái uy thế kinh tế của nước Nhật, nhờ những chiếc xe hơi Honda, máy truyền hình Sony, tủ lạnh Hitachi, máy ảnh Nikon...đang tràn ngập thị trường thế giới.

Văn chương vượt ra khỏi được biên giới quốc gia không nhất thiết đòi hỏi tác giả phải vượt ra khỏi ranh giới của đất nước. Cũng không nhất thiết phải vượt qua khỏi rào cản của ngôn ngữ. Chính người viết phải vượt qua được những thứ ranh giới mơ hồ nhưng gian nan hơn biên giới quốc gia nhiều lắm. Từ cái riêng, nói được cái chung của dân tộc mình. Từ cái riêng của dân tộc mình nói được cái chung của bất cứ dân tộc nào. Nhất định không dẫm lên lối mòn của những đồng bào lớp trước, nhưng lại dẫm lên lối mòn của những người dị chủng, người viết trẻ hải ngoại có thể bị cả hai bên thờ ơ. Một mẫu nhân vật văn chương đang được khai thác trên thế giới là những di dân không căn cước, bị kẹt giữa các nền văn minh, không thuộc về đâu, di chuyển như con thoi giữa những vùng đất phong tục rơi rớt từ thế kỷ 17 sang những thị thành của thế kỷ 21. Họ là những nạn nhân hơn là những mẫu người tiền phong của nghệ thuật.

Những vấn đề đó đặt ra quá sớm cho một cộng đồng di dân chưa đầy hai mươi tuổi. Thế hệ thứ nhất vẫn còn đó, đông đảo, ngày ngày hồi tưởng, nhớ tiếc, lật từng trang album mà vui mà buồn. Họ không sống bằng quá khứ thì họ sẽ phát điên với hiện tại. Đó là phương pháp trị liệu tốt, và thế hệ thứ nhất có quyền làm điều đó. Trong vòng mười năm nữa, chất liệu sáng tạo của văn học hải ngoại vẫn là quá khứ, dù cung bậc cảm xúc và cách biểu hiện có đổi. Tiên đoán này có thể sai nếu có những biến chuyển chính trị lớn ở Việt Nam. Lúc đó sinh hoạt văn học nghệ thuật tại quốc nội chuyển biến dữ dội, và một thực tế mới xảy ra tại hải ngoại: sinh hoạt văn nghệ di dân không còn biệt lập, dần dần yếu đi, khiêm nhường đóng vai trò "đại lý" y như những người Thụy sĩ gốc Pháp, gốc Ý, gốc Đức, hoặc những người Mỹ gốc Hoa ở New York, San Francisco. Lớp trẻ sẽ có những Amy Tan kể chuyện những cô Tấm Việt Nam gặp được những chàng hoàng tử mắt xanh da trắng như một cơ may khai hóa, hoặc những phong tục Việt Nam thêm thắt hấp hẫn kỳ dị cho những nhà xuất bản chuyên in loại chuyện nước lạ non xa. Chuyện bình thường của những đời thường. Biệt lệ của những thiên tài, tôi không bàn ở đây!❑

NGUYỄN CHÍ KHAM

Người tình

những đứa trẻ đã gọi tên nhau khi trở về trong giấc ngủ
giữa đêm qua
không biết
(một kẻ nào vắng mặt
phố cũ đổ xuôi xuống con dốc)
mưa nặng nề ngăn chận các lối đi
nhà ga ngập nước
ngọn đèn vùi sâu trí nhớ
không còn một niềm vui để mộng ước những giấc mơ vàng
nơi ký ức
vẫn còn bị ngăn chia nhiều khoảng trống
khu vườn mùa thu
lá đỏ
sóng sánh đủ màu trái cây
hương thơm
dàn dụa
nước mắt trong sương mù
rất đẹp
ngoài mái hiên
vẫn còn nắng
nhu tận cùng dĩ vãng là cỏ non xanh
mỗi mùa
nối tiếp lại một xâu chuỗi thời gian
ngày hôm qua
câu chuyện chẳng có gì đáng trách
sao em lại bỏ ra đi
và tình cờ
tôi đứng lại
bên một dòng sông
nghe nước bắt đầu chảy

Hai truyện thật ngắn

Lời dịch giả:

Theo những người quan tâm đến văn chương nói chung, đến truyện ngắn nói riêng (hay đúng hơn, truyện thật ngắn, mượn đỡ đề sách của Võ Phiến, Văn Nghệ, 1991) hình thức truyện ngắn ngắn (Anh ngữ: Short short stories) đang hồi nở rộ. Hai truyện thật ngắn được dăng kỹ này, một tác giả từ Đài Loan một tác giả từ Trung quốc nội địa, chỉ là hai trong sáu mươi truyện thật ngắn quốc tế thâu thập và ấn hành bởi Robert Shapard và James Thomas cho tập Sudden Fiction, International *với lời giới thiệu của Charles Baxter (W.W Norton & Co., New York, London, 1989).*

Dịch giả lấy làm tiếc là mình không đủ thông... Nho nên đã dịch ra Việt văn từ những bản tiếng Anh. Xin có lời ghi ơn và tạ lỗi cùng các tác giả Yuan Ch'iung, Bai Xiao-Yi và các dịch giả Howard Goldblatt, Ding Zuxin.

Võ Đình Mai

Lỗ tai của người tình

Yuan Ch'iung Ch'iung

(Đài Loan)

Chàng để ý thấy nàng có một cái ngoáy tai trong ví. Nàng nói rằng thỉnh thoảng nàng ngứa tai và đem theo cái ngoáy như vậy tiện lắm, cần là có mà dùng.

Chàng nói như vậy thì có phiền em lắm không, ngoáy anh cái lỗ tai chơi. Đôi lúc anh cũng ngứa tai vậy.

Chàng và nàng yêu nhau lắm lắm và đã gần gũi mặn mà với nhau khá nhiều.

Thật ra, nàng đem theo cái ngoáy tai trong ví để ngoáy tai mình thôi, không phải để ngoáy tai ai khác. Nàng thấy rằng ngoáy lỗ tai cho người nào đó là một biểu hiện hết sức riêng tư, thân thiết tột cùng rồi – dĩ nhiên, thợ cạo chuyên nghiệp ngoáy tai cho khách lại là chuyện khác. Cả đời, chỉ có một người từng ngoáy tai cho nàng, đó là mẹ nàng. Nàng cảm thấy rằng trong mối liên hệ giữa hai người mà không có một nỗi đam mê say đắm hay một sự tin cậy sâu xa nào đó, e khó mà có cái trò ngoáy lỗ tai cho nhau lắm.

Nàng cười rúc rích, ngượng: "Ngay bây giờ?"

Khác với thường lệ, hôm đó hai người gặp nhau ở một nơi khoáng đãng, nhiều ánh sáng hơn, đông người hơn. Một chỗ công cộng. Nàng cương quyết không muốn gặp ở nhà nhau. Dạo đó hai người yêu nhau, say mê nhau đến nỗi thấy mặt nơi kín đáo là ôm cứng lấy nhau, ôm không rời. Chẳng còn làm được việc chi khác nữa.

Chàng cũng cười. Nắm chặt tay nàng, nhìn sâu vào mắt nàng, chàng thầm thì, như thể tiết lộ như một bí mật: "Ừ, bây giờ, nhá!" Giọng chàng nghe như hệt mỗi khi chàng nói chàng muốn. Kiểu chàng thường nói: "Anh muốn cho nó vô, em à."

Nàng đang biết mình đang đỏ mặt. Ngồi ở bàn bên cạnh, hai người đang đấu hót về một người đàn ông nào đó. Hai bàn sát cạnh nhau nên câu chuyện hai mụ đàn bà nghe rõ mồn một.

Chàng đối diện với nàng, nhưng may là cái bàn thật nhỏ. Nàng bảo chàng kê đầu lên bàn, ngửa tay phải lên. Đầu chàng to, chiếm gần hết nửa mặt bàn. Nàng ngồi ngay trước đầu chàng, nên cũng tiện tay lắm. Nàng có thể nhìn xuống thẳng tay chàng. Tay chàng đầy đặn, tròn trĩnh, lỗ tai mở rộng. Kể cũng lạ thật, người mình say mê, cái gì về người đó, riêng tư kín đáo đến mấy mình cũng nhìn thấy hết, vậy mà có khi nào mình thật tình để ý đến đôi tai người đó đâu. Ánh sáng chiếu sao đó làm nàng nhìn không rõ lắm. Nàng hỏi anh có đau không. "Không", chàng nói.

Nàng ngoáy xong tai phải, chàng xoay đầu lại, ngửa tai trái lên. Cả hai người tuyệt đối im lặng trong khi nàng ngoáy tai cho chàng, nên đều nghe rõ câu chuyện của hai người đàn bà bàn bên cạnh. Một bà nói: "Trời đất ơi! thế này là thế nào? Mê nhau như vậy! Thiệt tình tui không hiểu nổi!" Thì ra hai mụ đàn bà đang bép xép với nhau về một cuộc tình khi khổng khi không tan rã, chẳng ai hay biết vì đâu. Nàng chăm chú ngoáy tai kỹ đến nỗi hoa cả mắt. Tay nàng chệch một tí. "Ấy!", chàng

kêu khẽ. Tiếng than đau mà nghe như một lời âu yếm. "Ối", nàng vội vuốt ve, xin lỗi. "Ối, em vụng quá. "Một tí máu hiện ra trong tai. Nhưng nàng không đủ can đảm nói cho chàng biết. Nàng chỉ nói: "Thôi, em không ngoáy nữa đâu."

Chàng ngồi dậy, đút ngón tay vào lỗ tai, thăm dò. Mắt chàng lim dim, khoái trá. Rồi chàng nhìn nàng một cách thật kỳ cục, chàng nói: "Này, cũng giống như cho nó vô chỗ ấy, phải không em?" Sau đó không lâu, hai người xa nhau.

Hai người bỏ nhau, sau một màn không mấy làm đẹp. Rồi phải thật lâu, thật, thật lâu sau cuộc đổ vỡ nàng mới dứt được sự thù ghét dành cho người con trai, và nỗi xót thương cho chính mình. Nghe tin chàng lấy vợ, nàng dửng dưng – không một tí ti xúc động. Chàng chẳng còn có liên hệ ý nghĩa nào nữa với đời nàng.

Kể từ nay, nàng tự nhủ, có vợ ảnh ngoáy tai cho ảnh.

Và không rõ vì sao, ý nghĩ này làm cho nàng cảm thấy thật buồn, buồn tái buồn tê. ❑

Vụ nổ trong phòng khách

Bai Xiao-Yi

(Hoa lục)

Chủ nhân rót trà rồi đặt chén trà lên cái bàn nhỏ trước mặt hai cha con. Đoạn ông lấy cái nắp đậy chén trà lại, nghe tiếng "cách". Như sực nhớ đến cái gì đó, ông vội đặt bình thủy xuống bàn rồi vội vã lui vào phòng trong. Hai người khách nghe tiếng hộc bàn hay hộc tủ kéo ra rồi có tiếng xột soạt gì trong đó.

Hai cha con ngồi yên trong phòng khách; đứa con gái chừng mười tuổi nhìn vói qua cửa sổ, thấy bụi hoa bên ngoài, còn ông bố mới vừa đưa tay toan cầm chén trà thì tiếng nổ vang lên, ngay trong phòng khách. Một vật vỡ tan.

Cái bình thủy, chính cái bình thủy, bổng dưng rơi xuống sàn nhà. Con bé ngoái giật cổ lại, kinh ngạc. Kỳ cục hết sức. Chỉ có hai bố con ngồi đó, mà có ai đụng đến đâu. Thật ra, thoạt trông nó cũng chẳng có vẻ vững vàng lắm khi chủ nhân ông đặt nó lên bàn. Cái bình thủy vỡ tan làm cho chủ nhân ông vội vã chạy ra từ phòng trong, tay cầm một hộp

đường cục. Nhìn sàn nhà, lênh láng nước sôi, hơi bốc nghi ngút, ông nói ngay: "Không sao cả! Không sao cả!"

Cha con bé định nói gì đó, nhưng lại thôi. Ông chỉ lầu bầu, "Bậy quá, bậy quá, tôi mới rớ đến, nó đã rớt xuống."

"Không sao cả, không sao cả", chủ nhân lại nói.

Sau đó, khi đã rời căn nhà, con bé mới hỏi cha nó, "Ba ơi, ba, ba có rớ đến nó thiệt không vậy?"

"Không. Nhưng nó gần xịt bên ba mà."

"Nhưng ba có đụng đến nó đâu. Con nhìn trong gương cửa sổ, thấy ba mà. Ba ngồi im re mà."

Ông bố cười. "Thế con nghĩ làm sao cái bình lại rớt xuống đất như vậy?"

"Tự nó, nó rớt ba à. Cái sàn nhà đó cũng đâu bằng phẳng gì. Cái bình thủy cũng đâu vững chãi gì khi ông Lý đặt nó lên bàn. Ba à, tại sao ba lại nói là ba..."

"Ối, con ơi, cái sự đời nó vậy con à. Ba nói ba làm rớt cái bình thủy, có phải dễ nghe hơn không. Có những chuyện mình càng biện bác, mình càng giải thích này nọ, người ta càng khó chấp nhận. Mình nói thật chừng nào, nghe càng không thật chừng ấy."

Con bé im lặng hồi lâu, ra vẻ nghĩ ngợi. Rồi nó hỏi, "Ba chỉ cắt nghĩa được bằng cách này thôi, hở Ba?"

"Ừ, chỉ bằng cách này thôi, con". ❑

PHÂN ƯU

Văn Học đau đớn trước sự ra đi vĩnh viễn của
nhà văn NGỌC KHÔI
tạ thế lúc 8 giờ 45 ngày 16.10.1994 tại Pháp
và
nhà thơ HOÀNG XUÂN GIANG
tạ thế ngày 26.9. 94 tại Canada
Văn Học thành thật chia buồn cùng hai bạn Trần Vũ và Hoàng Xuân Sơn, và cầu chúc cho linh hồn hai bạn văn được an nghỉ nơi chín suối.
Ban Chủ Trương Văn Học và thân hữu

Mạt lộ

Hồ Minh Dũng

Bên này hữu ngạn sông Hương, dưới mái hiên trường đại học Văn khoa, mấy năm sau ngày Huế mất, có một người ăn mày xuất hiện. Ông ta thuộc vào hạng tâm hồn không lúc nào được thanh thản, nhưng cũng xem đời không phải là chốn nhất thiết phải bám vào. Trong sách vở, gọi ông là hành khất an tọa, nghĩa là ngồi một chỗ, người đi qua, cho hay không cũng được, không khai thác cái bất hạnh của mình thành phù phép lung lạc kẻ khác.

Tuy là ăn mày tại chỗ, nhưng cũng là đầu đường xó chợ, vì chỗ ngồi của ông dù nắng không soi, mưa không dột mà không phải mái nhà. Dù không thiên thời cũng có địa lợi, còn lòng người phức tạp, chưa nói đến. Một thời trai trẻ, ông đã nghe theo tiếng gọi của bác Hồ, lên đường đánh "Mỹ cút - Ngụy nhào"". Một phần thân thể ông đã bỏ lại trên chiến trường B. Lẽ nào đồng chí, đồng đội của ông ngoảnh mặt làm ngơ. Hai cái huy chương sao vàng, cứu quốc, lúc nào tình thế có thể bị uy hiếp, là ông đem ra treo lủng lẳng trên một phần ba cánh tay còn lại. Cánh tay mặt bị cụt đi, luôn ở vị thế chỉa thẳng ra ngoài, dễ gì những người mắt còn nhìn thấy ánh sáng không thấy nó. Đó là chưa kể một đống bằng khen, tưởng lục, thẻ đảng, chứng nhận thương phế binh, gia đình liệt sĩ, giấy báo tử của con trai và cả bản thảo bài diễn văn của vợ ông, đọc trước đình làng để cổ võ cho đứa con duy nhất vui vẻ lìa bỏ hơi ấm của mẹ, hăng hái vào Nam "nhắm quân thù mà bắn". Chưa kể lá thư của tỉnh đội Tây ninh gửi cám ơn ông đã sinh được một đứa con ngoan cường, luôn luôn nghe theo cấp chỉ huy mà xốc tới, cho đến khi bị kẻ thù bắn lòi ruột, cũng không cần cầm ruột mình nhét vô bụng như những kẻ tham sống. Trong thư này, tỉnh đội cũng cho biết, hài cốt con ông đã đem về

trong nghĩa trang quân đội, lại được nằm một nơi gần nhất bên đài tưởng niệm bằng đá ong, có ghi bốn chữ tổ quốc ghi công. Tên tuổi con ông được khắc vào bia đá đàng hoàng. Nếu vợ ông còn sống, một lá thư kiểu thế này, hẳn bà ôm vào lòng khóc mấy tháng trời chưa hết, và không bao giờ cho ông để trong bị đệm, mang theo trên bước đường tha hương cầu thực.

Tìm được một chỗ ngồi như thế này dễ dầu gì ai cũng có được. Mái ngói, tường xây, thềm tráng xi-măng lại cao ráo, quang đãng. Ở đây, ông có thể nhìn thấy một đoạn của giòng sông lấp ló phía sau hàng phượng vĩ, hai vài bốn nhịp cầu Trường Tiền phía bên này và cả cồn bãi, thôn xóm phía bên kia. Có những buổi chiều tĩnh lặng, nhìn mây xuống rất thấp trên thảm cỏ đầy hoa trinh nữ nở trước Tòa Khâm, tựa lưng vào tường vôi, giữ thế thăng bằng cho đôi vai, ông phì một điếu thuốc lào, nhả bớt một ít khói, ém vài hớp trà đặc. Thì ra, đời đâu đã cạn tàu ráo máng.

Chuyện đời, có những điều không ngờ, có những điều không hiểu nổi. Dường như người Huế không có ai xấu bụng với ông. Học sinh, sinh viên, miếng cơm manh áo chưa phải là sợi dây nghiệt ngã trói chặt, nên lòng tốt của họ có thể hiểu được. Còn những hạng người khác? Hầu hết, bản thân, chồng cha, chú bác, anh em ruột rà họ, đều là ngụy quân ngụy quyền, dĩ nhiên là không tránh khỏi một đại họa tơi tả vì sự trả thù dai dẳng, khó có trang lịch sử nào của nhân loại sánh bằng. Ông lại là người, trước đây, ở bên kia lằn ranh, cùng với những người có chủ tâm chờ đợi để làm việc đó. Ngày nay thì khác rồi, mỗi lần cánh tay còn lại của ông, đưa ra nhận sự chia xẻ nồng nàn, thì cánh tay bị cụt lại nhức buốt, bứt rứt, cào xé tâm can ông.

Chà, lại tiếng hát của ca sĩ nào cất lên từ cái loa móc trên nóc đài phát thanh bên kia đường "đi đâu cũng nhớ về Hà Tĩnh". Nhớ về Hà Tĩnh? Nhớ gì đây? Vợ ông cũng không là nữ đảm đang của bộ đội cụ Hồ qua sông Lam diệt Mỹ, cũng không là hậu duệ của Võ thị Sáu, núp dưới gốc cây tràm, cây chổi để bắn máy bay B52. Hay là trước lúc ra đi, bác muốn nghe câu hò xứ ấy? Đâu phải chừng đó thôi, còn cả "quê hương, nếu ai không nhớ, sẽ không lớn nổi làm người". Ôi, ngon lành khoác lác hơn cả Khổng Khâu, ông tổ Nho giáo, liều mạng qua đất Tề rao giảng đạo lý. Còn thiết tha hơn cả Nguyễn Du, ngày đi sứ đứng trên đống gạch hoang phế Hoàng Hạc Lâu chạnh nhớ cố quốc. À, còn cả bài di Chùa

Hương nữa kia, tiếng hát Trung Đức vừa lướt qua tai ông "nay em còn bé lắm, các anh Saigon ơi:. Nguyễn Nhược Pháp chắc cũng như ông, đã đi Saigon lần nào đâu. Sao không là các anh Hà Nội, Hải Phòng? Nhưng thôi, thời này, ca sĩ, nhạc sĩ, thi sĩ, văn sĩ hay sĩ gì, rồi cũng để kiếm cơm qua ngày. Nghĩ cho cùng, ông vẫn thu hoạch được, ít ra là rơm rạ khi mùa màng thất bát, cảm xúc chưa thui chột thì lòng cũng vơi bớt thắc mắc cạm bẫy, dọn dẹp, phát quang được phần nào chuôm gai trong đìa ao đời người. Saigon ở đâu? Qua đèo Hải Vân, vô chùa Non Nước, đã dặt chân đến phố cổ Hội An, đứng dưới thành Đồ Bàn, uống nước suối Vĩnh Hảo. Cám ơn bác đã cùng chúng cháu hành quân, có hình bóng bác đi lẽo đẽo phía sau, thì dù đói ngất xỉu cũng gắng đứng dậy được, con muỗi sốt rét chồng đít cắn cũng là sốt lành tính là cùng. Thế mà, khi mảnh đạn pháo binh cắt lìa cánh tay, ông nhìn quanh không còn một ai. Saigon ra làm sao nhỉ? Cái phồn vinh giả tạo ấy, cái đám tro tàn của giàn hoa Mỹ Ngụy ấy trắng đen, tròn méo thế nào, quả tình ông không hình dung nổi. Vốn cha mẹ sinh ra nơi đồng chua nước mặn, mở mắt chào đời toàn là sắn, khoai, lồng lác, làm sao có óc tưởng tượng nổi về một miền đất mà nhiều người quan tâm như thế. Phù phiếm, bọt bèo, đĩ điếm, sao sau giải phóng miền Nam, không phải một ngày, một tháng, mà một năm, người ta vẫn ùn ùn kéo nhau vô. Chính ông đây, cũng nghe lòng nao nao, cảm xúc thiếu hụt như thể là không đi Saigon là không phải là người "hậu chiến thắng". Từng ngày đoàn người từ miền Nam ra vẫn kéo dài không dứt. Họ là những người ngẫu nhiên đắc chí "khi đi tay trắng , khi về đầy vai" làm cho ông chột dạ, không phải ông ham hố của cải phù vân, nhưng đời người đã đưa ông xuống ngang bằng với loài động vật không biết chớp lấy thời cơ, như con cù lần chẳng hạn. Mà chuyện ấy lại xảy ra ngay trên quê cha đất tổ của ông, càng thêm cay đắng.

Coi kìa, anh bộ đội mới ngày nào giữa rừng già thất thểu, lo âu, không biết xoay xở ra thế nào để tránh được cái chết mà đồng đội không lạnh lùng bước qua xác mình. Anh thủ trưởng, anh chính trị viên mới hôm nào ái ngại đứng ở bìa rừng ngơ ngác sửa lại tướng đi, dáng đứng để khi vào tiếp thu thành đô khỏi quê mùa rừng rú, thế mà hôm nay mặt họ sáng trưng, gặp bà con lối xóm tủm tỉm cười, trên lưng chiếc ba lô trương phình ra như con ễnh ương, đựng toàn đồ mang nhãn hiệu đế quốc, những tấm ni lông màu lá cây xưa làm chiếc võng cá nhân, nay túm lại thành cái túi, y hệt như con trăn khổng lồ quấn ngang bụng, chứa

biết bao là thứ thượng vàng hạ cám. Nói gì thì nói cái đinh ốc, cái nùi điên điển, cuộn chỉ cây kim, đôi dép Nhật, đôi kính râm Nam Triều Tiên vẫn "chất lượng" hơn ngàn lần. Làm gì thì làm, tiên hạ thủ vi cường vẫn là thượng sách. Dễ dầu gì trên tay có xách lủng lẳng một chiếc đài bán dẫn ba băng, kéo cần ăng—ten lên thật cao, bòn tro đãi sạn cả một đời không mua nổi một chiếc đồng hồ vỏ mạ vàng có hai cửa sổ. Đố thằng nào ở hậu phương lớn dám nông nổi tuyên bố "gái nông trường như rương không khóa, lấy chồng đi Bê ở góa còn hơn". Đố thằng nào chạy chọt làm thân con gà quanh quẩn cối xay, dám nghênh ngang dắt chiếc xe đạp phượng hoàng đi qua ngõ lắc chuông inh ỏi.

Đó là chuyện người, còn ông, có đứa dám ghé tận nhà, lùi thanh sắt nung nóng vô hình vào ruột gan ông, chỉ có thầy á thánh Mạnh Tử thời Chiến quốc mới không sôi máu:

— Này đồng chí Hoài Hương ơi, có ức không nhỉ. Thời buổi này, những kẻ nào theo đóm ăn tàn, vẫn có máu mặt, còn hơn. Nếu đồng chí không hy sinh một cánh tay thì đâu đến nỗi, cũng vai mang tay xách như ai. Thế đồng chí có kiếm đâu ra cái thẻ bài bằng i-nốc của lính ngụy, phòng khi trúng gió mà cạo không đấy?

Châm chọc như thế cũng quá quắt. Lại còn lôi cái bí danh mà mỗi lần nhớ tới làm xốn xang, bứt rứt, gợi lên kỷ niệm một thời trai trẻ, choáng ngợp trong vầng sáng hạnh phúc. Bạn bè ông, người xung quanh ông, vẫn tưởng ông là người lúc nào cũng nhớ về quê hương, không chỉ thế thôi, cái nhớ ấy lại dành hơn một nửa cho một người mang tên Hương, là người yêu đầu đời, là vợ ông sau này, đã chết, chết rất phi lý, vô duyên, như một cánh chim, có biết bao khoảng trời để bay, mà lại xếp cánh chui vào một bụi tre gai, để chịu cắt cổ vặt lông. Nhưng dù sao, vợ ông vẫn không phải là người hoàn toàn bất hạnh, bởi vì trước khi nhắm mắt lìa đời, bà vẫn chưa biết chồng mình đang nằm điều trị trong cái chòi lợp lá cọ giữa rừng, và xác đứa con trai của bà tạm vùi dập bên khe suối.

— Kiếm ăn thoải mái chứ?

Ngày kia, có một người xấp xỉ tuổi ông đi ngang qua chỗ ông ngồi, thấy có ống điếu cày để bên cạnh, ghé vào hút nhờ một điếu, hỏi ông như thế. Hút xong, phà khói một cách sảng khoái, tiếp:

— Ừ, có lý, có tình đây. Óc sáng tạo của con người thật vô hạn, nhờ thế mà ông anh có một nơi nương thân tương đối mãn nguyện, theo chủ quan của tôi. Thời buổi này kiếm ra ngày hai bát cơm không khó, cái khó

là kiếm làm sao nuốt cho vô, không bị nghẹn nửa chừng giữa cần cổ. Khi buồn ngủ, ông anh có quyền ngủ, khi thèm thuốc ông anh có quyền hút. Kìa, ông anh coi kìa, có cả một bầy chim sẻ ríu rít bên hàng dâm bụt kia, cả một mảnh sông, một bầu trời, tha hồ ngắm. À, ông anh có nước trà không nhỉ?

Câu chuyện khởi đầu làm quen như thế, kể ra cũng thu hút cảm tình, thêm vào đó nét mặt anh ta hiền hậu, ăn nói mạch lạc, có cái nhìn không xoi bói, lại ân cần thông cảm, nên người đối diện không cần phải đề phòng:

— Có đây, mời chú, hơi nguội một chút.

— Úi chà, ngon tuyệt. Móc câu hay ướp sen. Xuất phát từ nông trường nào đây nhỉ, Phú Thọ, Yên Bái hay Lâm Đồng, Bảo Lộc? Ước gì cụ Nguyễn Tuân nhà ta sống lại. Chén trà này tôi nhớ đời., cả ba bốn ngày nay chỉ xơi toàn nước lã. Thế nào ông anh, gia cư có gì lạ? Tôi xin phép tò mò một chút nhé. Đời biết đâu cũng còn kẻ tâm giao. Còn phải biết tên nhau để gọi nữa chứ.

— Cám ơn chú, tôi tên Cuốc, cha mẹ đặt hồi còn nhỏ thế. Sau này lớn lên đi học thày giáo và bạn bè gọi là Quốc. Trong sinh hoạt xã hội, quân ngũ đều gọi tôi như thế, nghe cũng hay hay. Còn quê tôi ở tận Hải Dương, xa lắm, chú có lần nào về đó chưa nhỉ, dòng họ tôi cả chục đời làm nghề dệt chiếu.

Người mới đến tiếp lời:

— Còn tôi tên Bạch, tính ra quê quán gần hơn ông anh nhiều: làng Phú Đôi, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Sơn Bình. Cánh tay kia sao ra nông nỗi?

Ông Quốc vui lây, lâu lắm mới có một người đoái tới sự mất mát trên cơ thể ông. Và, cũng lâu lắm mới có một người uống với ông một chén trà, hút với ông một điếu thuốc:

— Chuyện dài lắm. Chú em ráng đợi một lát, tôi đun chút nước sôi pha trà mới, chú có mang sẵn thuốc lào Vĩnh Bảo đó không? Cả năm nay, ngồi đây, tôi chơi toàn ba số 8, vừa nặng, vừa khét, không đạt yêu cầu. Còn cánh tay cụt này, mà người đời thường gọi nó là cục nợ, kể cũng đúng thôi, nợ cho tôi và cả nhà nước nữa, vì hàng tháng phải xuất kho trả cho nó, lúc nước nhà mới thống nhất mười tám ký gạo mỗi tháng, trụt lần, trụt lần, năm ngoái chỉ còn tám ký, không đủ nấu cháo ăn sáng, tôi bỏ, không đáng gì mà mang tiếng. Chú em ở ngoài vào, nghe lụt bão dữ lắm, phải không? À, chú Bạch, năm nay mấy tuổi rồi mà tóc bạc hết

thế?

— Mới năm mươi lăm tuổi thôi, ông anh chắc cũng hơn tôi sáu bảy tuổi là nhiều. Ông anh biết không, năm Ất Dậu tôi còn bé xíu, chuyện xảy ra còn nhớ như in, cha tôi cõng tôi đi xin ăn quanh hồ Hoàn Kiếm mà phát sợ, mấy cái xác trương phình to bằng bao gạo trăm ký mắc kẹt dưới chân cầu Thê Húc không chịu thối rữa. Cảnh tượng ấy ám ảnh tôi, đeo đuổi hoài, không chừng nhờ thế mà tôi làm được thơ.

Ông Quốc cắt ngang:

— Chú em cũng làm được thơ?

— Vâng. Không phải chỉ hồ Hoàn Kiếm thôi đâu, cả hồ Bảy mẫu, cả chùa Trấn Quốc, cả Văn Miếu nữa đấy. Con người đói nằm không cựa quậy được, trông kỳ cục lắm. Thú thật với anh Quốc, năm bảy mươi hai, máy bay giặc Mỹ ném bom Hà Nội, tôi thấy mấy chục cái xác, đảng cứ để lồ lộ giữa phố Khâm Thiên, mục đích là gây thêm lòng thù hận trong lòng quần chúng, tôi ớn quá, bắt xác chết làm cò mồi như thế cũng bái phục thiệt, phải không anh?

Hút thêm một điếu thuốc lào, anh Bạch nói tiếp:

— Không giấu gì ông anh, tôi là một nhà thơ đây, thứ thiệt, nói là thi sĩ thì chưa dám. Lúc còn học sinh, tôi thích tiếng cu gáy, mùi rơm rạ, bướm buổi trưa, khóm trúc động lá của Huy Cận, cái thời xuân xanh, lòng ai không giắt sẵn một ít hương hoa tưởng tượng ấy, phải không anh? Thế ông anh cũng thích thơ văn à?

— Sơ sơ thôi. Vợ và đứa con tôi lại thích hơn tôi nhiều. Nếu còn giữ được những lá thư cuả vợ tôi hồi còn ở chiến trường, đưa chú em đọc thì hết biết. Chao ôi, bà ta tả ngọn đèn dầu trong căn nhà leo lét còn thê thảm hơn vợ chàng Trương. Còn thằng cu nhà tôi, lá thư nào gửi về cũng dành hết phần nửa tả cảnh núi đồi, suối, ráng chiều, tiếng dế và cả màu sắc thay đổi trên lưng con cắc kè nữa đấy. Có ai ngờ, cả hai lại rủ nhau bỏ tôi...hu...hu.

Ông Quốc khóc thật, chỉ có mấy giọt nước mắt rơi xuống rất nhanh, rồi thôi. Ông nhoài mình ra lấy điếu cày lên, đuôi ống kê lên khúc thịt còn lại, nhướng cổ lên cao, mỗi lần ông hút, nhìn xa như một người bắn B40. Hút xong, ông lại tươi tỉnh, như không có chuyện gì xảy ra.

Dù mới sơ giao, nhưng cả hai người đều cô đơn, đây cũng là dịp để giải bày tâm sự.

— Thế chú em vào đây làm chi? Ông Quốc hỏi.

— Tôi cũng có việc riêng phải đi. Nếu cứ ngồi ở nhà, nhìn bốn bức

vách cũng chán, chẳng lẽ quãng đời còn lại của mình làm bạn với gián, với chuột, nhện sao. Ông anh còn có một chỗ ngồi ổn định, tôi còn phải rày đây mai đó, đói đầu gối phải bò, nhưng bò theo cái đường của mình muốn thì cũng vui. Từ ngày tôi bị khai trừ khỏi đảng đến nay lên được ba bốn ký thịt.

— Bị khai trừ hả? Ông Quốc vội hỏi. Nguyên do?

— Chả ra làm sao ông anh ơi, số là hồi tôi vào thăm thằng em con ông chú ruột di cư năm tư, nó có cái quán bán thịt chó ở ngã ba ông Tạ, hai anh em, đất nước qua phân, tưởng như không bao giờ gặp nhau, mừng quá, mời tôi đi nhậu một bữa trối chết, toàn là dồi, cật, gan, rựa mận, xào măng, phay, loại chó đốm, còn tơ. Thử hỏi ông anh, ăn thịt cầy ngoại hạng, uống với rượu nếp than Cây Quéo, thì làm sao không "bắt". Lúc thấy trời đất quay cuồng rồi, thằng em nó hỏi: "Anh có biết người ta ướp xác bác Hồ thì bộ đồ lòng để đâu không?". Thật tình tôi chẳng biết, vui miệng trả lời: "Thì bỏ trong lu chôn dưới gốc cây vú sữa của các bà sồn sồn đem từ trong Nam ra chứ đâu". Em tôi, vỗ vai tôi cười lớn: "Chết cha rồi, thế thì dòi bọ ăn hết ráo rồi còn gì. "Lúc đó, tôi cũng phấn chấn như ngồi trên ngọn cây nhìn xuống cuộc đời ô trọc, tiếp: "Em nói đúng, mẹ hết." Không ngờ, trong lúc trà dư tửu hậu, nói năng huyên thuyên như thế, lại lọt vào tai một đám cán bộ tai to mắt lớn, cũng đang nhậu bàn bên cạnh. Thế là, khi tôi trở về quê mấy ngày, bị giám đốc sở văn hóa gọi lên, giả đò nói chuyện nam tào bắc đẩu, chờ trong lúc bất kỳ sơ ý, thúc cùi chỏ vào miệng tôi, rồi bắt tôi viết kiểm điểm, cho tôi nghỉ việc không lương. Ông anh không thấy hai cái răng cửa tôi bị sún đó sao, thế cũng hay, mỗi lần tôi hút thuốc lào, chỗ sún ấy mà phát ra được tiếng kêu nghe cũng êm tai. Đào sâu thì nhọc lắp, họ giúp tôi rũ áo về làng, cũng nhờ thế mà thơ tôi có cơ thiên hạ nhớ lâu. À, quên. Xin lỗi ông anh nhé, uống với tôi một ly rượu. Tôi có mang sẵn đây, không ngon bằng rượu nếp than Cây Quéo, nhưng cũng uống được. Tương phùng là ơn của trời, tri âm là duyên của người... đấy mà.

Thình lình anh Bạch ngừng lại, ghé vào tai ông Quốc nói nhỏ:

— Vừa đủ ông anh nghe thôi nhé, tửu điếm dù có người nôn mửa cũng không hôi bằng nơi nha môn, tửu thánh, tửu thần dù có la lết giữa chợ cũng thơm hơn bọn thừa cơ ăn cướp cơm chim. Ông anh đừng ngại, uống với thằng em này một chén cho quên não nề. Lúc còn sinh thời, anh chàng Lưu Ly có ngờ đâu khi mình chết đi cũng có lắm người đến thăm mộ.

Nói xong, anh lấy trong túi xách một bi-đông nhôm, mở nắp, rót rượu ra đầy hai cái bát vừa uống trà, trịnh trọng:

— Xin huynh nâng chén. Mời!

Lâu lắm không uống rượu, nay nghe người bạn đường luận về nó, nghe cũng có lý, thôi thì hớp vài hớp cho vui vẻ với nhau. Rượu thấm vào cơ thể gầy rạc của ông rất nhanh, không ngờ ngày nay nó còn phê hơn thuốc lào nhiều. Nay ông lại khám phá thêm, rượu vào không phải để vui, khuây khỏa, mà chuốc thêm buồn, biết bao nỗi buồn, không biết từ hướng nào ùn ùn kéo đến vừa lung lạc, vừa hiếp đáp lòng ông. Cái thời mà "tửu nhập tâm như hổ nhập lâm" đã qua rồi. Thuốc lào, trà, thì khuây khỏa phần nào nỗi gian truân, tưởng tượng gỡ gạc chút ít những gì bị xã hội hồ đồ cướp giật. Còn rượu, ôi thôi, chỉ nửa bát thôi, đã thấy sương khói mờ ảo bao quanh. Hình ảnh người vợ ngày nào rụt rè e lệ trở thành cô dâu, ngồi trên chuyến đò ngang chan hòa ánh nắng, ngày mà mẹ ông còn sống, đứng bên này bờ sông, chờ con thuyền cập bến để đưa hai vợ chồng ông về nhà. Cả thằng cu con nữa, nhớ nhất là những ngày nó mới chập chững biết đi, chưa phân biệt được giữa ếch và nhái, giữa lá trầu và lá tiêu của bà nội trong vườn. Ba con người ấy, hóa thân tỏa ra ngàn tay bấu víu lấy ông. Sáu con mắt ấy, biến thành những đốm lửa bay lượn chập chờn trước mắt ông. Rồi những người đi trên hè phố này cũng tỏ ra lạnh nhạt, họ đáo qua đáo lại hững hờ chẳng khác nào bọn đào, kép phường chèo trên sân khấu ế. Không có ai ghé cho ông một hào, còn có người chống đít lên trời chồng chuối, cây cối bên kia đường trơ trụi, biến thành vô số cây chông nhọn hoắc cắm bên giao thông hào trong chiến dịch phòng chống ngụy quân đổ bộ lên đất Bắc.Cả những hoa văn trên lớp men cái bát Trung Quốc ông đang uống, cũng biến thành đàn châu chấu đuổi theo những lá cờ rách bươm của người nông dân nổi dậy... Ông bơ phờ, bỏ bát xuống:

— Thôi, không uống nữa. Buồn lắm!

Người đối ẩm ngạc nhiên:

— Ủa, kiên trì chứ. Mới thấm: buồn. Thấm lâu: vui. Mưa dầm ướt đất. Không thức khuya sao biết đêm dài, hở huynh?

Ông Quốc xua tay lia lịa:

— Thôi. Đủ.

Chỉ một lát sau, ông đã tỉnh lại, ngơ ngác nhìn những tia nắng quen thuộc lợp một lớp mỏng trên mặt đường nhựa lở lói. Người bạn kia vẫn còn nâng chén. Đôi mắt đục ngầu phủ cái nhìn thấm thía lên cảnh sắc ở

bờ sông. Bỗng ông thấy thương người bạn mới quen lạ lùng. Mới sơ giao mà như đã vong niên. Thì ra con người, lúc khổ đau, ai cũng như ai. Dù học hành không được bao nhiêu, ông cũng biết rằng, con người vẫn có hình dạng riêng của nó, hẳn Thượng Đế phải bỏ ra nhiều thì giờ để nặn nó cho khỏi lầm lẫn với các loài động vật khác. cả bao năm nay, ông có bao giờ thấy lại mặt mình trong gương đâu, nhưng những gì xảy ra trên đó ông biết rõ lắm. Dù ai, định mệnh có du di, thoát qua những lưỡi câu móc mồi dụ dỗ, nhưng khi bệnh tật, buồn đau, đói, chết, chung qui bản mặt cũng thế thôi. Vậy thì, ông và cả người bạn đây, có điều gì phải nghĩ tới. Đời, con cuốn chiếu có cả trăm chân, đâu có phải dùng để đào thoát khi nguy biến, mà cuốn lại, khi biến thành hòn sỏi vô tri rồi, cơ hội sống sót vẫn nhiều hơn. Một người hành khất nghĩ được như thế, cho mình không phải ngồi ở góc tư đường, mà thong dong giữa chốn thiền lâm, rồi phá lên cười, làm người bạn bên cạnh giật mình:

— Ông anh ơi, cười gì nhỉ? Trời tối rồi phải không?

— Đúng rồi, đừng uống nữa. A, tôi còn chén cơm nguội, chú em ăn lót bụng nghe.

— Ăn thì ăn, sợ gì ai không ăn. Anh Bạch cao giọng, cơm thương ta chú ai thương ta đâu. Cả anh và tôi đều bị lừa, hết nạc vạt đến xương. May mà mình có tì vết, anh thể xác tôi tinh thần, nhờ tật nguyền mà sống đến ngày hôm nay, gặp nhau đây, đời có mấy ai tri kỷ. Mẹ kiếp, cái dây thòng lọng cứ treo lơ lửng trước mắt. Không phải anh, tôi, chị Quốc, cháu cu đâu, mà cả ông Chúa, ông Phật, Bụt, Địa, Quan Công, Tề Thiên Đại Thánh, Lê Lợi, Bà Trưng...có tái sinh cũng lè lưỡi thôi. Sao ông anh không cạn chén với em nào. Bỏ vào nỏ cho em một bi thuốc đi anh. Trời đất ơi, nhai hột cơm của anh thấm nhậm làm sao? Em chưa say đâu nghe anh, dễ dầu gì chừng đó rượu mà em say.

Nói đến đây, anh Bạch ngừng lại, nhìn ra khoảng không đã tối om bên ngoài, rồi một tay choàng lấy vai ông Quốc, nói như thì thầm: Ông anh có biết em làm thơ lấy bút hiệu gì không? Sương Mãn Thiên đấy. Cũng vì cái bút hiệu này mà em không cất đầu nổi. Họ đánh giá là người tiêu cực, sương đầy trời thì làm sao chiến sĩ thấy được đường Trường Sơn đi cứu nước, làm sao thấy được con đê để gánh lúa về sân hợp tác xã, vân vân... thậm chí có người cho em bít lối đi vào lịch sử! Rõ là buồn cười, vô lý, đại vô lý. À, ông anh ơi, đừng buồn nhé, đêm nay xin anh cho em ngủ lại một đêm, trên manh chiếu này, ôm ông anh, ngủ một giấc, sáng mai em sẽ đi sớm. Đồng ý chứ, ông anh?

Ông Quốc cười vui:

— Cứ tự nhiên. Có chú em, tôi ấm hơn.

— Cám ơn ông anh tốt bụng. Sao mai mọc về hướng nào nhỉ? Đây có nghe được tiếng gà gáy không anh?

— Có chú, chú em say rồi đó, đâu mà không có tiếng gà gáy?

Anh Bạch lại cất tiếng cười dòn:

— Phải, phải lắm, đâu cũng có tiếng gà gáy, không phải chỉ có gà trống mới gáy thôi, thời này gà mái cũng gáy, vịt ngỗng cũng gáy ráo, thế mà người đời cứ ngủ, ngủ miết. Ngủ thôi, ông anh dẹp ống thuốc lào sang một bên, không thì em ngủ hay cựa quậy đổ nước ra hôi.

Nhưng khi nằm xuống được vài phút, anh lại ngồi bật dậy, bắt ông Quốc phải nghe chuyện tiếp, làm như không còn mấy thì giờ sống bên nhau:

— Cũng nói toạc ra với ông anh điều này thôi, dấu diếm làm gì khi đã coi nhau như anh em. Khi nãy anh có hỏi em vào Huế làm gì đó mà. Cũng như ông anh, em đi kiếm ăn. Em chỉ việc bỏ ra vài chục ngàn vào chợ Đông Ba mua nhang đi bán tận nhà. Này, em giở chiếc mũ nỉ ra cho anh coi nhé, cái đầu trọc lóc của em cũng bóng láng chẳng thua gì các thượng tọa, đại đức ở chùa Diệu Đế đâu. Cả cái bộ áo quần cà sa của em để trong túi xách cũng còn mới toanh,em giặt toàn xà bông trầm, chỉ cần năm phút, tốn vài đồng lẻ, vào cầu tiêu công cộng trong chợ là thay đổi hết. Cam đoan với anh, việc làm em hoàn toàn lương thiện, anh có tin em không nào?

— Tin, ngủ đi, khuya rồi.

— Chưa khuya đâu anh, sá chi một giấc ngủ mà anh phải hối thúc. Sau tết này, chúng mình đi du hành một chuyến, nghe anh.

Nghe đến hai tiếng du hành, ông Quốc bỗng nghe lòng nao nao, hỏi nhanh:

— Du hành? Tới những đâu hở chú?

— Thì xuôi Nam chứ còn đâu nữa, chẳng lẽ ngược về xứ mình hay sao. Chà, vào Saigon tha hồ vui, ngày nào cũng vui như ngày hội, bảo đảm với ông anh, không làm nửa năm cũng có ăn, tha hồ rượu nếp than với dồi chó, thẳng em em đãi đài dài, hết đốm thì có vàng, hết cầy tơ Mộc Hóa thì có cầy đang non ở miệt Bà Rịa, Suối Nghệ chở vô, chán gì, người ta có sắc lệnh cấm hạ trâu bò, heo, chứ chưa có lệnh cấm chó mà. Đồng ý chứ, ông anh?

Được đi Saigon là nơi ông từng ao ước, có điều gì vui hơn, chỉ có

một điều làm ông ngài ngại. Anh Bạch sáng ý hiểu ngay:

— Có phải ông anh ngán thằng em coi trời bằng vung của em không? Độ này ở trong ai muốn nói gì thì nói, khi người ta nói nhiều quá, thì chẳng biết bắt ai, cuối cùng họ cũng làm lơ đi cho khỏe. Chú em bụng để ngoài da, thế mà tốt. Khi nghe tin em bị họa, nó gửi cho em cái chi phiếu, mặt sau ghi thêm: "Chú Sương Mãn Thiên ơi, chỉ vì cháu ngứa miệng mà chú khổ". Từ đó đến nay, năm nào cứ tới ngày em bị ông giám đốc thoi gãy răng, là nó gửi tiền ra. Tôi dùng số tiền đó mua lần cát, sạn, xi măng, đúc táp-lô sẵn đó, nay cũng được mấy trăm viên rồi.

— Xây nhà hả chú?

— Không, xây lăng cho bố em, với cái đà này, cộng với số tiền em bán nhang lời, ra giêng này bắt đầu khởi công. Hai năm sau đến lượt mẹ em.

Sợ không nhắc tới chuyện đi Saigon nữa, ông Quốc hỏi:

— Chú em nói đem tôi du hành một chuyến, thiệt hay đùa?

Bạch vỗ đầu gối ông một cái cười to:

— Thằng em này, cả đời có nói dối ai lần nào đâu.

— Chà, tôi có quyền hi vọng đây. Nhưng tôi di chuyển lên xuống khó khăn, nhờ chú em giúp một tay nhé.

— Dĩ nhiên rồi.

— Và khi vào trong, đường sá không biết, bà con cũng không, chú đi đâu, tôi đi đó, đừng phiền nghe chú.

— Eo ơi, lo chi chuyện không đáng lo.

Lát sau, ông Quốc lại hỏi:

— Chú có biết từ Saigon lên thị xã Tây Ninh bao xa không?

— Hơn trăm cây thôi, về thăm chiến trường cũ hả?

— Chiến trường, chiến tuyến gì nữa. Lên thăm mộ thằng con đó thôi.

— Phải lắm, em cũng lên thăm em luôn thể.

Đêm đã khuya. Một vầng trăng non ló lên sau lùm cây. Vầng trăng quá non, không đủ cho dòng sông mênh mông. Chương trình phát thanh đêm đã hết, trả lại sự bình yên cho cảnh vật. Tinh tú trên vòm trời dày đặc, chia ra rừng nhóm mờ nhạt, rải rác một vì sao mọc đơn độc, lấp lánh. Cả một giải ngân hà, bị nhánh cây cắt thành nhiều đoạn, đoạn cuối xuống rất gần dòng sông, tỏa ra như chiếc đuôi chồn màu dụ bạc, tan loang trong khoảng không vô tận.

Nhà thơ Sương Mãn Thiên đã gối đầu lên cái túi xách có nhiều nhang

bên trong, từ từ đi vào giấc ngủ. Chiếc mũ nỉ lệch sang một bên, để lộ một mảng đầu sạch bóng, ánh đèn đường chiếu vào như có bôi thêm một lớp mỡ bò. Những con muỗi bay vo ve quen thuộc hàng đêm, nay đậu xuống quanh mép thi sĩ, có thể chúng tạm từ giả ông để chiếm một thị trường mới, béo bở, hấp dẫn hơn.

Lẫn trong tiếng ngáy đứt quãng là tiếng thở dài, lại có thêm tiếng ú ớ, anh chàng đang nằm mộng chăng? Bản thân ông cũng thế, đêm nào mà không gặp một giấc mơ. Hiền dữ, lành ác, ông đều coi như nhau, nếu không quên được, thì ông tìm cách không nghĩ đến. Có thể người thi sĩ tâm hồn khác ông, nên có những giấc mộng ngon lành hơn ông. Biết đâu, trong giấc mơ, anh chàng bị đá lăn quay giữa đời lại biến thành kẻ tiều phu liều mạng mang theo búa rìu đến đốn gốc cây đa Tân Trào hay đứng trên mô đất cao, hô hào quần chúng đem cuốc xẻng về lấp địa đạo Củ Chi?

Suy nghĩ mông lung một lát ông Quốc cũng ngủ. Khi ông thức dậy thì người bạn đã đi từ hồi nào.

Trên ống thuốc lào có quấn một mảnh giấy nhỏ người bạn để lại , nguyên văn: "Thấy ông anh còn ngủ say, không gọi. Đêm rồi, nằm bên anh ấm lắm, lại gặp một giấc mộng đẹp, tự nhiên em lại trở thành một người chạy xe đạp ôm, đắt lắm, đắt hơn đi bán nhang nhiều. Một hôm, có một bộ đội, từ sân ga Huế thuê em chở về chỗ này đây. Chú ta to lớn, mạnh khoẻ, đẹp trai, da dẻ hồng hào, vui tươi, chỉ có cái tội là nặng quá, em hì hục chở cả buổi mới về ngang bến đò Thừa Phủ, không ngờ đến đây thì xe lọt ổ gà, gãy phuộc, choàng thức dậy. Trong mộng mà em cũng tinh lắm, đoán biết ngay là thằng cu con anh về thăm. Thôi, tạm biệt anh nhé. Mai mốt sẽ ghé."

Nhưng người bạn ấy chẳng bao giờ ghé nữa.

Năm tháng trôi qua.

Một buổi xế trưa, có chiếc xe jeep sơn màu trắng chạy tới đây, một toán công an võ trang đầy đủ, nhảy xuống xe, bao quanh lấy ông Quốc. Lớp trong ôm theo nhiều tài liệu, máy ảnh. Lớp ngoài súng, dùi cui, bình sịt nước, còng cầm tay, tư thế sẵn sàng.

Người trưởng toán bố ráp, lên tiếng:

— Chúng tôi thừa lệnh trên, đến mời ông về văn phòng làm việc.

Như có linh tính báo trước việc này sẽ xảy đến, ông Quốc bình tĩnh đối phó ngay:

— Tôi là một thương binh, thẻ đảng, giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ, bằng khen, huy chương còn cả đây. không ai nuôi, tôi ngồi đây kiếm ăn. Không đi đâu hết.

Phó trưởng toán, khom lưng xuống, nói nhỏ với ông:

— Bọn xì ke ma túy, trộm cắp, phản động ngóc đầu dậy, hát nhạc vàng, bôi xấu chế độ, ma cô, ma giáo, đĩ cạn, đĩ sông, thầy bói, đều tóm gọn. Chúng tôi không coi ông ngang bằng với bọn chúng. Ông hiểu chứ?

Ông Quốc quắc mắt:

— Không hiểu gì hết ráo!

Người trưởng toán la to:

— Lệnh bắt đâu? Đọc.

Một người cao, gầy, da tái xanh, lật tập hồ sơ ra, lắc cần cổ qua lại mấy cái, lên giọng:

"Chiếu theo điều ... hiến pháp nước...

Tham chiếu văn thư số ... bộ nội vụ ngày...

Nay bắt Lê Quang Cuốc, tên thường gọi Quốc, gia nhập đảng năm 1946, bí danh Hoài Hương, trước phục vụ ở Nông trường 301, về tội: chiếm lòng lề đường gây hậu quả nghiêm trọng cho công cuộc tái thiết đất nước. Phóng uế bừa bãi nơi công cộng, cụ thể là đại tiện, trung tiện và tiểu tiện không đúng chỗ qui định, nước và khói thuốc lào tùy tiện thải ra gây viêm nhiễm cho kẻ qua đường. Bản thân và đồ đạc của y truyền mầm bệnh cho quần chúng, đặc thù là những ai đến gần. Làm tấm gương soi cho kẻ chây lười lao động, cổ xúy tư tưởng ăn bám xã hội. Vẽ một bức tranh thê lương, ảm đạm cho một tổ quốc đang ở trong bình minh ló dạng. Kéo lê cái đuôi dĩ vãng trên hè phố, gây cảm giác nhức nhối cho khách du lịch trong cũng như ngoài nước."

Ngừng lại, nhìn đám đông vừa mới tụ tới, lần này anh ta nghiêng người ra phía ngoài như đọc để mọi người cùng nghe:

"Chưa hết, cấu kết với bọn tiêu cực, bất mãn chế độ, làm giàu trên sự bố thí làm phước của người khác, cụ thể là nhà thơ nát nhrượu Sương Mãn Thiên nay đã vượt biên qua Hồng Kông làm thơ chửi nhà nước ta rất thậm tệ. Sau cùng, y chính là thủ phạm bày mưu định kế, quân sư cho bọn côn đồ đào lăng Gia Long, tứ tán hàng trăm buồng cau, hàng ngàn lá trầu bằng vàng ròng. Hết."

Người đọc lệnh cố ráng sức bình sinh để chữ "hết" cao lên và kéo dài ra, như một mệnh lệnh để toán lính xông tới, trước hết bịt miệng không cho ông nói, rồi bẻ quặp cánh tay của ông ra phía sau, nhưng ông

chỉ có một cánh tay, nên chiếc còng số 8 không biết lắp vào đâu. Cuối cùng một công an trẻ tuổi, nhanh chóng, linh động, cúi lưng xuống vác xốc ông lên vai, vạch đám đông, quăng vào xe, rồ máy.

Ông Quốc không nói được, nhưng có ai đó trong đám đông, không dằn được cơn bất bình, nói thay ông:

— Láo! Láo! tổ sư ngành phịa cũng thua.

Một người khác cũng hưởng ứng theo:

— Không có lửa mà cũng có khói, lại là khói cay, thế mới là siêu đẳng. Bà con ơi! Coi chừng thiên lôi giáng thế!

Với một bản "cáo trạng" như trên tưởng chừng như ông Quốc sẽ bị đem ra pháp trường hay ở tù chung thân trong thời gian ngắn nhất để làm gương cho kẻ khác. Nhưng không, đã hơn mấy tháng rồi, không nghe báo, đài địa phương nói gì ông. Thay vì nhốt ông trong ngục thì người ta cho ông một căn phòng riêng phía sau kho văn khố của công an thành phố, tuy chật vừa đủ đặt một chiếc giường cá nhân, một cái bàn viết nhỏ, nhưng có một cánh cửa sổ rất lớn, có thể nhìn bao quát cả khu vườn phía sau, trồng rất nhiều cây và cái ao nuôi cá. Mỗi tuần một lần, vào chiều thứ bảy, ông được một người lính trẻ, mở cửa phòng, dắt ra đó để nhìn cảnh vật. Dù trong bốn bức tường cao bọc quanh khu vườn, bao trùm không khí sợ hãi, nhưng cây lá vẫn tốt tươi, đơm hoa kết trái. Dưới ao, bọn cá lòng tong, nòng nọc chưa đứt đuôi, cũng bơi lội nhởn nhơ.

Lâu lâu, trong căn phòng của ông lại xuất hiện thêm ít tiện nghi. Trước đây bản tin địa phương nay có cả báo chí in ấn nhiều màu từ Hà Nội đưa vào. Người ta cũng cho người qua chỗ ông ngày trước nhặt ống điếu cày về cho ông, hằng tuần anh nuôi vẫn phát cho ông một gói thuốc lào Vĩnh Hảo, là thứ thuốc ông thích nhất cùng với bó đóm tre ngâm và hai hộp diêm mang nhãn hiệu sông Đà. Ở trong phòng này, phi thuốc lào, ông thấy thấm nhậm hơn, chẳng những kéo dài khoảng khắc xa lánh trần tục, mà còn làm cho ông lấp được phần nào cái hố chia lìa vợ, con. Ngoài ra, ông không có một niềm vui nào khác, kể cả cái loa nhỏ, mới đây, người ta đục bức tường cho lọt vào, để ông nghe chương trình phát thanh, mỗi ngày tám tiếng. Tất cả những giấy tờ liên quan đến đời tư ông họ đều nhặt về hết, cái thẻ đảng nhàu cũ, dính đầy vết bẩn, nay được bọc ny-lông lại đàng hoàng.

Mỗi ngày, ông được dọn hai bữa cơm trên mâm nhôm dày, chén đũa sạch sẽ. Tuy không ngon, nhưng ông cũng ăn no, vì bữa nào cũng có món rau muống, khi thì luộc chấm nước tương, khi thì nấu canh chua

trộn với bạc hà, me, đậu, bắp, khi chiên với tỏi và tôm khô, lại có thêm một múi chanh, mấy trái ớt chín đỏ. Vợ ông ngày trước cũng thường cho cha con ông những món ăn như thế. Tóm lại, mọi việc xảy ra, ông không hiểu nổi, ông cũng không tìm hiểu cặn kẽ nguyên do làm gì cho mệt óc. Hồi mới đầu, có những đêm trằn trọc không ngủ được, ông cũng băn khoăn, không hiểu vì sao mình được chiếu cố như thế này, vì cái thẻ đảng, vì đã hy sinh một cánh tay, một đứa con duy nhất cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Hay họ vỗ béo ông để chờ ngày lên sân bắn Chín Hầm, ân huệ đối với tử tội, dưới chế độ này, không đơn giản chỉ là phát súng kê vào màng tang thôi. Nhưng đối với ông, cuối cùng rồi cái chết cũng đến với tất cả mọi người và đều chết như nhau, rất bình đẳng. Mọi thứ có mặt ở đây, ông đều mặc nhiên chấp nhận, chỉ trừ tấm gương soi, nếu nó nhỏ soi vừa khuôn mặt thì không nói gì, đằng này lớn quá, lớn đến nỗi sự sinh hoạt thường ngày của ông đều chiếu dọi vào đó, rõ ràng là không phải để soi mặt, cạo râu, cắt lông mũi, mà cho ông nhìn thấy toàn bộ cái thân thể "tiêu đầu lạn ngạch" của ông, lúc nào cũng ở trong cái thế chênh vênh không bám trụ vào đâu được. Có lần ông xin trả tấm gương ấy lại, nhưng người hậu cần buột miệng: "Mai mốt đây, nếu có người vào đây nữa, họ cũng cần soi chứ." Nói như thế là ông sẽ đi, chưa biết lúc nào, tới đâu. Và điều này đã đến:

Cách lễ quốc khánh không bao lâu, có một người đến, tự giới thiệu giám đốc công an tỉnh, ăn mặc rất chải chuốt, tóc hớt cua ngắn có xức dầu mỡ chải ngược lên, trán cao, mặt nhiều thịt, miệng rộng, môi không thâm, cười nói có duyên. Trông ông ta, giống tài phiệt hơn là ở ngành mang nhiều tai tiếng. Theo sau ông ta, có chú nhân viên ôm nhiều đồ đạc, trong ấy có mấy ổ bánh mì, vài lon sữa, một bình bát thuốc lào mới toanh, đó là những thứ mới liếc mắt qua ông thấy được, còn nhiều thứ nữa gói kín, người theo ông đặt cẩn thận trong góc phòng, rồi nhẹ nhàng bước ra ngoài, khép cửa phòng lại.

Ông giám đốc mở đề:

— Thế nào, đồng chí Hoài Hương vẫn mạnh khoẻ chứ? Đồng chí nhận ra tôi không nào? Tôi là đại tá Bách Thắng, sư phó sư 301 đây.

Sự việc xảy ra bất ngờ, nhưng ông Quốc cũng không ngạc nhiên lắm:

— Cám ơn thủ trưởng, tôi hồi ở đơn vị cấp nhỏ quá, chắc cũng chưa lần nào gặp được thủ trưởng.

— Cũng có thể, thôi, cứ gọi nhau bằng anh em cho thân mật. Tôi biết

anh bị bắt vào đây đã lâu, vì bận nhiều công tác cấp bách, nay mới có dịp đến thăm, mong anh đừng chấp trách nhé.

— Không dám.

Ông đại tá móc bao thuốc có cán ra, mời ông Quốc một điếu, một điếu cắm lên môi, bật lửa, nói tiếp:

— Hút thuốc lào quen rồi, thuốc này không phê, cứ hút với tôi một điếu. Biết anh hút cái ống nứa, xưa lắm. Nên tôi có mua mang theo biếu anh cái điếu bát, trong bằng sứ Bát Tràng, ngoài gỗ mun, không có vân như cẩm lai, nhưng càng hút lâu càng bóng, đặc biệt là cái nỏ đúc bằng vỏ đạn pháo binh 105 ly của Mỹ Ngụy. Tôi xin phép được gửi gắm vào anh một điều là, dù có say, khoái cảm vì khói thuốc đi nữa, vẫn coi đó là chất men chiến thắng, đừng quên.

Thấy người đối diện lơ đễnh nhìn món quà đầy ý nghĩa của mình, ông đại tá giám đốc tiếp:

— Ngoài ra, tôi có mang thêm ít quà cho buổi tái ngộ thêm phần vui vẻ. thấy anh còn tỉnh táo đây là tôi vui. Sau chiến tranh có những triệu chứng xã hội rất thất thường. Có người không bị một biến cố nào hết, cũng trở thành kẻ điên khùng. Có người tự nhiên thế, bỏ vợ con, làng xóm, xứ sở, đi lang thang, nếu không chết dọc đường, thì cũng bị quần chúng xem thường, có khi danh dự mình bị chà đạp. Tôi thông cảm hoàn cảnh của anh hơn, sự mất mát quá lớn, như gánh lấy bất hạnh một mình. Vì tình chiến hữu, đã có một thời khi mạng sống con người còn treo sợi tóc, chúng ta đã sống bên nhau, nên tôi có lời khuyên, rất chân thật. Anh Hoài Hương ạ, Tái Ông mất ngựa đâu phải là chuyện rủi ro. Họa đến rồi đi. Phúc có thể ở lại lâu dài. Dại gì mà lao thân giữa đám hoạn nạn, phải không anh Quốc?

Ông Quốc buông thõng:

— Cũng có lúc tôi hiểu được như thế, nhưng...

Đại tá cắt ngang:

— Cái việc cấp dưới tôi đưa anh về đây cũng phát xuất từ truyền thống lá lành đùm lá rách. Các chú ấy đã báo cáo cho tôi hay là anh lên cân thấy rõ. Thử nghĩ coi, nếu để anh tiếp tục, không tránh khỏi cái ngày xác anh làm tiệc thịnh soạn cho ruồi, kiến, bọ hung. Sách vạn vật, chắc anh cũng đọc qua, chó mèo, nhất là chó mèo đói, cũng thích ăn thịt người nữa đấy. Khách quan mà nhận rằng, một phần lỗi thuộc về anh. Đồng chí còn đảng tịch, còn nhiều phương để sống, kẻ thù luôn luôn nhòm ngó kẽ hở của chúng ta. Có những cái phải dứt khoát dứt điểm

ngay, đồng chí cũng phải chịu hy sinh thêm, để chị em công nhân làm công tác vệ sinh thay bộ mặt cố đô Huế, mang nhiều tàn tích cặn bã chế độ cũ. Đồng chí thừa biết rằng, mình ngồi ở một nơi trên hè phố, nơi mà bác Hồ lúc niên thiếu thường qua lại, đi học trường Quốc học, về ở trọ dưới làng Dương Nổ. Thay vì, anh, tôi, và những người từng đứng vẻ vang dưới bóng cờ đảng, phải đóng góp tiền bạc, mua đá cẩm thạch, thuê thợ rành nghề, đẽo tượng Bác đứng đây, vậy mà... Tóm tắt thôi, đồng chí cũng đả thông rồi, chứ?

Ông Quốc buồn bã gật đầu cho qua chuyện, rồi với lấy điếu cày, vo vi thuốc bỏ vào nó, mùi thuốc bay ra hăng hắc, làm ông đại tá nhảy mũi mấy cái rồi nói:

— Chà, hồi còn ở trong rừng, tôi cũng ghiền thứ này lắm, hôm nào thiếu, thấy xốn xang, bứt rứt như có lũ kiến càng chui vào mạch máu, sao bây giờ mới ngửi qua đã kinh. À, mà nay khác, xưa khác. Thế anh Hoài Hương nhận được thư đều của thi sĩ Sương Mãn Thiên chứ?

— Anh ấy à, từ hôm xa tôi đến nay, đi biệt, không có tin tức gì — ông Quốc thành thật trả lời, chúng tôi chỉ gặp nhau có một buổi, chuyện trò sự đời rồi hiểu nhau, thân nhau, anh ấy ngủ với tôi một đêm, sáng dậy đi lúc nào chẳng hay, từ ấy xa miết.

Ông đại tá cười ruồi:

— Thế là anh còn dấu diếm tôi, các đồng chí thuộc cấp điều tra cho tôi hay, mọi liên hệ giữa anh và nhà thơ đã vượt ra ngoài tình cảm bình thường. Từ trại tị nạn Hồng Kông, anh ấy đã viết về cho anh hàng chục lá thư, trong túi tôi đây, cũng có giữ một lá. Nội dung thật là bất lợi cho anh. Xét ra, nếu đặt lên bàn cân công lý, thì chỉ một vài dòng thôi, anh cũng ở tù mọt gông. Xin lỗi anh nhé, đó là chuyện người dưng nước lã. Chẳng phải đường chỉ mực tàu nào của thợ mộc cũng thẳng đâu, tình cảm vẫn là cốt lõi. À, anh đã tìm ra manh mối cái chết bất đắc kỳ tử của chị chưa nhỉ?

Bất dắc dĩ hỏi đến thì ông trả lời:

— Khó khăn lắm đại tá ơi, có ai bênh kẻ thấp cổ bé miệng đâu. Vợ tôi bị hãm hiếp, giết chết, vùi xác trong bụi tre, thế mà chẳng có ai thèm xét xử. Kẻ phạm tội sờ sờ ra đó, trong huyện ai cũng biết. Nhưng thôi, người chết thì chết rồi, nhắc đến chi cho quẩn trí. — Quan niệm như anh cũng không được, sức người có hạn, làm sao một mình anh gánh chịu bao nỗi cay đắng. Chuyện này, tôi sẽ giúp anh tìm ra manh mối. Tôi đang ở trong ngành mà. Nếu bứt dây sợ động rừng, thì tôi có cách dàn

xếp trong chỗ riêng tư với thủ phạm. Chắc chắn là họsẽ bồi thường hậu hĩ cho anh, rồi anh cũng có tiền về quê nhà sinh sống nở mặt nở mày như ai, có khi đủ tiền xây cho chị cái lăng.

Bán tín bán nghi, nhưng vì thương người vợ, nên ông Quốc cũng thấy nao nao trong lòng:

— Đồng chí đại tá giúp tôi việc này, tôi suốt đời không quên ơn.

— Chỗ anh em với nhau, tôi hứa. Nhưng tôi có mấy việc, định nhờ anh, không biết anh có nhiệt tình giúp tôi không? Cũng trong khả năng của anh thôi. Việc mĩ mãn, cả hai bên đều có lợi. Tôi dĩ nhiên ít hơn anh, lấy niềm vui của anh làm khích lệ.

Không chờ ông Quốc trả lời, viên đại tá bước vội ra cửa, chỉ một thoáng sau trở vào, xách theo một bình trà và một đĩa bánh ngọt,nói tiếp:

— Mời anh uống với tôi chén trà cho lên tinh thần. Tôi đã cho ra mời chủ tiệm may Điện Biên vào đo kích thước để may cho anh một bộ quần áo vải ngoại, loại sang nhất. Việc xong xuôi, tôi sẽ đích thân chở anh đi xem lăng tẩm một chuyến, ăn nhà hàng, ngủ khách sạn, nếm qua sự đời cho biết, trước khi về quê nhà xây dựng lại hết. Mới hơn sáu mươi tuổi, chưa phải là già đâu, phải không anh Hoài Hương?

— Vâng, phải.

— Bây giờ tôi vào chuyện nhé. Tóm tắt thôi, sáng mai tôi sẽ vào thăm anh, bàn tiếp. Số là, bộ thông tin - văn hóa đã có đề án làm một cuốn phim dài nhiều tập, không phải chiếu ở trong nước thôi đâu, còn quảng bá rộng khắp hoàn cầu. Họ đang tìm một nhân vật chính trong phim, đã mấy tháng nay rồi, vẫn chưa tìm ra ai, khả dĩ đạt tới trình độ diễn xuất độc đáo, có tác dụng. Nay bộ đặt ra một phần thưởng hai cây vàng cho ai tự nguyện hay giới thiệu nhân vật đó. Vốn trời sinh tôi có giác quan sắc bén để sàng lọc cái tinh hoa giữa chốn vàng thau lẫn lộn, nên tôi không thể bỏ qua cơ hội này. Nội dung cốt chuyện phim là, một sĩ quan chế độ cũ, thời trai trẻ sống ngang tàng, ảnh hưởng kiếm hiệp nặng, lớn lên đi lính, nhờ liều mạng không sợ chết, nên được tuyển vào ngành biệt kích. Hắn ta đã từng chỉ huy một toán nhảy xuống nóc lăng của bác ở Ba Đình, bị chiến sĩ bảo vệ bắn chết hai tên, hắn thoát được, không biết tàng hình chốn nào, cả thành phố Hà Nội nhốn nháo lên tìm kiếm hơn một tuần không bắt được, người ta cứ đinh ninh hắn bị chết đói rục xác rồi. Thế mà chỉ mấy ngày sau khi giải phóng, hắn mặc bộ quân phục rằn ri, mang lon, phù hiệu, huân chương, không sợ sệt, đến trình diện ủy ban quân quản quận Gò Vấp. Sau đó hắn đi cải tạo như ai,

rồi cũng hưởng chính sách khoan hồng của đảng. Về nhà, vợ bỏ, hắn đi ăn mày. Cái "hậu" của chuyện phim rất khó đạt tới, phải làm thế nào cho khán giả không phải thấy kẻ khốn cùng mà rũ lòng thương. Lòng nhân ái của người Á Đông ai cũng có, nhưng ban phát nó ra, phải chọn đối tượng, bạn thù rạch ròi, không lẫn lộn. Diễn viên phải diễn làm sao cho người xem hiểu được nội tâm mình luôn luôn bị dằn xé, ân hận, trót lỡ lầm làm kẻ bán nước. Điều đó đã khó, cái khó hơn và tối cần là, không phải nói năng, phân giải dài dòng, mà chính cái vẻ bần cùng trên một cơ thể đà lụy, làm cho người xem thấy được rằng, chỉ có những người nhẹ dạ theo những lời đường mật của Mỹ Ngụy mới ra nông nỗi.

Ngừng lại, hớp một ngụm trà và hút điếu thuốc, đại tá tiếp:

— Anh cứ hút thuốc lá hay lào tự nhiên. Tôi thiết nghĩ không ai thể hiện vai trò chính này bằng anh. Nằm trong chăn mới biết chăn có rận, cha ông nói như đùa, thế mà đúng lắm. Anh có ý kiến gì không?

Không ngờ, chuyện buồn cười lại đến với ông, vẫn biết đời sống trớ trêu đến cỡ nào đó thôi, ngờ đâu ngoài sức tưởng tượng của một người đã chán ngán sự bon chen mưu tìm lợi lộc. Đóng một vai ăn mày thì dễ rồi, đã nhiều năm nay ông đã làm chuyện đó. Nhưng đem chuyện bất đắc dĩ cùng đường phải làm lên màn ảnh cho người đời xem, ông không yên lòng. Biết bao nhiêu điều tình tệ, xấu xa, đã đổ lên đầu chế độ cũ rồi, nay lại đến phiên ép ông làm để trục lợi cá nhân. Cả những năm tháng dài, nếu không có họ thì ai cho ông một hột cơm. Bây giờ biết nói làm sao đây, với một kẻ đang nắm quyền, sinh sát trong tay. Thì ra, mọi việc lớn nhỏ đến với ông vừa qua, đều có sự sắp xếp theo một kế hoạch tinh vi. Lâu sau, ông tìm lời:

— Tôi nay đã già yếu, tật nguyền, làm sao đóng được một vai chọc trời khuấy nước như thế. Đại tá thừa biết rằng, bọn biệt kích đều còn cả hai chân, hai tay chứ.

— Đúng, anh nói rất đúng. Nhưng anh biết rằng, với kỹ thuật hiện đại của điện ảnh ngày nay, có thể làm anh trẻ lại cả ba, bốn mươi tuổi, có thêm không chỉ một cánh tay mà cả trăm. Cốt nhất là phần thân thể phía trên, từ cần cổ trở lên. Dám nói một điều để anh phấn khởi, dù có đốt đuốc soi cả nước, cũng không tìm đâu ra một bộ mặt đám ma thứ thiệt như đồng chí đây.

Nghe câu này, ông Quốc cũng bật cười:

— Chà, hèn chi đại tá phục phụ trong ngành công an cũng phải.

Như đổ thêm dầu vào lửa, ông đại tá cũng ngửng mặt lên trần nhà

cười, khi cười miệng kéo ra gần mang tai, trông như mặt mấy ông địa, nhưng nụ cười ấy tắt rất nhanh. Ông kéo ghế gần ông Quốc hơn:

— Đồng chí a, vạn sự bất như bần, khi nghèo thì người ta có thể đào mồ cha ông mình lên, đem hài cốt đổ xuống sông, mà mình cũng không làm gì được. Khi đồng chí đã thành tài tử nổi tiếng rồi thì, tiền vô như nước, có tiền, chẳng còn ai dám móc moi, nhắc lại những ngày đồng chí ngồi bên lề đường. Ngoài việc xây lăng cho chị, anh có những việc phải làm, theo thiển ý của tôi, cũng rất cần thiết không kém, anh nghĩ coi, chim có đôi, cá có cặp, thực vật cũng có cây đực cây cái. Lẽ nào mình chịu cô đơn?

— Úi chà, lòm khòm như tôi ai thèm lấy. Mà lấy người ta về để làm chi nữa chứ?

— Đừng bi quan anh, còn ăn, còn sống, còn thở là trái tim chưa nguội, có lẽ bỏ quên lâu ngày đó thôi, chỉ hâm lại một chút là sôi ngay.

Nhìn ra cửa sổ, ông đại tá giám đốc thấy nắng đã nhạt trên lá cây, biết là trời đã chiều. Câu chuyện trên đây chỉ là khởi đầu, nếu thành công thì tốt, không cũng chẳng sao, thái độ lưng chừng của ông Quốc, theo kinh nghiệm nghề nghiệp của ông, thuyết phục thêm, bằng cách này hay cách khác, không khó. Còn một chuyện có tính cách quyết định nữa, ông phải trấn áp, dụ dỗ người tù này trước khi mặt trời lặn, đêm nay ông còn phải đi dự tiệc mừng ngày khánh thành cầu bắc qua Thuận An. Trước hết, ông dùng lời thân ái:

— Anh Hoài Hương nè, tôi đã chỉ thị cho hậu cần, tối nay đãi cho anh một bữa đúng tiêu chuẩn tiểu táo có châm chước, nghĩa là ngoài những món ăn cấp cao, còn có thêm vài món hải sản mà nhân dân làm nghề chài lưới ở Cửa Thuận vừa đem lên ủng hộ tôi, như cua gạch, tôm hùm, sò huyết, cả món rong biển nấu với cá ngựa nữa đấy. Ăn một bữa ăn ngon thì biết ngay đời có ý nghĩa. Nhớ ăn hết nghe, anh Quốc. Và, còn một điều này nữa, chung quy là chúng ta nương nhau để sống, tôi cũng cái lo cho tương lai, anh lại cần điều đó hơn tôi nhiều. Nơi đây, chỉ có anh và tôi thôi, không có người thứ ba, anh cũng nên bày tỏ thiện chí đối với một người che chở cho anh, trước đây, bây giờ và dài dài trong tương lai nữa. Kìa, sao trông anh đờ ra thế, đói bụng rồi hả, uống trà, ăn bánh ngọt đỡ đã, xong chuyện, tôi kiếu ngay, tức khắc có thức ăn cho anh. Ông Quốc mệt mỏi vì đã ngồi thế thẳng lưng quá lâu:

— Không sao, đại tá cứ nói, tôi vẫn nghe đấy chứ.

— Tốt lắm. Chuyện cũng dễ hiểu thôi. Không đòi hỏi anh phải làm

nhiều việc khó nhọc. Trước khi anh bị câu lưu ít tuần, tôi có tiếp nhận bộ hài cốt của con trai anh, cháu Lê Quang Hà, từ tay phái đoàn tỉnh đội Tây Ninh. Nghĩa trang này theo phương án phát triển kinh tế chung của tỉnh, nhường đất để trồng tiêu, điều xuất khẩu, phải dời đến một khu đất khác hẹp hơn, vừa đủ chôn cho những chiến sĩ vô danh, những người khác có tên tuổi, quê quán được đem về đến nơi. Phái đoàn đã về tận quê anh nhưng không còn ai thân thuộc. Có ai đó, cho hay anh đã vào đây khất thực. Dĩ nhiên là phái đoàn không đủ khả năng tài chánh, thì giờ ở lại tìm anh, họ nhờ tôi làm việc này. Nội trong một tháng phải có giấy ký nhận của cha liệt sĩ để họ đúc kết trình lên Hội Đồng Bộ trưởng.

Nghe đến đây, ông Quốc mừng quýnh lên, cầm lấy bàn tay của người đối đàm. Đời ông cố sống chỉ mong có một ngày nhìn thấy con về. Nhà thơ kia có hứa đem ông vào Nam thăm con một chuyến, lâu lắm không thấy người ấy trở lại, những người bắt ông cho biết, người ấy đã vượt biên, có thể là thật, có thể là phịa ra để uy hiếp ông. Nhưng nếu người ấy có trở lại đem ông đi thật, thì chỉ có thăm con thôi, chắc gì có tiền thuê người cải táng, mua được cái tiểu gỗ tốt để khỏi tủi thân con, đó là chưa nói đến chuyện lo lót hết cơ quan này đến cơ quan khác, hành sách hạch hỏi đủ điều. Sự vui mừng bất chợt đến, làm ông lắp bắp:

— Có thật ... thật không đại tá. Thế, giờ con tôi... con tôi đâu?

Ông Bách Thắng chỉ tay vào bọc ny-lông để sát bên vách:

— Đấy. Cháu nằm đấy.

Bỗng ông Quốc la toáng lên:

— Sao đại tá lại để con tôi nằm dưới đất như thế?

— Không phải đâu, đừng vội trách tôi — ông đại tá dịu lời, chẳng qua là tôi muốn gây sự ngạc nhiên thích thú cho anh đó thôi. Vả lại...

Nôn nóng, ông Quốc chen vào:

— Chuyện chi nữa đây, thưa đại tá?

— Vả lại, giữa người sống với người chết bây giờ có ... khoảng cách. Trong y học, các cuộc khảo nghiệm cho biết, con người nói riêng, động vật nói chung, là một ổ vi trùng gieo vãi mầm bệnh. Khi người sống, nhờ sự sống phong tỏa, kìm giữ chúng lại, hay nói đúng hơn, chúng ẩn nhẫn chờ đợi, cho đến khi con người chết, mới nổi lên hoành hành, mà hoành hành lâu lắm, có khi đến cả trăm năm sau. Ruột, gan, da, thịt, xương, không phải tự nhiên mà mục nát, chính là do lũ vi trùng tấn công, phần mềm trước, cứng sau. Chỉ có tóc, lông, móng tay, móng chân, không có chất bổ dưỡng, còn lại. Y học cũng dạy ta, không nên gần người chết, dù

mới chết hay chết đã lâu, anh Quốc ạ.

Lý Luận vòng vo như thế trong lúc này không thể lọt vào tai của một người cha thương con, xa cách nhau đã lâu. Bản thân ông đây, không phải là tổ vi trùng gây mầm bệnh như họ đã đọc trong lệnh bắt ngày nào hay sao? tình phụ tử không có biên cương, súng đạn gươm đao chưa sợ, sợ gì loài sinh vật bé tí teo đó. Nghĩ thế, ông quên cả xin phép đại tá, vội vã đứng dậy, chạy nhanh về phía hài cốt con. Vị đại tá cũng rời ghế đi theo sau, từng bước chậm rãi, cho đến khi ông Quốc ngồi xuống định mở bọc ra, thì ông đặt cánh tay nặng nề của mình xuống vai:

— Ấy, đừng vội gì, còn đó mà. Đồng chí chỉ còn một tay làm sao mở được. Gói ghém cẩn thận nhiều lớp lắm, lại có phủ nhiều lớp vôi bột sát trùng nữa đấy. Thôi, đến uống trà, hút thuốc với tôi. Một lát nữa, tôi bảo nhân viên mở ra cho anh thăm con.

Nói xong, ông đại tá đưa hai bàn tay mập mạp dìu ông Quốc trở lại ghế ngồi. Lại còn móc túi quần, đưa cho ông Quốc một chai dầu gió hiệu con ó Singapore, nói nhỏ: "anh xoa hai tay đi, xong cất dành khi nào hữu sự, dùng đến". Ông Quốc lại sốt ruột hỏi: " đại tá tìm giúp tôi vài nhánh nhang thắp cho nó kẻo tội". "Ừ, chuyện đó để tôi lo, yên chí". Nói xong, ông đại tá di chuyển thân hình nặng nề ra cửa, chỉ thị cho người nào, dường như đã đứng chực sẵn ngoài đó: "Em ra ngoài quán mua cho anh một bó nhang, loại tốt, nhớ nói là mua đốt đuổi muỗi nhé". Quay lại, bóng tối căn phòng lúc này vừa đủ phả lên mặt ông một lớp mạ sẫm tím, càng làm cho vẻ căng thẳng tăng lên. Ông chớp mắt nhiều lần nhìn căn phòng, tất cả những đồ vật hiện diện ở đây đều do sáng kiến của ông mà có. Sự sinh tồn có nhiều ngõ ngách, nhưng ngõ ngách nào cũng phải có lỗ thông hơi, nghĩa là không phải tuyệt địa. Không phải là thả mồi bắt bóng. Đời mà. Nghĩ đến đây, lòng vui sướng làm phát ra tiếng cười, tiếng cười ấy lại làm cho ông Quốc chột dạ, tâm trí rối rắm thêm, khẽ hỏi:

— Chuyện gì mà cười thế, thưa đại tá?

— Tôi đang nghĩ đến chuyện đời đây, thấy cũng vui vui. Anh có khi nào đọc đến lịch sử chưa nhỉ, anh hùng Nguyễn Huệ nhà ta oai phong lẫm liệt như thế, mà cũng lén sai người dìm thuyền trung thần nhà Lê Trần Công Sán chết chìm ngoài biển, bà Hiền Phi lúc hấp hối cũng kì kèo vua Minh Mạng nhét vào tay cho được mấy chục đồng tiền vàng, mới chịu nhắm mắt. Thì ra, vua chúa hay bần dân, ai cũng cần địa vị, tiền tài. Sống đã đành, chết cũng vậy thôi. Anh Quốc ạ, tôi cạn tình với anh đây.

Thú thiệt với anh, thời buổi này là thời mà sức mạnh vạn năng của kim tiền lộng hành nhất, hơn cả thời của Mã Giám Sinh, Xuân thu, Tam Quốc nhiều. Thậm chí, con chim đáng thương Tinh Vệ kia, cũng không còn một viên sỏi để tha về lấp biển, nàng Nữ Oa kia, cũng không tìm đâu ra một hòn đá nguyên vẹn để luyện ngũ sắc vá trời. Người ta biến sỏi đá thành cơm hết rồi, mà cơm thì lọt vào dạ dày ai chẳng biết, anh thì đói meo. Tôi đây, chức vụ cao, còn trọng dụng, biết đâu mai đây cũng đói meo như anh, vắt chanh bỏ vỏ, đã đến với anh, rồi cũng đến với tôi thôi. Anh đừng tưởng tôi an phận, an phận sao được, cũng có nhiều lúc, tôi điên đầu lắm chứ, cũng có lúc tôi giải tỏa ấm ức của mình bằng cách chửi, chửi đổng, chửi độc, dĩ nhiên là chửi một mình, không ai nghe, ngoài tôi. Có ai thèm nghe mình chửi đâu, phải không anh Hoài Hương? Nhưng thôi, dài dòng văn tự làm chi, tôi muốn anh hiểu một điều chủ chốt là, bất cứ giá nào mình cũng kiếm ra được nhiều tiền, chỉ có đồng tiền là cứu cánh. Anh trở thành diễn viên điện ảnh thì số vàng thưởng cho người phát hiện thiên tài chia đôi, tôi lấy một cây thôi, sau đó, nếu anh đóng thêm nhiều phim khác, chắc anh cũng không quên tôi đâu. Còn việc này đây, anh lắng tai nghe cho kỹ nhé.

— Vâng.

— Trước hết tôi cũng xin vong hồn cháu, nếu có, tha thứ cho tôi. Không phải tôi ích kỷ một mình,việc tôi làm, trước hết là hướng về cha cháu mà cả cháu nữa. Cháu phải biết rằng, thời điểm này, không phải chỉ trong Nam đâu, cả ngoài Bắc nữa, người ta ùn ùn kéo đi vượt biên. Để làm gì thì cháu cũng biết rồi, bác đâu cần phải nói thêm. Đã là người, ai cũng muốn sống cho ra sống, không muốn mình đứng mãi mấp mé bên bờ vực, lại toàn là vực thẳm, có nhiều rắn, rít, cóc, bọ cạp.

Châm một điếu thuốc, ông quay sang nói với ông Quốc:

— Anh Hoài Hương nè, tôi nghe đài ngoại, biết được bên Mỹ, mỗi lần chở hài cốt lính họ chết ở nước ta về, cả nước đón tiếp niềm nở lắm, họ còn bày bàn ghế ra sân bay, trưng hoa quả, đốt nhang đèn, cúng kiến. Chao ôi, họ còn điều một trung đội pháo binh bắn hai mươi mốt phát đại bác nữa kia, chỉ còn nắm xương mà người ta cũng tri ân như thế. Rồi mỗi hài cốt được dành cho sẵn một nấm mộ được xây bằng đá hiếm, có mục sư đến làm lễ, cầu nguyện, quanh năm có người đặt hoa tươi trên nấm mồ. Được như thế, mạng sống mình cũng không tiếc chi, phải không anh?

— Phải lắm.

— Thề thì, tôi có việc nầy nói ra đây với anh, đây cũng là một sáng kiến tự phát, khi tiếp nhận hài cốt của cháu, tôi có sai nhân viên mở ra xem lại coi có đủ số xương cháu không, nhờ thế mà tôi biết được xương cháu dài lắm, cái nào cũng dài, y như người Tây phương. Có phải vóc dáng cháu cao to lắm phải không anh?

— Vâng, lúc hai mươi tuổi, cháu cao một mét bảy mươi hơn.

— Ừ, tốt. Cũng nhờ đó mà tôi nảy sinh ra chuyện đem bán hài cốt cháu cho một tổ chức có đường dây bán lại cho văn phòng cựu chiến binh của Mỹ ở Vọng Các. Như tôi đã nói ở trên, đây cũng phát xuất từ thiện tâm của tôi. Trước, cháu có một nơi yên nghỉ vĩnh viễn, được đón tiếp nồng nàn, được người đời thăm viếng thường nhật, không phải bị nay quật, mai dời, nằm một nơi hiu quạnh như bên ta. Sau, mình có một số tiền chia nhau, số tiền này gấp cả chục lần tôi lãnh lương giám đốc mười năm, còn anh thì cộng với số tiền đi đóng phim, chỉ có thúng mới đựng hết vàng khối.

Thấy ông Quốc ngồi lừ đừ như không hiểu gì câu chuyện, ông tự tay xé bao thuốc lào mang đến, vo tròn một điếu, bỏ vào nỏ bình bát, rồi đẩy nhẹ qua mời:

— Hút đi anh, khánh thành cái ống điếu này xem có đạt không nào. Chà, loại đóm này người ta làm rập theo y chang như đóm của cụ Đinh Công Tráng ở chiến khu Bãi Sậy đây. Còn cái điếu bát này chưa chắc đám quần thần trong phủ chúa Trịnh đã có. Nỗ lực lên nghe anh Quốc. Các đồng chí hậu cần chắc cũng đã chuẩn bị cơm nước sẵn sàng rồi. À, sao chưa ai mang nhang đèn để thắp cho cháu nhỉ? Có một điều, tin chắc anh cũng như tôi, nếu có hoàn cảnh thuận lợi, không dại gì mà không cho con cháu chúng ta tìm một nơi, sống sướng mà chết cũng yên. Nay cháu đây, đời quá ngắn, sống không ra gì, anh cũng nên nghe lời tôi, để cho cháu lúc chết được toại nguyện, vong hồn cháu ngậm cười nơi chín suối. Nếu anh đồng ý, chỉ ký vào biên bản này và tự tay viết thêm mấy chữ là, đã nhận và nhận đúng thi hài của con, sau đó tôi sẽ cho người vào tỉnh sở tại để nạp cho họ là xong, tôi hết trách nhiệm, khỏi lôi thôi về sau, những kẻ ganh ghét, thèm muốn chỗ ngồi của tôi, cố tình vạch lá tìm sâu, cũng chẳng làm gì được. Còn về cháu đây, ra đi như thế nào, giá cụ thể bao nhiêu, chuyện ấy tôi lo...

Bỗng ông Quốc co người lại, cánh tay cụt của ông đụng đậy qua lại như khúc đuôi gốc con thằn lằn bị đứt. Toàn thân ông lên cơn kinh phong lẩy bẩy. Trong chốc lát, phần trên cơ thể ông nhoài về phía trước, cái cằm

đầy râu lởm chởm chạm phải rìa bàn, gây ra một tiếng động khô, cánh tay còn lại quơ nhiều vòng trên mặt bàn, cái bình bát sáng bóng rơi xuống thềm, phát ra một tiếng động nữa lớn hơn, nhão nhẹt. Cả ống điếu cày cũng rơi về phía ông đại tá, nước thuốc lào đặc quánh, đen như nước cống, vung vãi đầy quần áo, mặt, tóc và cố vị giám đốc. Sự cố xảy ra thật nhanh, làm ông không tài nào tránh né, cố giữ cho mình được bộ mã sạch sẽ để đi dự đại tiệc.

— Bố tiên sư nó, thối còn hơn cóc chết. Sắp đến giờ rồi, vố này chửi cha không giận bằng...

Tuy giận lắm, nhưng ông đại tá cố dằn lòng, chỉ lẩm bẩm trong miệng như thế rồi loay hoay cởi hết bộ quần áo ủi thẳng nếp, có ướp nước hoa, vuốt đi, vuốt lại mái tóc, để nước thuốc lào khỏi thấm nhiều vào thân thể béo phệ, may ra rút ngắn bớt khoảng thời giờ tắm rửa kỳ cọ phiền phức. Biết đâu, đêm nay sau buổi tiệc, cũng có người tốt bụng, hiểu ông, kéo đi xuống những con đò "nhân ngãi" trên sông Hương.

Cởi xong, dịnh gọi nhân viên đem quần áo khác vào mặc tạm thì thấy ông Quốc đã nằm sấp trên thềm nhà, đầu nghiêng về phía ông, đôi mắt ràn rụa, đăm đăm nhìn ông, cánh tay cố vươn dài ra trước, năm ngón tay mở xòe như cánh quạt, ngón giữa dài nhất chỉ còn mấy phân nữa lâ chạm đến gói ni-lông bọc hài cốt con.

Ông Quốc nằm bất động như thế, vẫn biết mình chưa chết,vì nghe trái tim đang đập, không phải trong lồng ngực ông, mà từ thềm đất ấm vọng lên. Máu từ ở vết thương cằm ông chảy ra thành một dòng nhỏ ngoằn ngoèo.

Ông không thể mở miệng được để nói với đại tá một câu, hai hàm răng của ông đã dính sát lại, đầu lưỡi bị chần dập, đang rỉ máu ở trong, nhưng dù có nói được, lúc tâm trí bấn loạn này, làm sao nói cho đại tá hiểu, xưa nay chợ chưa ai bán thịt người, cọp beo dữ dằn cũng không ăn xác con. Chỉ chừng ấy thôi. Nếu đủ sức nói thêm, thì chỉ xin đại tá giúp một tay, cho ông được trườn tới chút nữa, ở một vị thế, bàn tay ông có thể kéo gói xương cốt con về phía mình, gần hơn.❑

Bóng Tối

Trần Mộng Tú

Phượng bước vào buồng số 11, buồng có hai giường. Bệnh nhân mới là bà Patty Wicker, cái giường bên cạnh, tuần trước là David nằm, chăn gối đã được gấp lại gọn, sạch, chiếc bàn nhỏ kê sát đó cũng trống trơn chứng tỏ không có người dùng đến. Điều này không làm Phượng ngạc nhiên vì rất hiếm khi cô gặp lại bệnh nhân hai lần. Cô làm việc thiện nguyện cho họ đạo St. Louise de Marillac, việc của cô là một tuần một lần đem Mình Thánh Chúa cho những bệnh nhân Công giáo, nói chuyện và đọc lời nguyện chung với họ. Những người bệnh cô phụ trách ở khu Nam này phần đông là bệnh nhẹ, họ chỉ vào đây một, hai ngày hoặc một tuần là cùng. Cô đã gặp David đến hai lần ở phòng này cũng là một điều hãn hữu. David không có ở trong danh sách những người muốn xin một đại diện của nhà thờ Công giáo đến thăm viếng, nhưng anh cùng ở chung trong một phòng đôi nên Phượng có xã giao, chào hỏi anh và hình như anh cũng vui mừng có người để ý đến mình, anh đã hỏi Phượng cách phát âm tên của cô thế nào.

Phượng chào bà Patty ra về, gặp Cathy cô y tá quen mặt (Phượng làm thiện nguyện ở nhà thương này hơn hai năm rồi) cô hỏi:

— David xuất viện rồi hả Cathy?

Cathy lắc đầu:

— Không phải xuất viện hẳn đâu chị, chúng tôi chuyển anh ấy qua West Wing (khu Tây) để được chữa trị đặc biệt.

Phượng thắc mắc:

— Anh ta bị bệnh gì vậy?

— AIDS.

Cathy nhìn vào mắt Phượng trầm giọng xuống:

— David là một người mang tính đồng tính luyến ái, anh có triệu

chứng AIDS từ hai năm nay rồi, nhưng giấu và hình như không chịu cho điều trị.

— Tại sao vậy?

— Nào ai biết được, nhưng thôi đừng hỏi nữa, tôi không có quyền nói nhiều về bệnh trạng của bệnh nhân đâu. Nếu chị quan tâm đến anh ta thì ghé sang thăm anh ấy một chút, biết đâu chị chẳng giúp được anh ấy, chị là *minister of care* * chắc là anh ấy sẽ chấp nhận sự thăm viếng của chị.

Phượng nhìn đồng hồ, cô còn hai tiếng nữa mới có cái hẹn với nha sĩ, cô nghĩ là nên ghé thăm David, câu chuyện Cathy vừa nói về David làm cô băn khoăn trong lòng. Thuyết phục cho David chấp nhận một sự chạy chữa cho bệnh trạng của anh, đó không phải là bổn phận của người làm việc thiện nguyện hay sao?

Muốn sang khu Tây thì phải đi ra ngoài cao ốc và băng qua một khu vườn cỏ rộng. Phượng kéo cao cổ áo khoác lên, lấy găng tay mang vào cẩn thận, mùa đông dễ bị cảm lạnh lắm. Phượng đi từng bước nhỏ dò dẫm, tuyết ở dưới chân cô không dày lắm nhưng lại đóng một lượt băng mỏng dễ làm cho trơn trượt. Qua hết bậc xi-măng, dẫm chân lên cỏ cô đi được những bước mạnh dạn hơn. Cỏ dưới chân cô khô ròn vì đông đá, hơi lạnh phủ chụp lấy cô, tuyết đọng từng mảng trên những cành thông ở hai bên lối đi, thỉnh thoảng có một con chim trong lùm cây bay vụt ra, chúng đem theo trên cánh những hạt tuyết nhỏ, rũ tung vào không trung. Cô ngửa cổ, hít mạnh một hơi dài như muốn uống cả không gian tinh khiết vào trong lồng ngực. Thiên nhiên đẹp quá! Bất giác cô nghĩ đến David, anh ta còn trẻ quá, bằng mọi cách cô phải giúp anh đứng vững trong căn bệnh nghiệt ngã này.

David ngồi quay lưng ra phía cửa chính, Phượng đến sát lưng ghế mà anh không hay, anh đang đăm đăm nhìn ra ngoài cửa sổ, ngoài đó vạn vật đang như nằm yên ngủ trong một khoảng không gian trắng mênh mông, cái khoảng mênh mông đó lại được đóng khung trong khuôn cửa sổ trông giống như một bức bưu ảnh lớn.

Phượng lên tiếng gọi khẽ:

— Hi! David.

David quay lại, anh nhận ra Phượng, ánh mắt anh bóng lên hơn một chút.

— Chào bà Đỗ, sao bà biết tôi ở đây?

Phượng thân mật:

* *Minister of care*: thừa tác viên bác ái (danh từ của các họ đạo)

— Cứ gọi tôi là Phượng được rồi. Cô Cathy bên đó cho tôi biết là anh được chuyển qua đây, tôi muốn ghé thăm anh một chút, xem anh có cần gì bên ngoài tôi có thể đem vào cho anh.

— Cám ơn Phượng, tôi chẳng cần gì cả, tôi chỉ muốn xuất viện mà người ta không cho.

Phượng kéo một chiếc ghế ngồi cạnh David, cô cũng nhìn ra cửa sổ với anh, cả hai cùng im lặng. David không nói gì nữa, và Phượng không dám hỏi thêm. David lại đăm đăm nhìn vào khoảng trắng mênh mông trước mặt, còn Phượng, cô ngắm nghía một nửa nghiêng của khuôn mặt David. Tóc anh vàng và sợi nhỏ, vầng trán cao, sóng mũi thanh tú, chiếc cằm hơi nhọn, da anh tai tái, những chân râu xanh nhạt mới nhú lên đêm qua, chắc là sáng nay chưa cạo trông anh chỉ khoảng 23 đến 25 tuổi là cùng, thân hình anh mảnh dẻ, cả người anh toát ra một vẻ yếu đuối như đang cần một sự nương tựa, bàn tay anh để trên lòng có những ngón dài, xanh nhợt nhạt. Phượng lên tiếng để phá tan sự im lặng:

— Chắc David vẽ đẹp lắm.

David nhếcg môi cười nhẹ:

— Tại sao Phượng nghĩ là tôi vẽ đẹp.

— Ừ, thì thấy bàn tay nghệ sĩ của anh tôi cũng đoán mò là anh sẽ có khiếu về một bộ môn nghệ thuật nào đó.

— Có, tôi cũng có vẽ vời chút đỉnh, nhưng bỏ từ hai năm nay rồi. Phượng tò mò:

— Sao lại uổng thế, tôi cũng mê hội họa lắm nhưng không biết vẽ, mà sao anh lại bỏ?

David nói chậm rãi, giọng như có pha nước mắt:

— Tôi bỏ tất cả từ ngày Jason chết.

Phượng bối rối, cô nói vội:

— Xin lỗi anh.

— Cô không có lỗi gì cả.

Hai người lại rơi vào im lặng, David lại tiếp tục nhìn ra khoảng trống mênh mông bên ngoài cửa sổ. Phượng bỗng thấy cái khoảng cách gần gũi giữa cô và David cũng trở nên vô cùng mênh mông và cô có cảm tưởng như cô đang chạm tay vào nỗi cô đơn không cùng của David, cô bỗng thấy xót xa cho anh. Với vị thế của người đi làm thiện nguyện xã hội, cô mong cho David nghĩ lại đến bản thân anh mà chấp nhận một sự chạy chữa cho căn bệnh hiểm nghèo đó. Đối với riêng cô sự kiện David là người mang chứng Đồng Tính Luyến Ái thuộc về cá nhân của riêng

anh. Anh cho đó là một bông hoa anh đang cầm trên tay hay là một thánh giá anh đang vác trên vai thì cũng đều đáng tội nghiệp như nhau cả. Vì dù muốn dù không, dù được chấp nhận hay phủ nhận, cái tập đoàn riêng tư đó vẫn đứng một phần đất riêng tư mà cô không muốn bước chân vào. Dưới con mắt cô, một người làm việc bác ái, David chỉ là một sản phẩm của Thượng đế như cô và chồng con cô mà thôi. Khi anh có bệnh anh phải chữa trị như mọi người, anh không có quyền tự hủy đời sống anh. Trong khoảng không gian yên tĩnh mênh mông đó, bỗng David lên tiếng trước.

Năm đó, vào một buổi tối mùa đông lạnh lắm, tuyết ngập trên mặt đường phố cao đến nửa ống chân, buổi sáng lại vừa có một trận bão đi qua. Những thân cây lớn nhỏ ngã ngổn ngang trên mặt đất, những cột đèn, cột điện thoại cũng cùng chung một số phận, không ai muốn bước chân ra khỏi nhà trong một đêm vừa lạnh vừa tối như thế này. Cái lò sưởi củi là nơi để cả gia đình tụ lại tìm hơi ấm bên nhau, những đứa bé cuộn tròn trong chăn ngồi sát vào bố hay ngả đầu vào vai mẹ, con mèo, con chó cũng muốn được nằm sát bên chân chủ để hưởng ấp ủ thương yêu của sự chia sẻ. Nhưng cậu bé David không được ngồi gần cái lò sưởi đó, cậu bị người cha ghẻ đánh đuổi ra khỏi nhà, cậu đứng co ro trước hiên nhà đợi mẹ cậu về, mẹ cậu không về, có lẽ bà cũng đang trốn ở một nơi nào đó để khỏi bị đánh đập bởi một người chồng nghiện rượu. Đây không phải lần đầu cậu bé David 12 tuổi bị hất hủi, đuổi đánh, bị bỏ đói lạnh. Ngay từ lúc còn rất bé cậu cũng đã từng bị bỏ đói nên đã từng được đem cho đi nhà này qua nhà khác khi nào mẹ cậu không có ai ở chung, bà nghèo túng thì bà đem cậu về để được hưởng trợ cấp xã hội, khi bà kiếm được một người đàn ông nuôi bà thì bà lại đem cậu cho đi để đỡ vướng chân tay. David không biết bố cậu là ai, chỉ biết những người đàn ông ở với cậu không ai thương yêu cậu. Có phải thời gian ở với mẹ con cậu ngắn quá nên họ không kịp thương yêu? Mà mẹ cậu thì nào có thiết tha gì đến cậu, cậu đôi lúc như một nguồn lợi kinh tế của bà, đôi lúc trở thành gánh nặng mà bà không muốn mang vác. David lớn lên trong còm cõi từ thể xác đến tâm hồn, cậu quen được hắt hủi, đánh đập hơn là được chiều chuộng vuốt ve. Tối nay cậu không dám tìm cách vào nhà vì cậu sợ rằng người cha ghẻ của cậu trong cơn say rất có thể sẽ trói cậu vào một cái ghế, cái bàn nào đó rồi đánh đập cậu cho đến khi ông tỉnh rượu. Cậu dò dẫm từng bước trên tuyết tìm ra đường cái, cậu giơ tay xin quá giang

ở ngay lối dẫn vào xa lộ. Chiếc xe ngừng lại đón cậu lên. Họ đưa cậu đi đâu, cậu không biết và cậu không thắc mắc, đi đâu cũng được miễn là ai đó cho cậu ăn và đừng đánh đập cậu. Một trong những người ở trong chiếc xe định mệnh tối hôm đó là Jason, Jason 19 tuổi, hơn cậu 7 tuổi. Ngay ngày hôm sau cậu biết Jason ghiền ma túy và chỉ một tuần lễ sau cậu biết Jason là một người đồng tính luyến ái. Jason không nói cho cậu biết về đời tư của anh ta nhưng cũng không giấu diếm, Jason chỉ gọi cậu ra bảo:

— Muốn ở đây với tôi thì ở, muốn đi đâu thì đi, tôi không giữ.

Cậu bé David không muốn ở nhưng lại không có chỗ nào để đi nên cứ đứng lặng im không nói gì.

Jason hỏi:

— Có muốn đi học không?

David gật đầu. Ngay hôm sau Jason đưa David đến trường ghi tên học. Nhưng David học hành không đến nơi đến chốn, cậu đã bị nhiễm thói xấu đi học thất thường từ rất nhỏ, nên có khi đang ở lớp học cậu bỏ về xem TV, có khi trốn học nguyên ngày đi chơi, và dần dần cậu bỏ hẳn (20 tuổi David vẫn chưa xong trung học).

Jason cũng chẳng can thiệp gì vào chuyện David có đi học hay không, anh còn bận kiếm sống, còn bận hút sách và giao du với đám bạn đồng tính luyến ái của anh. Mặc dù vậy David vẫn tìm thấy ở Jason một sự bao bọc che chở mà trước đây cậu không hề được hưởng. Anh nói năng ngọt ngào với cậu, săn sóc cậu khi cậu ốm đau, nhất là anh không hề đánh đập cậu và bỏ đói cậu một ngày nào. David được ăn ngủ đầy đủ, rong chơi tự do, trưởng thành cả thể xác lẫn tâm hồn, một tâm hồn yên tĩnh không sợ sệt. Sự săn sóc ngọt ngào của Jason cho cậu một ngày một tăng dần theo số tuổi của David. David thấy Jason như một người cha, một người anh mà cậu hằng thiếu thốn. Sự bất bình thường trong liên hệ tình dục của Jason với những người bạn của anh ta dần dần ảnh hưởng sang David và David bắt đầu từ lúc nào không biết đã đi vào con đường của Jason.

Khi Jason thưa dần đi những người bạn trai cũ để sống với David như một cặp tình nhân thì David bắt đầu hoảng sợ. Cậu đi tìm những người khác phái để tự thí nghiệm mình. Những người con gái David quen, người ta đòi hỏi David một sự che chở, bao bọc, một người hùng, một người hào hoa phong nhã và có học thức. Trên mọi phương diện đó David đều không có, cậu quen núp dưới cái bóng vĩ đại của Jason rồi,

cậu không thể làm cái mái che cho ai được. Thế là cậu lại quay về với cái yếu đuối của mình là để cho Jason săn sóc và bao bọc. Đã có nhiều lúc David tự hỏi — liệu mình có thoát ra được cái liên hệ với Jason hay không? Giữa cậu và Jason chỉ thuần là một ràng buộc tình dục bất thường hay còn một thứ tình nào khác? Cậu có nên oán trách Thượng Đế đã đặt cậu vào hoàn cảnh này hay không? Cái bản ngã của cậu là yếu đuối lệch lạc hay cái gia cảnh nghèo khó, không cha, không được thương yêu dạy dỗ đã làm cho cậu trở thành lệch lạc yếu đuối? Cái xã hội của cậu đang sống sao không giúp cậu ngay từ khi cậu còn bé? Cậu bẩm sinh là một người bất thường hay vì không được dạy dỗ luân lý từ nhỏ đã làm cho cậu trở thành bất thường? Nếu bảo đồng tính luyến ái là phạm luân lý thì một đứa nhỏ từ lúc sinh ra cho đến lúc trưởng thành nó không hề được dậy dỗ một ngày, một giờ nào về luân lý thì làm cách nào nó hiểu được cái cao trọng của luân lý. Một đứa bé lúc nào cũng bị đánh đập bị hất hủi thì nó thèm muốn một sự vuốt ve ôm ấp dù bắt đầu dưới một hình thức nào. Khi nó ý thức được sự vuốt ve đó là sai lạc thì nó đã bị đẩy đi quá xa, như một người đứng ở đầu sóng mà không biết là sóng sẽ dâng thì khi bị cuốn ra khơi làm sao mà quay vào được, nếu lại là một người không được dạy tập bơi từ trước đó bao giờ.

David chỉ ý thức được đồng tính luyến ái là bất bình thường với cậu sau cái chết của Jason. Vì ngoài Jason ra cậu không chấp nhận được sự liên hệ tình dục nào với những người khác phái, mặc dầu cho đến bây giờ cậu vẫn chưa có ý định sẽ tìm một người bạn gái. Cậu suy nghĩ rất nhiều và cho rằng cậu đã có một cái tình khác nữa với Jason nên cậu mới chấp nhận sự liên hệ xác thịt bất thường đó với Jason. Có một điều làm David cảm thấy mình cô đơn vô cùng là cậu không biết được rõ ràng là Jason đối với cậu còn có một thứ tình yêu nào không hay chỉ thuần nhất lợi dụng thể xác cậu? David cứ hối tiếc mãi là khi Jason còn sống tại sao cậu lại không hỏi anh ta điều đó rồi David lại tự nhủ — không hỏi mà lại hay vì nếu mình hỏi rồi biết câu trả lời ngoài ý mình mong đợi chắc sẽ làm mình đau đớn lắm.

Khi Jason chết vì bệnh AIDS thì David biết mình thế nào mình cũng có mầm mống của bệnh đó không nhiều thì ít. Jason mất hai năm nay rồi, David cũng không hề nghĩ đến việc phải đi khám bệnh, cậu sống thui thủi một mình trong căn phòng nhỏ, kiếm một việc làm vừa đủ sống qua ngày (với sức học của cậu thì dù có muốn kiếm hơn nữa cũng rất khó). Người ta đến tìm cậu sau một tuần lễ không thấy cậu đến chỗ

làm và cũng không liên lạc được bằng điện thoại. Họ tìm ra cậu nằm lả trong một căn phòng cửa ngõ kín bưng, bác sĩ định bệnh và tìm ra bệnh Aids đang bắt đầu hành hạ thân xác cậu. David từ chối tất cả mọi sự chữa chạy. Không ai khuyên nhủ được cậu, mà cậu cũng có ai là người thân khuyên nhủ đâu trừ mấy ông bác sĩ và y tá. Người ta đang thu xếp để gửi đến cho cậu một cố vấn tâm thần.

Phượng ngồi yên lặng nghe David kể, chốc chốc cô lại đưa tay len lén lên dụi mắt. David kể xong cũng ngồi yên lặng nhìn ra khung cửa sổ, mắt đăm đăm theo dõi những sợi tuyết đang được thả xuống từ trời. Phượng thì không biết lên tiếng như thế nào, cô cứ nhìn xuống hai bàn tay mình đang nắm vào nhau, ngón áp út của tay trái cô có đeo chiếc nhẫn cưới. Một cái khoen vàng óng ánh quấn chung quanh ngón tay cô như một sợi tơ hồng ràng buộc giữa cô và chồng cô. Cô nhớ có câu truyện bảo rằng — *sở dĩ người ta đeo nhẫn cưới ở ngón áp út bên tay trái vì từ ngón đó có một sợi dây thần kinh chạy thẳng vào trái tim để cho vợ chồng yêu nhau mãi.* Bàn tay trái của David không có đeo một chiếc nhẫn nào, nhưng dộng lực nào đã làm cho David có cái tư tưởng sống sót với tình như thế và nhất là một mối tình bất bình thường. Có phải vì ngoài Jason ra chưa có ai yêu thương David hay không? Có phải cái cô đơn giữa con người với cuộc đời hay không? Ai là người sẽ giúp David thoát ra khỏi cái cô đơn đó để trở lại một cuộc sống bình thường? Phượng bỗng thấy xót xa cho David. Cô ôn lại câu chuyện của David trong đầu, hình dung ra mỗi ngày David đi về âm thầm như một chiếc bóng, đứng nhìn mình trong gương, ngẫm nhớ lại từng quãng đời mình đã đi qua, từ thuở còn thơ dại. Cô chắp vá, cô gắn lại từng mảnh, không tìm lại được mảnh nào còn nguyên vẹn. David không còn thuộc vào thế giới của những người đồng tính luyến ái nữa nhưng anh cũng khó lòng mà bước vào được thế giới của những người được gọi là bình thường. Phượng nhớ đến câu nói của một danh nhân nào đó: " *Tôi yêu người đàn bà có dĩ vãng và người đàn ông có tương lai.*" David là người đàn ông không có tương lai và dĩ vãng thì dày đặc bóng tối. Ai sẽ yêu anh?

Tuần sau, Phượng trở lại thăm David, người ta nói David đã bỏ trốn khỏi bệnh viện từ hai hôm rồi, hiện không ai biết anh ở đâu.

Phượng đứng giữa căn phòng còn trống của David, cô nhìn ra ngoài khung cửa sổ. Ngoài kia vạn vật vẫn mênh mông trong một màu trắng xóa, có một cánh chim vừa bay ra từ một lùm cây, nó bay lẻ loi, cô độc. Bất giác, Phượng đưa tay ra khoảng trống trước mặt như muốn ôm nó vào lòng, cô thấy mình đang ôm vào cái cô độc không cùng của con người với cuộc đời, nước mắt cô ứa ra như một lời kinh nguyện. ❑

NGUYÊN CHÂN

Nghĩ chi về đời sống

Không còn gì nữa cả
Chàng không còn nhớ tôi

Con đường xưa vẫn đó
Chốn hẹn đổi tên rồi
Hoàng hôn xưa vẫn đỏ
Trong kỷ niệm xa xôi

Không còn gì nữa cả
Quanh tôi toàn đêm thôi
Trước mặt hoen ngày lạ
Sau lưng tàn chiều rơi
Chiều rơi như chiếc lá
Chiều rơi như giọt sương
Chiều rơi nhoè bóng tối
Tiếng khua trên mặt đường
Bước chân nào mệt mỏi
Bụi mờ sao bay tung.

Tôi không còn gặp nữa
Những tháng ngày thanh xuân
Tình yêu như giấc mộng
Thoáng qua chỉ một lần
Đất trời mênh mông rộng
Ta lạc hẳn nhau rồi

Không còn gì nữa cả
Chàng không còn nhớ tôi
Nghìn trùng vô tăm tích
Trong mộng cũng xa xôi
Không còn gì hy vọng
Tôi mất cả cuộc đời
Nguồn yêu xưa đã cạn
Khờ dại vẫn chưa thôi

Mộng vào đêm cổ tích
Mộng về trắng đêm côi
Dường như tôi thao thức
Nhớ gì đâu anh ơi!
Mây thành mưa đổ xuống
Nước về biển lâu rồi
Thương gì con suối nhỏ
Suốt một đời chơi vơi

Thà làm sa mạc vắng
Không chờ đợi mưa rơi
Thà làm thân sỏi đá
Không than oán một lời
Không làm thơ buổi đó
Mơ mộng ắt chưa khơi

Nghĩ chi về đời sống
Chỉ là giấc mơ thôi!

Đối nghịch

Cổ Ngu

Chiến nhìn đồng hồ tay. Mười hai giờ mười hai phút. Đứng dậy nhoài người lấy chiếc sắc đeo lưng, Chiến lôi ra túi đồ ăn. Vẫn như mọi lần, mạ đã cẩn thận chuẩn bị cho Chiến một khúc bánh mì thịt, trái cây, một chai nước suối nhỏ và mớ khăn lau tay bằng giấy. Sắp gọn gàng. Thơm và sạch. Chiến bắt đầu bữa trưa. Chiếc xe lửa vẫn vun vút lao tới, không mỏi mệt nuốt gọn hàng cây số dài đường sắt. Cảnh vật lùi lại sau lưng để Chiến tiến về phía trước. Phía trước là Paris, mười ba giờ hai phút. Phía sau là Bruxelles, mười giờ sáu phút. Ở giữa là Chiến, với chuyến tàu nối liền hai thủ đô trong vòng ba tiếng đồng hồ. Cứ như vậy, Chiến chia tay với những con đường im ắng, những ngôi nhà gạch đỏ, những kiến trúc cao, mảnh, mặt tiền mái hình bậc thang kiểu flamand, những Horta và Cauchie để chờ đợi phút gặp mặt với những họa đồ, dự án dở dang, ngổn ngang trong căn phòng nhỏ giữa một Paris náo nhiệt, bệ vệ những chung cư màu vàng nhạt, mái đá đen, sáng trưng dàn cửa hiệu bóng loáng kính ở tầng trệt và đầy dẫy những di tích của Le Corbusier, của anh em nhà Perret... Cứ như vậy, Chiến rời vòng tay gầy yếu của mạ để tìm về với đôi tay ghì siết của Mai Anh. Hai người đàn bà đứng ở hai nơi, réo gọi, kêu gào, và Chiến, mỗi tháng vài lần, lang thang cùng với những chuyến tàu dài ba tiếng đồng hồ. Giữa điểm đi và mức đến. Mạ và thành phố của tuổi mới lớn, những Suzanne, Jean, Monique, Đức, trường lớp và những cuộc chơi. Mai Anh, nỗi đam mê của tình yêu và nỗi đam mê của công việc, những căn nhà phải sửa chữa, những cửa hiệu cần tân trang, đồ án một tiểu trung tâm thương mại gần Accœuil đang thành hình. Chiến đã nhiều lần tìm cách thu ngắn dần những khoảng cách. Đã tưởng đâu sẽ vào đó. Mạ đã đồng ý về sống ở Paris, gần nhà Chiến. Mai Anh không nhiệt liệt hưởng ứng, nhưng cũng không có thái độ chống đối. Chiến hỏi lùng những chỗ quen biết, đọc báo tìm nhà cho mạ. Đùng

một cái, trong một lần về thăm, không hiểu vì chuyện gì, mạ tát Mai Anh một cái trong bếp, lúc Chiến đang tắm. Không nói không rằng, Mai Anh tức tốc lấy xe lửa về Paris, thề sẽ không bao giờ đặt chân trở lại Bruxelles và từ đó không muốn nghe Chiến nhắc đến mạ nữa. Còn mạ nhất định không chịu nói lý do của cái tát và làm như quên mất chuyện dọn nhà. Cuộc chiến tranh lạnh giữa hai người đàn bà mà Chiến thương quí nhất cứ kéo dài ngày này qua ngày khác, tháng này tiếp tháng nọ, Chiến mệt mỏi và không muốn tìm cách giải quyết nữa...

Con tàu vẫn tiếp tục cuộc hành trình. Những thành phố nối liền tay nhau bằng những con đường sắt, những xa lộ, những chuyến bay hay những hải trình. Chiến nhớ đâu đó có đọc một câu thơ: *nếu mọi người trên trái đất này nắm lấy tay nhau*... Ước mơ quá đơn giản mà sao thật khó thực hiện. Biết đến bao giờ mạ mới chịu cầm lấy bàn tay Mai Anh? Cũng như trước đây, suốt khoảng thời gian làm dâu, có lẽ chẳng khi nào mạ được bà nội dành cho một lời dịu ngọt vỗ về. Những người đàn bà ấy, những mảnh đời mảnh hồn của Chiến, thế hệ này qua thế hệ kia, hành hạ, dày xéo lẫn nhau. Chiến nhớ hoài hình ảnh bà nội tóc bạc phơ, miệng móm mém ngậm điếu thuốc vấn ngồi trước sân nhà tỉ mẩn chà rửa, hong phơ mớ vỏ ốc hút làm đồ chơi cho đứa cháu đích tôn, nhớ hoài câu chuyện thầy Mục Kiền Liên tìm mẹ khắp chín từng địa ngục lúc bà dẫn Chiến viếng thăm chùa Từ Đàm hay những câu hát dài, buồn não ruột đã đưa Chiến vào giấc ngủ tuổi thơ đung đưa nhịp võng. Nhưng Chiến cũng không quên được những câu nhiếc móc, chửi mắng độc địa của bà dành cho mạ trước mặt ba, trước mặt Chiến. Để rồi, như chưa vừa lòng, bà còn dèm xiểm với ba về những "con buôn hàng chuyến đánh đĩ với mọi hạng người" mỗi lần mạ vắng nhà trong những chuyến buôn gạo ở tận miền nam xa xôi. Rồi khi những trận đòn ghen, đòn thù quất xuống lưng mạ, bà nội đứng xa xa lên giọng can gián. Rồi những đêm hiếm hoi được ngủ chung với mạ, mạ ngồi dựa lưng vào tường, ôm Chiến trong lòng, yên lặng mà khóc trong bóng tối. Mới đầu Chiến cứ ngỡ là nhà dột mái, về sau mới hiểu những giọt nước mắt ấm, lâu lâu lại rơi xuống má, xuống mái tóc tơ khét nắng của Chiến là nước mắt mạ. Chiến, với cái thơ ngây năm, bảy tuổi, nhiều lúc đã dỗ mạ:

— Mạ nín đi, đừng khóc nữa, dị lắm. Mai mốt Chiến lớn, Chiến làm nhiều tiền nuôi mạ, mạ khỏi phải đi buôn gạo, khỏi bị ba đánh nữa, mạ hỉ?

Và Chiến được mạ ghì chặt hơn, được mạ hôn hít khắp nơi và nhất

là được khen:

— Chiến của mạ ngoan lắm. Mạ biết Chiến thương mạ nhất nhà mà, phải không?

Chẳng biết vì cái linh tính láu lỉnh của tuổi thơ hay vì cái thói nịnh đầm di truyền của giống đực mà Chiến gật đầu ngay, dù trong bụng vẫn luôn muốn san sẻ thình thương của mình cho ba mạ, cho bà nội và cho cả con chó vện nữa!

Rồi bốn mươi chín ngày sau khi ba trúng đạn chết, mạ trốn bà nội, trốn Huế, đang đêm gánh Chiến một đầu, áo quần xoong chảo mắm muối một đầu, bỏ vào Vũng Tàu lập nghiệp. Rồi con lốc chiến tranh đầu năm bảy mươi lăm cuốn mạ con Chiến vào đất lạ. Mạ, không một chữ của người làm vốn, lăn lưng vào kiếm sống, nuôi Chiến ăn học thành người. Mạ, con gà mái bảo bọc đến cùng đứa con duy nhất. Và mạ, người đàn bà yếu đuối ngày nào âm thầm ngồi khóc trong đêm, giờ đây lại thẳng tay tát mạnh vào mặt Mai Anh. Cái vòng tròn ác nghiệt không khép lại mà lại dãn dài, xoáy trôn ốc, với mỗi vòng xoắn là cuộc đời của một người đàn bà khác nhau, liên hệ tình cảm theo chiều dọc và luôn nghĩ rằng con đường của mình đi là đúng, của người là sai, mà đã không hề biết họ đã lần lượt nối tiếp nhau đi cùng một hướng...

Chiến thở dài. Còn Mai Anh. Mai Anh của một đời sống-gần-như-vợ-chồng. Hai đứa quen biết nhau, yêu nhau, ăn ngủ với nhau, đến với nhau bất cứ lúc nào không hẹn không điện thoại trước từ hơn ba năm nay, vậy mà không đứa nào mở miệng nhắc đến chuyện đám cưới. Cuộc sống cứ tiếp tục. Mai Anh đang bận rộn chuẩn bị luận án tốt nghiệp đại học. Mai Anh với những thần tượng Cabrel, Thierry Lhermite và Agassi, với món bún thang hấp dẫn và giọng con gái Bắc pha chút hơi hướm Saigon đúng cách phát âm tiêu chuẩn, thánh thót nhưng hơi kiểu cách. Đối với Chiến, Mai Anh là một kiểu mẫu kiến trúc tuyệt vời nhất, một tác phẩm điêu khắc mẫu mực nhất, gồm những chỉ số, những đắp nổi khắc chìm cân đối của cơ thể cùng một tâm hồn phóng khoáng, khát khao sống đến tận cùng. Mai Anh hồn nhiên thơ trẻ giữa đám đông, cuồng nhiệt mê mải trong cơn ân ái, dướn cong người phóng vút đi những tiếng kêu hoan lạc gối chăn hay nghiêm trang cùng những thí nghiệm sinh hóa, những chiến dịch chống ô nhiễm môi sinh, bảo vệ con người, loài vật và màu xanh cho trái đất. Nhưng cũng là Mai Anh ăn diện bướng bỉnh, bảo vệ đến cùng những lý lẽ của mình, là đứa con gái bất trị, nông nổi, mất gốc, không xứng đáng làm vợ đứa con trai duy

nhất của mạ. Có nhiều lúc Chiến tự hỏi tại sao bà nội lại sanh trưởng trong một gia đình tôn thất tăm tiếng, mạ lớn lên cùng những gánh hàng rong và những phiên chợ Đông Ba, còn Mai Anh chỉ lờ mờ nhận diện Việt Nam như một thứ quê hương-đôi-khi-nghe-nhắc-đến, lãng mạn và hương xa, một thứ Indochine của Marguerite Duras hay Kim Lefèvre. Những người đàn bà đó có những khoảng cách quá lớn về giai cấp, địa vị xã hội, trình độ học vấn và môi trường văn hóa để có thể thông hiểu lẫn nhau, chấp nhận nhau như một phần tử máu thịt của gia đình. Còn Chiến, đứa cháu đích tôn của bà nội, đứa con duy nhất của mạ, người tình của Mai Anh, có lẽ mãi mãi sẽ là vùng đất để những người đàn bà đó tranh giành ảnh hưởng. Bà nội có lẽ đã qua đời. Nhưng mất ở đâu, mất lúc nào, Chiến không hề được biết. Mạ đã tìm mọi cách để hoàn toàn cắt đứt mọi liên hệ máu mủ, cả bên nội lẫn bên ngoại, để một mình độc chiếm lấy Chiến, để cho đến tận bây giờ, ở đâu đó trong một góc nhớ, bà nội vẫn mãi hiển hiện cùng với Huế thâm trầm cổ tích, rêu xanh sương phủ. Rồi đến phiên mạ đau khổ nhìn Chiến ngày một xa dần vòng tay bảo bọc. Đứa con lớn lên, vào đời với một công việc xa tận Paris. Những chuyến đi về thưa dần, bốn ngày một tuần, rồi ba, rồi hai, rồi một, và bây giờ, hai lần một tháng hay đôi khi, một lần hai tháng. Mạ kém vui, và đôi khi, giữa câu chuyện, có những lời mai mỉa tích lũy trong lòng thốt ra không kịp kềm hãm. Rồi bên cạnh công việc, Chiến lại có thêm Mai Anh, mạ lại càng có cớ để buồn tủi, giận hờn. Có những lần về Bruxelles, hai mạ con không nói với nhau một lời nào suốt cả ngày. Đôi lần khác, mạ than thở, kể lể, khóc lóc rồi chuyển sang giận dữ, đe dọa hay kêu gọi lòng xót thương. Mạ giương hết mọi móng nhọn, mọi vũ khí, kinh nghiệm thu được trong suốt cuộc đời để cố gắng chộp bắt cho kỳ được con mồi cuối cùng của mình, cũng chính là đứa con mang nặng đẻ đau, bảo bọc nuôi nấng cho đến ngày khôn lớn. Nhưng Chiến không phải là đứa con yếu đuối. Mạ đành bất lực, thu mình lại với nỗi đau của mình, không biết rằng đối với Chiến, mỗi lần về thăm mạ gần như là một khổ hình và mỗi lần ra đi, Chiến lại có cái cảm giác của một lần sinh ly tử biệt...

Còn nửa tiếng nữa. Chiến mường tượng ra bóng dáng Mai Anh lấp ló trong đám đông trên sân ga, với khuôn mặt trang điểm nhẹ, nụ cười trong mắt, đôi môi chờ hôn và những mẩu chuyện bất tận của một cuối tuần xa cách. Lòng Chiến bỗng nhẹ nhõm hơn. Người đàn bà mà Chiến sẽ tìm thấy trong chốc lát nữa đây, có lẽ, sẽ là kẻ chiến thắng cuối cùng...

Chiến bỏ nốt miếng bánh mì vào miệng, bỗng nhăn mặt, xuýt xoa. Mạ đã biết Chiến bỏ ăn cay từ lâu rồi mà?❑

TRIỀU HOA ĐẠI

Đoạn đoạn những ưu phiền

Đất trời bao nhiêu tuổi
đi về dẫu một mai
trăng soi đầu bạc thếch
xanh biếc cả đời nhau

Trời đất còn có tuổi
nên chi cũng rất phiền
gió lay lay thơ ấu rụng
nỗi đời ai hơn

Chẳng nề chi trở lại
chim hót lúc qua sông
sóng cao như lòng nghĩ
nhật nguyệt bỗng vô chừng

Ví như ta ở mãi
lóng lánh ơn nụ cười
cũng mỏi mòn gian dối
chẳng ghi được tình phai

Ví dầu đêm ở mãi
lay lắt người đã quên
chợt hôm nào trở lại
đoạn đoạn những ưu phiền

Mù sương cũng biết mơ

Hoài Ziang Duy

Chỗ nhốt lão Giáp là một căn phòng đá bao kín, chỉ chừa khung nhỏ có chấn song. Hàng ngày lão chửi bới la hét, rồn rảng với vòng xích chân theo từng bước. Gần một năm nay chỉ có mình lão riêng biệt trong phòng kín. Gọi là lão thật ra Giáp chỉ mới ngoài bốn mươi. Kể từ ngày bị bắt đi học tập, gia đình ly tán, Giáp lẩm bẩm chửi suốt ngày; mà lối chửi của Giáp cũng ly kỳ thật, thoát miệng ra là chửi phe thù, chừa lại phe ta. Lối chửi rủa vừa văn vẻ vừa mạnh miệng, làm một số anh em dạt xa để cuối cùng nhà trại có kỷ luật, cùm chân nhốt riêng. Anh em ai cũng thương Giáp bởi vì có bao giờ Giáp xúc phạm đến danh dự xương máu của ai đâu. Thế là len lén đêm tối có người đi ngang, khi thì phóng vào lỗ cửa một đòn bánh tét, một cục đường. Ngày qua ngày tù túng, một tháng mới dẫn ra một lần tắm. Tắm mát xong Giáp lại chửi bới khoẻ hơn. Gia đình không ai thăm nuôi Giáp. Nhà trại liên lạc về địa chỉ cũ, đã dọn đi vùng kinh tế mới. Thế là một thân một mình. Hình như bao dồn nén chịu đựng đã làm Giáp già đi; áo quần ngày một rách, ẩm mục và những trận dòn hộc máu mồm do báng súng, bởi vì từ lãnh tụ đi xuống đến bí thư, Giáp đều giáng xuống câu chửi tục tằn và hôm nào đẹp trời là Giáp lại điều quân gọi pháo binh, gọi phi cơ bằng mồm; coi như Giáp điên và danh từ lão Giáp cũng từ đó. Tội nghiệp Giáp, không ai thăm nuôi, không ai vỗ về tình cảm, cô độc một mình và cuối cùng Giáp khùng thật. Giáp cởi bỏ quần áo, tắm truồng như nhộng. Thân mình ngày càng gầy guộc, chỉ còn xương với da. Mỗi lần thấy có bóng người đi qua là lão chửi, kêu hét. Phải nói là trời thương Giáp thật, không đau ốm, không sốt nóng với đàn muỗi vây quanh. Nhiều hôm để thử Giáp coi điên thật hay giả, họ kéo lê giáp ra ngoài. Giáp không còn đi đứng nổi nữa. Anh em phải làm theo lệnh, kè Giáp. Hai chân Giáp quị xuống với thân thể gầy còm. Họ

để cứt với bánh ngọt kế bên cho Giáp lựa chọn. Thế là Giáp ăn cả hai. Lần đó họ kết luận là Giáp không còn cơ năng sinh lý bình thường nữa. Cùm Giáp được tháo bỏ, thay vào là sợi dây xích để Giáp có thê lê la trong phòng tối nhà đá. Những đêm trăng, xuyên qua lỗ hổng, Giáp tì tay như muốn chồm lên khung cửa nhỏ. Mặt Giáp phờ phạc, miệng táp muỗi ngon lành . Hình ảnh thật dau thương kéo lê năm này tháng nọ. Những trận đòn khủng khiếp thô bạo cũng thưa dần. Người ta không còn chú ý đến Giáp như năm đầu. Chỉ có anh em là còn thương tưởng Giáp, khi thì cái khăn, khi thì một miếng chả, cái bánh, sau những lần thăm nuôi. Giáp như mòn mỏi, mỗi tháng một lần có ra ngoài tắm mới trông thấy Giáp trọn vẹn hình hài một con người nguyên thủy. Giáp nói cứ để chúng mày coi "cái" của ông. Ông đếch cần đời. Bây giờ ông là lãnh tụ, lãnh đạo đất nước này. Giáp hùng hổ nói. Anh em nghe mà sướng như Giáp đã nói thay mình. Hai năm sau lại chuyển trại: Giáp được phát bộ đồ xanh có xọc trắng, nón cối để cùng anh em di chuyển lên rừng Xuyên Mộc. Suốt lộ trình đi đêm. Giáp ngủ gà ngủ gật; lấy nón cối kê đít ngồi. Thế là nón cối bị tịch thu. Giáp đếch cần, áo quần cũng bỏ ra và khi đến nơi căn nhà dành riêng một mình cho Giáp cũng là căn nhà đá, phòng tối, y như chỗ nhốt ban đầu. Ở chỗ nào cũng như nhau. Dạo trước là ở gần núi, còn bây giờ chung quanh là rừng. Nhưng lần di chuyển đó là lần Giáp được anh em chia sẻ cho ăn nhiều; gần gũi một ngày một đêm với anh em Giáp như hiền lành hơn. Một ngày đến chỗ mới Giáp cũng hoàn lại con người Giáp, nước tắm càng hiếm hoi hơn. Rừng thì lúc nào cũng có tiếng chim kêu, cái con chim không ai biết là chim gì, cứ phát ra là anh em nhại tiếng "đâu về, đâu về"; lâu ngày như một điệp khúc quen thuộc. Còn Giáp cũng trở lại với con người mình, quần áo lại xé bỏ. Lúc bấy giờ quân đội không còn quản lý nữa mà thay vào công an từ Bắc vào quản lý. Nhìn những bộ đồ vàng là Giáp không ưa, lão lại chửi. Thế là những trận đòn thô bạo hơn lại tiếp tục. Không hiểu nghị lực từ đâu trong cơ thể gầy nhom. Và hơi sức đâu mà Giáp dài hơi mạnh tiếng... Nhưng hình như sợ Giáp chết thật, nên mỗi lần đánh Giáp mỏi mòn họ lại ngưng. Giáp lại phải trải qua những lần trắc nghiệm điên thật giả. Cái gì Giáp cũng dám làm, dám ăn nhưng bây giờ Giáp già hơn, tiều tụy hơn... Đêm bây giờ ở đây ít thấy trăng, rừng xào xạc lá mạnh hơn, lạnh lẽo hơn. Cứ đêm về Giáp lại chửi thay cho ngày Giáp ngủ khoẻ. Giáp ở yên trong nhà đá. Còn bên ngoài mỗi ngày cứ nghe tiếng kẻng là anh em tập họp đi đập đá, phá rừng, hạ cây gỗ quí, đưa về thành phố bán gọi là nạp tiền cho cục

trại giam hay vào túi ai, ai đâu biết được. Một đêm Giáp sốt nặng sau cơn tiêu chảy; ở trên rừng là cứ tiêu chảy, ghẻ chốc tấn công không ngừng. Có anh em ở lâu đề nghị lấy vỏ cây thau lau nấu nước tắm để điều trị. Thôi thì có chi dùng nấy, thuốc men đâu có để mà phục vụ. Cái đêm Giáp sốt nóng, tôi được gọi lên, ngày làm bệnh xá, đêm về trại khoá cửa nhốt chung với anh em hơn một trăm người. Khi bước vào nhà giam, dưới ánh đèn pin, mùi ẩm mốc hôi thúi nồng nàn cùng với thân thể Giáp. Tên cán bộ chê hôi thối nên đứng bên ngoài. Mười phút sau chườm nước đá, cho uống thuốc tiêu chảy. Tôi dúi vào tay Giáp mấy viên thuốc bổ của anh em gởi cho Giáp. Giáp thì thào nói với tôi. "Chỗ này là chỗ ông Nguyễn Mạnh Côn chết; ông ta chết trong nhà đá này". Câu nói của Giáp làm tôi giật mình. Tôi ngó quanh. Tên cán bộ còn đứng bên ngoài coi chừng cửa... Giáp nói ông Côn làm đơn xin ăn cơm, cứ viết mãi câu xin ăn cơm nhiều giòng, còn một mảnh gói trong này. Tôi nói lớn át giọng Giáp. "Anh nằm khoẻ, nếu mai không khá sẽ đề nghị cho anh ra ngoài bệnh xá". Đêm trở về phòng, tôi cứ vẩn vơ về câu nói của Giáp. Cái chết của tác giả *Mối tình màu hoa đào* ở đây ai cũng biết. Giáp vẫn còn tỉnh táo, vẫn sống, vẫn chửi hàng đêm, vẫn đêm đêm *đem tâm tình viết lịch sử* như người đã khuất. Ở đây Giáp không viết. Tác phẩm của Giáp sẽ là loại chửi bới tràng thiên từ 54 cho đến ngày tàn cuộc chiến. Giọng của Giáp là giọng Bắc kỳ di cư, câu chửi của Giáp vần điệu trầm bổng, xen vào là tiếng gọi pháo binh điều quân của Giáp. Thế cho nên ai bảo là Giáp không điên không khùng thật. Cái gì đã làm Giáp mê cuồng quên thế sự; phải chăng bước đầu là vấn đề mất liên lạc gia đình. Vợ con Giáp ở khu gia binh, bị bứng đi vùng kinh tế mới hay phải rời bỏ tức thời là điều hiển nhiên. Nhưng ẩn ức nào đã tạo nên con người Giáp của ngày hôm nay; chịu đựng tủi nhục đau đớn thân xác và ruồng bỏ cô độc với chính mình.

Ngày hôm sau theo lời đề nghị là Giáp có thể chết, nhà trại cho phép đưa Giáp ra nằm bệnh xá, đêm phải chuyển vào. Vì sợ Giáp nổi cơn nên sợi dây lòi tói lúc nào cũng theo chân Giáp. Ra ngoài chung đụng anh em, Giáp ít nói, thỉnh thoảng la hét như một thói quen của năm tháng qua đi. Nằm kế bên Giáp là một anh tù chính trị chuyển từ Chí Hoà lên được một tuần. Cơn đau gan trầm trọng lúc nào cũng sốt cao, bụng trướng lên thở mệt nhọc, mỗi lần lên cơn đau là mỗi lần tung giường la hét.

— Anh thuộc diện nào, vượt biên hay hình sự?

— Tù phản động, chống chánh quyền.

— Có kết án? Bao lâu?

— Mười năm.

Cơn đau lại nổi lên. Gã lại tức tưởi la hét.

— Anh là tù chính trị sao hèn vậy, thua keo này thì bày keo khác, làm chính trị mà như anh sao được.

— Anh là ai?

— Tôi là tù cải tạo, phụ trách ở bệnh xá này.

Người đàn ông nằm yên mệt nhọc, mắt nhắm lại. Một lúc sau, gã nói lấy giùm tôi cái dưới gối. Cái dưới gối là cái bóp cũ trong đó có tấm hình vợ con. Một người đàn bà và ba đứa con đứng kề bên nhau. Gã nhìn thật lâu, thật lâu rồi khóc. Tiếng khóc như uất ức một điều gì không nói được.

— Anh hoạt động được bao lâu bị bắt?

— Sáu tháng

— Bị bể à? Tại sao bể? Nội bộ chăng?

— Không phải, vào đây tôi mới biết chính bọn tổ chức chỉ điểm.

— Bọn tổ chức không bảo vệ anh à, sao lại vô lý vậy.

— Vô lý theo suy nghĩ của anh, nhưng có lý trong chính trị.

— Tôi không hiểu điều anh nói.

— Ở trên gầy dựng thành tổ chức, hoạt động thời gian chỉ điểm cho bể, bị bắt, rồi tổ chức tiếp, lại chỉ điểm để bị bắt. Nhiều lần vậy, nhiều hình thức, có lộ mới gây tiếng vang được; làm như vậy, ở trong ở ngoài quần chúng mới biết có thế lực có đảng phái chống chính quyền.

Người đàn ông nói đã một lúc cho đã nư. Giọng hắn ta càng lúc càng yếu đi.

— Lần nữa tôi cũng chỉ là con cờ, cờ tướng hay cờ vua gì cũng là con chốt. Tôi biết lần này không khỏi đâu.

— Có bị tra khảo không?

— Nhiều lần cho đến nỗi này.

— Khi tôi chết cho tôi mang theo tấm hình này, đó là lần cuối để tôi quay về nơi tôi đã ra đi.

Lão Giáp nằm kế bên bắt đầu lên tiếng chửi, chửi bố cả bọn lợi dụng. Lão ta bắt đầu quậy lên cùng với trời oi bức của rừng. Bệnh xá lại nhốn nháo lên. Thêm một bệnh nhân đi làm lao động được khiêng về.

— Anh tên gì?

— Đỗ Hồng Hà.

— Trong người anh ra sao?

— Ói mửa từ tối hôm qua, tưởng bớt sáng nay đi lao động, bây giờ xây xẩm không thấy đường; anh coi nè, mình tôi bị từng vết màu sậm đen tròn.

Chừng nửa giờ sau, cơn co giật nổi lên; ói mửa hòa lẫn với máu từ cổ họng trào ra. Bệnh xá chỉ còn lại một chai nước biển duy nhất để cấp cứu. Đề nghị chuyển về Chợ Rẫy. Qua bao thủ tục báo cáo về an ninh khu, trả lời không có phương tiện di chuyển vào lúc này. Thức ăn mà Hà ngộ độc chính là rau tàu bay tức cải trời. Anh em cùng chung láng (tức phòng ở) đưa lên để so với rau tàu bay sẵn có . Lá vẫn giống nhau, nhưng cây độc cây thân có gai. Hà quê ở Long An, gần một năm nay không có thân nhân thăm nuôi. Không riêng gì Hà mà mỗi ngày ra lao động, anh em thường hái lá cứt quạ, lá khoai mì về nấu ăn thay cơm. Chai nước biển hay thuốc hồi sinh cũng không cứu được anh. Độc đã thấm vào máu từ đêm hôm trước. Cuối cùng trong cơn co giật dữ dội, mắt nhắm mghiền. Hà chết đi cùng lúc với gã tù chính trị mang theo tấm hình vợ con. Lúc bấy giờ là mười một giờ đêm... Đêm của rừng âm u lạnh lẽo. Hai cái chết cùng một lúc, lý tưởng nửa chừng và đói khát oan khiên. Xác được đưa ra gian nhà gỗ phía sau bệnh xá nằm trơ trọi, ngọn đèn dầu leo lét thắp lên, không phải để tưởng niệm mà để ngăn chặn lũ chuột rừng cứ hay tràn vào để đục khoét mắt. Tất cả đều phải chờ đợi, chờ đợi giảo nghiệm lần chót. Giảo nghiệm ở đây là nhân viên an ninh so hình với khuôn mặt người chết, xóa tên trong danh sách tù cải tạo, cấp giấy chứng nhận học tập tốt được trả tự do gởi về gia đình; anh em lại phải bớt đi cái ván nằm, đóng lấy cái quan tài thô thiển và đào hố đem chôn. Không có nỗi đau nào, không có nỗi ngậm ngùi nào chua xót hơn mỗi lần thêm một người ra đi. Giữa người nằm yên và bạn hữu sống còn, đều chung một nỗi hoài nghi không biết ngày trở lại. Vợ anh đến hai ngày sau như một giao cảm sau nhiều tháng trời bặt tin. Ở nhà trại giấu diếm, nhưng rồi chị cũng biết. Giọt nước mắt khổ đau, oán than cho nghèo khổ, tức tưởi cho nhiều lần không gặp. Dành dụm cho một chuyến, đủ đầy nhưng cũng là lần sau cùng không nhận được... Giọng gào của chị cuối cùng cũng trả cho rừng trầm mặc. Đêm của Lão Giáp là đêm huyên thuyên sáng tác những câu nhật tụng chửi bới hả đời.

Sau nhiều ngày ra vào bệnh xá, Lão Giáp hình như hiền hơn, ít nói ít cười hơn trước: Đã lâu lắm rồi lần đầu tiên sau năm năm trời mới có thư của gia đình lão gởi tới, xác nhận có hay không. Lão đọc và bỏ vào miệng

nhai như nuốt từng khúc ruột yêu thương đau khổ. Lão bớt chửi bới, những trận đòn cũng bớt đi từ những tên lính gác ngoài cửa. Một hôm thò đầu ra ngoài lão kêu tên Sức Voi. Không ai hiểu lão Giáp nói gì, nhưng hình như trong đám anh em sắp hàng ngồi chờ lao động, có cái đầu anh Chỉ quay lại.

Đời sống ở trại không chỉ có lão Giáp khuấy động, không chỉ có những cái chết yên lành chấp nhận. Một vài hôm, một vài tuần lại có cuộc vượt thoát. Từng toán 3 người, 5 người. Đêm đồng lõa cho những cuộc đào tẩu, sáng hôm sau khi điểm danh biết mất người, lại có cuộc hành quân trong rừng, bao vây đường dẫn ra lộ có xe. Địa thế của trại là 3 khu theo hình tam giác, chung quanh là rừng chưa khai phá, lớp bao ngoài là khu di dân từ miền Bắc vào sinh sống; cho nên khó mà có lần nào trọn vẹn cả đồng bọn tẩu thoát. Vài ba hôm sau, không chịu nổi cái đói, có người đã bỏ xác trong rừng, có người bị bắt lại. Hình ảnh tang thương sau đó là tra khảo...Đau xót trước mắt cùng theo nỗi ngậm ngùi chua chát cho người mất tích. Bàn tán, hỏi thăm nhau không biết ai còn ai mất. Không ai nghĩ đến ngày trở lại, dù đó là nỗi ước mơ xót xa trong đời. Thời gian chịu đựng đã lâu, đã mỏi mòn, thế giới bên ngoài hầu như là khoảng trống cách biệt; chỉ còn nghe tiếng kẻng sắp hàng, điểm danh đi phá rừng, đào đá, những phiến đá được đục theo từng khối hình chữ nhật. Dưới ánh nắng và rừng bịt kín bao quanh, không có ngọn gió lùa. Những thân cây gỗ quí cao thẳng tắp được hạ xuống bằng những con dao cùn; đào đất dưới thân cây, mỗi ngày mỗi buổi gõ từng nhát búa rời đi từng rễ bám, đào sâu xuống cho hỏng chân, để rồi cuối cùng cây cũng ngã. Điều khó tin rồi cũng làm được. Cao cả lồng lộng hiên ngang giữa trời rồi cũng nằm im. Bao điều tuyệt đối, cái hào quang vĩnh cửu kia bao giờ sẽ ngã xuống như mặt trời sẽ xuống ở mỗi chiều chờ đợi. Quay về, kiểm soát người vào cổng. Hai mươi phút cho tắm rửa ăn uống. Con suối nước đen đủi không thoát bên ngoài, còn ở trong là những giếng khô, chờ đợi từng nón sắt nước; ai không đi ngoài lao động do bệnh tật nằm nhà thì lãnh một lon guigoz nước. Tắm rửa, ăn uống ra sao là tùy. Đêm kín lại với lời tỏi sắt khóa ngang cửa. Xã hội còn lại trong bốn bức tường này, quây quần nói chuyện năm xưa không bao giờ dứt. Hình như mỗi người chỉ còn biết sống với cái hào quang của chính mình. Còn tương lai còn ngày trở lại chưa biết ra sao. Đêm nói chuyện với bên ngoài là những câu trao đổi với tên lính gác ngoài song. Từ ngoài họ có thể nhìn vào quan sát.

— Ngoài này lạnh quá, quấn cho điếu thuốc rê.

Họ là những tên cai tù ngoài Bắc đưa vào cũng chỉ 16, 17 tuổi.

— Em chưa biết xã hội trong này thế nào cả, nghe nói các anh ghê gớm quá, nhưng lâu ngày tiếp xúc thấy các anh cũng vậy. Em nói thật đời sống trong này khá hơn ngoài đó nhiều.

— Nói nghe được, đêm nay muốn nghe gì?

— Kể chuyện ăn chơi cho chúng em nghe, đời sống xa hoa thế nào. Mỗi ngày hỏi các anh rồi em đi kể lại, tụi nó thằng nào cũng khoái nghe hết.

Những cuộc trao đổi, thực thế đời sống, bộ mặt dục vọng của miền Nam lần hồi đã làm cho những tên lính nhỏ phải thú thật sự thiếu thốn, nghèo khổ, thèm khát được hưởng thụ; lần hồi nhận chân sự tuyên truyền. Tất cả điều đó được giấu kín, được truyền miệng. Nhưng đó chỉ là câu chuyện của đêm để ngày mai thức dậy, đời sống vẫn vậy, nhân cách có thay đổi đôi chút cũng chỉ cho từng người, từng nỗi cảm thông lặng lẽ.

Cái tin lão Giáp rời phòng biệt giam để trả về chung sinh hoạt với anh em được biết sáng nay. Ở trên nói bây giờ lão bớt khùng rồi, bớt chửi bới, phải nhờ anh em gần gũi mới khuyên giải được. Lão Giáp được đưa xuống, cái thân thể ốm tong trong bộ đồ thùng thình mới được cấp phát. Câu đầu tiên thăm hỏi anh em là một tràng chửi phe thù phe ta. Lão nói trời nói đất, ai không muốn nghe cũng không được... Rồi thêm những câu phụ họa đạp ga tăng vọt cho giọng điệu lão. Đặc biệt là Giáp không đi ra ngoài lao động. Dạo này Giáp nói chính trị nhiều hơn. Giáp cứ nói là Giáp cứ nói, chửi bọn bỏ chạy để phe ta ngồi tù.

— Ê Giáp, chừng nào Mỹ rước mầy đi ?

— Mỹ nào mà rước, có xin đi thì có, mà đi làm đếch gì, ở đây cực cái thân cũng là đất nước mình. Tụi mày tưởng tao khùng hả? Tao biết hết, gặp hết, từ thằng trốn trại mất tích, đến thằng chết ở âm phủ tao cũng gặp hết. Tao nhớ tên mà, Thanh nè, Xích nè, Nguyễn Đức Xích đó chứ gì, rồi ông Cẩn nữa, cũng họ Hồ mà không phải bà con bà kía gì hết, đến chết vẫn hiên ngang, không qui hàng. Tất cả chết hết, chỉ có tao khùng là sống thôi.

— Ông sống mà ông dám ăn phân người à.

— Tao ăn của tao chứ ăn bả vinh hoa của ai. Có ăn rồi tao mới hiểu, mới thấy cuộc đời mai sau.

— Đời tới là đời gì.

— Đời của tranh chấp trong ngoài, ai cũng yêu nước thương dân,

nhưng thân mình thì thương trước đã; có thằng nào thử ăn cứt như tao.

Có lão Giáp thì phòng về đêm cũng thêm sinh khí mới. Sinh khí của lộn xộn xà ngầu. Giáp phê bình thế thái nhân tình. Ai muốn chen vào đối thoại thì tham gia. Có điều mâu thuẫn, có điều lý lẽ kinh dịch, thời buổi này, đất nước này mọi việc đều lộn ngược hết.

Lần đầu tiên sau sáu năm, lão Giáp mới có thăm nuôi ở lần đặc biệt này. Nhà trại phải cho hai người kèm Giáp để ngừa chứng lên cơn bất tử của lão ta. Vợ Giáp là người đàn bà yếu đuối, mấy đứa con gầy còm. Gặp nhau vợ Giáp khóc. Lâu quá rồi, quá lâu rồi chị Giáp mới gặp lại chồng. Giáp ngồi ngơ ngẩn, cầm luôn một lon mỡ heo thẳng sẵn ực một hơi cho đã thèm, cơ thể Giáp hình như thiếu thốn đã lâu. Vợ Giáp nói, hỏi thăm chồng, Giáp chỉ ậm ừ. Đôi mắt Giáp hình như thất thần. Nghe để mà nghe, lâu lắm mới hỏi một câu nghe được.

— Ở ngoài có khá không?

— Đói nhiều hơn no, đâu có đủ mà ăn, vất vả lắm, con nó cũng khổ.

— Sao không làm thịt bớt một đứa mà ăn.

— Trời đất! Nhà trại cho nhắn lên để tìm địa chỉ cho anh về.

Mười phút trôi qua. Hết giờ. Lão Giáp được đưa trở lại với gói quà chỉ cầm tay. Vậy là hết thuốc chữa. Tỉnh say cũng không còn biết nhận chân. Người đàn bà chỉ còn biết khóc. Ba đứa con nhìn cha nó, ngơ ngẩn.

Tháng tư ngày mất nước. Lễ chiến thắng hàng năm được tổ chức bên ngoài; ở trong thì đặc biệt ngày đó có khẩu phần thịt thay cho khoai mì sắn lát ở mỗi ngày. Buổi trưa, một ngày nghỉ lao động để ăn mừng. Mừng cái nỗi gì. Ai cũng thấy đau lòng. Nằm gác tay lên trán. Không ai được ăn, đó là lệnh truyền miệng của hàng năm, từ khung nhà này sang khung nhà khác. Không ăn, phải không ăn để thấy cái tủi nhục cho chính bản thân mình, đất nước mình. Hàng đoàn trực thăng bốc người bỏ chạy, tàu ra khơi, chỉ còn lại những người lính nghĩa quân, không lệnh lạc vẫn cầm súng giữ đồn giữ đất. Đó là ngày mà tướng Minh bị chửi nhiều nhất. Không ai chấp nhận sự đầu hàng; nhất là những người đã từng cầm súng chiến đấu, đã hy sinh xương máu, cuối cùng là sự vô nghĩa. Trang sử đã lật qua với bao điều nhầm lẫn. Cuộc sống còn lại cho những kẻ đứng bên lề; kết quả cho những cái chết vô danh trong cuộc chiến, tiếp nối đau khổ hận thù. Rừng cũng phải thay lá. Nhưng giếng nước ở đây khô vẫn khô. Bạn hữu, anh em, lão Giáp vẫn sống. Cái sống cái nghĩ của mỗi riêng mình. Trả lại bộ đồ trận. Trả lại những cống hiến cho cuộc chiến; cho người chạy đi; nhưng không trả nổi đau chính mình. Thân phận của một

đất nước không thấy được thủy chung.

Ngày về. Khoảng sáu tháng hay một năm là một đợt về. Lần này thì Giáp về thật chung bọn anh em khoảng hai chục người. Có trao đổi có lời bàn. Cho Giáp về cho anh em về bớt. Ở đây chỉ nói bậy, chỉ phá rối. Trả ra ngoài có ngoài đó lo; ở đây cũng không sửa đổi gì được. Cái đầu mà làm sao sửa, chỉ có gắn đầu khác thay. Ở đâu mua được? Hôm nay mỗi người lãnh một cái giấy. Về địa phương các anh trình diện. Không ai được ở lại thành phố. Phải đi xa; phải sống biệt lập. Nhưng giờ này chưa có xe, các anh phải chờ, không chờ được thì cứ đi bộ. Cả nhóm người quyết định. Thôi thì cứ đi. Đi ra khỏi cổng này trước đã, sợ đổi ý như những lần trước. Nhìn lại anh em. Bao người trông theo ngậm ngùi.

Đã lâu không tưởng đến ngày trở về. Đùng một cái có tên. Ngõ ngàng, hồi hộp. Lâu rồi không thấy bóng dáng người dân. Chỉ có rừng và khuôn mặt anh em. Tấm lòng mỗi người mỗi xuyến xao. Còn Giáp, Giáp cũng cà tàng thất thểu đi, nhưng lần này thì Giáp không chửi. Theo đồng bạn xuyên qua rừng gần hai tiếng đồng hồ. Nghe tiếng xe chạy ở phía trước; vậy là gần đến lộ. Đường đang mở, đang khai phá cho xe đò chạy dẫn đến vùng di dân. Chị đàn bà hình như là người thầu hỏi:

— Các anh về đâu, mới được thả? Tội gì? Cải tạo hay hình sự? Vào đây đã, có cái quán tạm bên đường cho anh em công nhân, ăn gì, uống gì tôi bao hết.

Người đàn bà tốt bụng còn biết nghĩ, biết cảm thông cho số phận những người cùng chủng loại.

— Gặp các anh, tụi tôi mừng lắm; cứ nghỉ ngơi đi, chờ một chốc tôi thương lượng, đổ xăng mượn xe công trường đưa các anh đi, chỉ có cách ấy. Ở đây đâu có xe đò qua lại.

— Ở ngoài có ghê gớm không; có xét hỏi nhiều không?

— Bây giờ khác rồi, có tiền đi đâu cũng thông, đừng sợ, ở trong thì các anh nghe nói chính trị nhiều, chứ ở ngoài lại khác; không ai biết chính trị chính em là gì, chủ nghiã gì cũng thây kệ; cứ sống trước đã; lo miếng ăn lo cuộc sống.

Cho đến buổi chiều, chiếc xe chạy than được đưa tới. Gã tài xế vui tính, vừa nhìn thương hại vừa kể huyên thuyên chuyện bên ngoài.

Quay đầu nhìn lại. Quay đầu để thấy rừng xa thẳm; nhưng hình ảnh này sẽ mang theo trên con đường dẫn đến nơi sẽ xuống. Chua xót cùng với tiếng thở dài.

— Ê Giáp, về rồi còn khùng không, mày về đâu?

— Tao điên với đời chứ tao có điên với chính tao đâu?

— Nói vậy cả bọn là điên chỉ có mày tỉnh à.

— Trước sau gì tụi mày cũng điên, xã hội này thế giới này cũng điên hết, điên với lường gạt, với háo danh để rồi quên hết, quên hết nhục mất nước. Tụi này nhớ không họ nói các anh có nước đâu mà mất, còn nước đâu mà nhục, ối cha nó, bỏ đi, dẫu sao cũng còn nước lã, uống để biết ngọt biết chua. Về đâu à? Chỗ nào cũng là nhà, đã điên thì cần gì sống tỉnh.

Ngoài kia sương mù xuống. Chiều âm u. Con chim rừng lại hót. Đâu về. Đâu về. Đám vân đục khói sương tầng lớp bao phủ che kín cả tầm nhìn. Cả bọn ngồi đây hay với người ở lại. Hình như mù sương cũng biết mơ.❑

Giàn Hoa Tím

Minh Ý

Một hôm tôi bước ra vườn. Buổi sáng màu xanh với tiếng chim hót. Mùa xuân đã khởi sự. Tôi bước nhàn du một vòng chung quanh căn nhà đầy hương thơm, khu vườn nhỏ đã cho tôi một chút cảm giác ấm áp dù đất vẫn còn ẩm, còn nặng hơi sương và mặt trời chưa mọc hẳn. Những con chim con còn ngái ngủ nhưng bắt đầu đánh thức vũ trụ bằng tiếng hót mong manh của mình.

Tôi khựng lại. Giàn nho tưởng chừng đã chết sau thời gian dài bỏ bê không chăm bón. Trong suốt cả năm trời xây sửa căn nhà, tôi không còn một chút thời gian nào để lo cho giàn nho vì chính thân tôi cũng ăn ngủ không ngăn nắp và bình thường. Nhưng bây giờ, mầm lá xanh và thân dây nho kéo dài từ sau bụi hướng dương nhô ra đang tìm cách sinh tồn. Nó là giàn nho tím. Thực sự cái mầm nâu đậm đỏ đó không có gì hấp dẫn cả, nhất là lúc còn lớp phấn trắng bao dính ở ngoài lớp vỏ mỏng, lại càng làm cho những trái nho trông nhớp nháp khó chịu. Tôi cảm thấy như vậy.

Thế nhưng, tinh cốt của nó, những chùm nho chín mọng, sẽ cho người ta những ly rượu thơm nồng và đắt giá. Có lẽ những tay cất rượu chuyên nghiệp thì biết quí trọng sự hiện hữu của cây nho hơn một người khinh suất như tôi. Tôi đã nhìn thấy giàn nho đã sống lại dù bị bỏ bê hất hủi lâu ngày, cùng chia sẻ với nó cái sức chịu đựng và ham sống như tôi. Giữa tôi và giàn nho tím đó chỉ là những liên hệ cảm tính, tôi và nó có một sự khởi sự như nhau, một đầu đời thiếu hụt sức sống.

Ngày ấy, mẹ tôi còn khá trẻ. Người đàn bà ba mươi tuổi đã phải bỏ chồng để lần mò tìm kiếm tương lai cho mình và hai đứa con. Tôi lúc đó lên chín, và em gái tôi vừa tròn ba tuổi. Cái khốn đốn của gia đình tôi chỉ vừa định cư ở Mỹ chưa đầy tám tháng, mẹ tôi ra đi sau cơn cãi vã chồng

chất lâu ngày và ra đi tay bồng tay dắt với cái vốn liếng của một người ít học, lại không thân thích.

Tôi ngồi xem TV, người bạn duy nhất của tôi sau những giờ học ở trường. Ba tôi ngủ trưa thức dậy, ông làm cà phê rồi ngồi xuống bên cạnh tôi, hỏi nhỏ nhẹ:

— Bé không đi tắm cho khỏe, trời nóng quá mà!

Tôi im lặng, chương trình lôi cuốn tôi hơn những quan tâm chiếu lệ của người cha tôi không thấy gần gủi. Mẹ tôi có phần thương con hơn, chăm sóc chị em tôi mọi bề đầy đủ, cái đầy đủ trong khả năng hiểu biết của mình. Nhưng bà rất non nớt vụng về trong tư cách làm vợ, nhất là làm vợ một người đàn ông có bẩm tính nhút nhát, yếu kém đến không thể thích ứng được với bất kỳ môi trường nào trong bất cứ xã hội nào. Vì thế, cái vụng về của mẹ tôi đã biểu lộ bằng cách phản kháng và từ chối sự có mặt của người chồng mà mình không còn muốn chấp nhận.

Khi lên hai, tôi đã biết thế nào là lao đao. Tôi lao đao từ nhà Nội sang nhà Ngoại để tránh chạy những cơn giông bão gia đình. Một gia đình bất ổn về mọi mặt, từ vật chất đến tinh thần. Thực ra, so với những khó khăn chung của xã hội cộng sản thời đó, bố mẹ tôi chưa phải là những kẻ thiếu ăn thiếu mặc, vì bên nội dù có giới hạn, vẫn cấp dưỡng để gia đình tôi có thể sinh sống qua ngày. Nhưng sự bất ổn nặng nề nhất là hai cá nhân, chủ thể của gia đình, cha mẹ tôi không phải là những người biết xây dựng cái đồ án của cuộc sống gia đình.

Trước khi lấy vợ, tuổi trẻ của ba tôi với bẩm tính bất lợi và không có bạn bè đúng nghĩa, ba tôi tìm quên thực tế bằng cách rong chơi, không chịu học hành. Rồi nghiện thuốc lá, càphê và cả bia rượu nữa. Ông bà nội tôi đông con nhưng chỉ có hai trai. Con trai trưởng đã tử trận đâu đó trong cuộc chiến cũ. Còn lại một mình là trai duy nhất, ba tôi bị lạc lõng giữa một đám chị em gái, họ ngoan ngoãn nề nếp mà lại nhạy bén hơn mình. Có lẽ vì thế, những đứa bạn hư đốn chung quanh trở thành mẫu mực để ba tôi ngưỡng mộ và nhập bọn. Từ đó, rượu bia thuốc lá đã...thấm dần vào con người nhược tính và khép kín. Ba tôi như một kẻ thời thượng không có hào quang. Đúng ra, một kẻ thất chí...

Vào thời điểm khủng khoảng của xã hội sau cuộc chiến, đời sống nghèo khổ và không thấy tương lai, không riêng ai, sự khốn quẩn đó bao trùm tất cả. Nhưng người ta vẫn ngoi ngóp sống còn. Lúc đó, mẹ tôi đã tới tuổi để nghĩ tới việc lấy chồng, phải có một mái gia đình cho riêng mình như một... sự ắt có của đời người. Lẩn quẩn chung quanh, ngoài

những người đàn ông từ phương Bắc đổ vào hay từ rừng rú tuôn ra, thành phần trai trẻ của miền Nam chỉ còn lại những kẻ lở dở không nghề nghiệp, không thể hứa hẹn một thứ hạnh phúc mà người đàn bà mong đợi...

Mẹ tôi đã quyết định lấy ba tôi vì nhân dạng đẹp trai và con nhà gia giáo. Tuy thế, cái nề nếp gia giáo đó đã có một cái lổ hổng to lớn là sự bất thành nhân của ba tôi, một sự bất thành nhân không hoàn toàn do thời cuộc và hoàn cảnh, mà phần lớn là do yếu kém bản thân. Mẹ tôi lại rớt vào ngay lổ hổng không thể khỏa lấp đó, để rồi phải gào thét, vùng vẫy... và đã phản kháng như hổ lạc rừng. Cả hai đã làm điên đầu đôi bên nội ngoại trong những năm dài lúc còn ở quê nhà, trước khi có cơ hội ra đi.

Ly càphê đã cạn. Ba tôi ngáp, cái ngáp đói thuốc. Điếu thuốc cuối cùng đã hết từ chập tối hôm qua. Từ khi bắt đầu cuộc sống ở Mỹ, ba tôi lẩn trong bốn bức tường của căn *apartment* một phòng ngủ, ông chỉ ra ngoài khi gói thuốc đã hết hoặc lon càphê đã cạn. Tám tháng ăn hưởng trợ cấp đã làm ông yếu kém thêm hơn, ông yên lòng vì ông tránh khỏi phải chìa tay đón nhận cơm gạo từ gia đình... Khi người ta yên lòng làm thân phận chùm gởi thì sự yên lòng đó là một bóng tối lạnh người. Giống như một xác ướp trong băng đá, có đó với hình hài đầy đủ nhưng sự sống đã tách lìa.

Ba tôi rời khỏi sôpha, rời đứa con ông muốn bắt chuyện nhưng không được, đến bên mẹ tôi và hỏi bằng một giọng có vẻ hơi ngần ngại:

— Đưa tôi vài đồng...mua gói thuốc!

Với phản ứng thuộc lòng mà tôi đã nghe từ bao năm qua, mẹ tôi đã sẳng giọng:

— Tiền dâu mà đưa? Đi làm... lấy tiền mà hút!

Khởi đầu một trận cãi vã khác. Tôi mở TV to hơn để át đi một cuộc xô xát quá nhàm chán. Hậu quả là một vết bầm nhỏ trên cánh tay mẹ tôi. Có dấu tích đó đã đủ là chứng cớ để các trung tâm cư trú đón nhận và bênh vực cho người đàn bà đang sống ở một đất nước dân chủ như đất nước này. Có lẽ những dồn nén vì xấu hổ đã thúc đẩy mẹ tôi hành động. Thực ra, với trí nhớ của tôi từ ngày đó, hiển nhiên là hai người đã hoàn toàn không có gì tương đồng tri kỷ, họ là nước với lửa hiện hữu để hủy diệt nhau. Ba tôi lầm lì, mẹ tôi xấu hổ vì cái lầm lì đó. Ba tôi thất nghiệp vì lười biếng nhút nhát, vì không chịu đựng được với kỷ luật và những vất vả lao động, mẹ tôi lại càng xấu hổ trăm lần. Và như thế, sự rời bỏ

quê hương vẫn chẳng giải quyết được gì...

Mẹ tôi muốn bằng người, muốn có một đời sống để hãnh diện khi lấy chồng. Một người đàn bà thích sự vui đùa thoải mái, thích giao tiếp và muốn được chồng chiều chuộng, nhưng mẹ tôi đã không tìm được những điều mơ ước căn bản và bình thường đó. Khi bị thất vọng thì mẹ tôi lại càng xấu hổ về cái nguyên nhân làm bà thất vọng. Lúc ấy, mẹ tôi cần phải cho mọi người biết, bắt mọi người phải biết, về nỗi bất hạnh của mình... bằng cách kể tội và bêu xấu người đàn ông mà mình đã lầm lỡ lấy phải. Vì thế gia đình lại càng tang thương tăm tối hơn.

Tôi nghĩ em gái tôi khi ấy còn quá nhỏ để hiểu biết những lục đục xáo trộn của cha mẹ. Nhưng tôi, tôi đã có chút ít nhận thức để biết rằng mây đen đang kéo về và cơn giông tố tàn bạo sẽ cuốn thốc tất cả... Vì mẹ tôi vẫn cho rằng, ở Việt Nam chưa bỏ được ba tôi vì không có hoàn cảnh thuận tiện. Vì sợ thành kiến xã hội. Vì gia đình chồng tử tế nên đành phải nhắm mắt nguôi quên. Ở đất nước này, mẹ tôi sẽ được thỏa nguyện với ước muốn mong đợi bấy lâu của mình.

Sau trận cãi vã đó, sáng hôm sau ba mẹ con tôi đã có mặt trong *shelter* toàn những người xa lạ. Những bộ mặt nạn nhân của một đời sống gia đình bất ổn không hạnh phúc. Họ tụ tập về đây vì nhiều những lý do khác nhau, nhưng chung quy là nghèo và nghiện ngập. Trong cái đám đông đó, mẹ tôi có vẻ... thượng lưu hơn cả. Không khóc lóc, không thương tích đầy người và không cả tình yêu đem theo để thành gánh nặng phân tâm. Tuần lễ bộn rộn với những thủ tục giấy tờ, và mang cái cảm giác của kẻ đã tìm được tự do, mẹ tôi có vẻ hài lòng với quyết định ra đi của mình. Nhưng rồi đời sống bất định kéo lê cả hai tháng trước khi chúng tôi có nơi ăn ở chính thức. Hai chị em tôi đã lao đao từ căn *apartment*... có bố cho đến *shelter*, từ *shelter* buồn thảm đến nhiều căn *apartment* khác không có bố và không có những trận cãi vã tung trời.

Suốt nhiều năm, tôi như con chim nhỏ muộn phiền đã không cất nổi tiếng hót của mình. Đời sống lạnh như đêm đen. Đời sống tẻ nhạt cứ thế kéo dài... Cơn mưa buồn như không bao giờ dứt để trẻ con có thể chạy nhảy dưới trời xanh quang đãng, một niềm ước mơ nhỏ nhoi...

Tôi thiếu bạn vì phải di chuyển liên tục. Tôi chỉ có mẹ và đứa em gái bên cạnh. Tôi thường mang cái cảm giác cô độc, tưởng chừng như mình là kẻ độc hành trong đêm tối của một tinh cầu xa lạ nào khác. Một tinh cầu không có con người, không có đàn ông, không có đàn bà, không có nguồn vui hay nỗi khổ, mà chỉ một mình tôi trơ trụi lạc loài.

Tôi cũng giống như cây nho tím đã một thời héo tàn ở vườn sau. Tôi thoi thóp với đất cằn cỗi không phân bón. Mẹ tôi chăm lo cho chị em tôi như một người mẹ bình thường, nhưng tôi vẫn như hụt hẫng và thầm trách cái thiếu thốn của một kẻ không có mái ấm gia đình. Tôi không có cha hoặc không có cha bên cạnh để thương yêu và được thương yêu. Mà giả như, gia đình tôi không tan vỡ, nhưng với cái cảnh cãi nhau sớm chiều triền miên như cũ, thì đấy có phải là một điều may mắm hơn không? Tôi thường bị dằn vặt với những nghi vấn thật đơn giản như thế, và vì nó đơn giản quá nên tôi chỉ còn những giọt nước mắt tuôn dài, một cách đáp giải lạnh lẽo... và xót xa hờn tủi.

Từ nỗi cô đơn loang lổ, tôi đành lấy việc học làm chất ma túy tìm cách quên đi cuộc đời thiếu sót của mình. Tôi vô tình làm niềm kiêu hãnh của mẹ tôi. Tôi vô tình quên cả người cha đã bao năm tôi không gặp mặt. Tôi vô tình cả chính tôi và tuổi trẻ của tôi nữa.

Sau khi ra trường, tôi lập gia đình với Khoa, một người bạn cùng trường và trên tôi hai lớp. Tình yêu đến với tôi thật chậm, tôi dò dẫm như một người lính chiến dò dẫm bãi mìn. Tôi sợ một cái ngục thất mới của tuổi trưởng thành. Ngục thất ấy ở tuổi thơ đã một thời có bố, có mẹ và có cả chị em tôi nữa. Tôi không thể nhận chịu một lần thứ nhì, không còn sức để nhận chịu. Tôi không thể dẫm mìn khi tôi đã có kinh nghiệm của một người lính tác chiến. Trong tình yêu, tôi nghe ngóng bằng đôi tai loài dơi, và nhìn bằng ánh mắt canh mồi của loài mèo đêm tĩnh lặng. Tôi sợ...

Khoa đã giúp tôi bắc giàn nho. Nó đã được leo trườn thoải mái từ sau buổi sáng hôm nào tôi nhìn thấy nó. Hôm nay tôi bước ra vườn, một ngày cuối tuần có lẽ nghỉ nhàn nhã, cũng lại một buổi sáng sớm, nhưng mặt trời đã bắn những tia nắng chói hồng vào da thịt căng dòn của những trái nho màu tím xậm. Giàn nho đã có những chùm trái trĩu nặng.

Tôi đang tần ngần nhìn ngắm những chùm nho mới và bỗng thấy lòng mình có một chút gì vui lạ. Ngay lúc ấy, Khoa ra vườn tìm tôi với hai ly càphê bốc khói trên tay. Tôi quay lại hỏi:

— Khoa định làm gì hôm nay? Em có một đề nghị...

— Vy uống càphê với anh đi đã. Sáng nay Vy có vẻ... bí mật?

Tôi không trả lời Khoa ngay. Đón lấy ly càphê từ bàn tay ấm áp của chồng, tôi nhấm nháp ngụm càphê nóng, mùi thơm hơi khét nhưng hấp dẫn đưa lên khứu giác làm tôi thanh thản với ý nghĩ của mình. Nhìn vào những chùm nho, tôi nói:

— Em muốm... có con, Khoa ạ! Đã đến lúc ...

Sự đột ngột đó làm chồng tôi khựng lại, khoảnh khắc sau Khoa hỏi:

— Đó là đề nghị mà Vy vừa nói?

Tôi gật nhẹ:

— Em biết Khoa tôn trọng điều kiện của em trước khi mình bằng lòng lấy nhau — "kh..ông được có con" — nhưng hôm nay em hoàn toàn tin tưởng sau bốn năm chung sống. Tin ở Khoa và tin ở chính em — rằng mình sẽ là những bậc cha mẹ xứng đáng nhất. Khoa nghĩ sao?

Khoa dìu tôi xuống chiếc ghế xích đu, kê bên gốc cây trúc đào có hoa màu trắng, chồng tôi bóp nhẹ tay tôi và bằng niềm vui chan đầy trong ánh mắt, Khoa nói:

— Anh đã... chờ đợi từng ngày. Anh vẫn hạnh phúc nhưng nếu Vy đổi ý thì anh sẽ có thêm một thứ hạnh phúc mới... Cảm ơn Vy — nguồn sống của anh!

Nhận cái hôn nhẹ nhàng của chồng, tôi hoạch định:

— Em muốn hai đứa đi biển, mình sẽ ở đến hết tuần mới về. Con mình sẽ bắt đầu hiện hữu của nó giữa biển trời bao la. Em muốn lớn lên đứa bé sẽ là nguồn hạnh phúc của người khác — như mình đang hạnh phúc của nhau, Khoa đồng ý không?

— Trăm phần trăm tuyệt vời! Vào sửa soạn đi ngay nghe Vy?

Giọng reo vui của Khoa làm tôi yên lòng... Chúng tôi chuẩn bị thật nhanh chóng. Tôi đem theo một ít bánh trái mà Khoa ưa thích. Một vali quần áo gọn nhẹ. Những ngày giờ sắp tới là của riêng đứa con đang được hình thành. Tất cả vì nó, nó sẽ không phải là kết quả của những cuộc ái ân, mà chúng tôi ái ân để có nó — vì nó — đứa con trong dự tính của chúng tôi. Một mầm sống mà tôi tưởng sẽ chẳng bao giờ có thể nảy sinh sau những muộn phiền tuổi nhỏ mà tôi đã phải gánh chịu lâu dài.

Hôm nay thì tôi cũng gần bằng với cái tuổi mà mẹ tôi đã bế con ra đi ngày nào. Chồng tôi không hoàn hảo, một người đàn ông không tài ba xuất chúng. Nhưng tình yêu và sự hiểu biết đã là nền tảng để chúng tôi hạnh phúc. Tôi hài lòng với phần đời trưởng thành của mình. Như một sự đền bù. Như cây nho đã được leo bò thanh thản trên chiếc giàn rộng rãi và được phân bón đúng mùa.

...Tôi cười ngất rồi tiếng cười làm tôi giật mình thức giấc... Tôi ngỡ ngàng... Tôi không có Khoa bên cạnh. Không có biển trời bao la với đứa con hạnh phúc. Không có cả giàn nho tím ở sau vườn...

Đời sống thực và những ước mơ đã chìm ngấm vào trong vô thức,

HUỲNH LIỄU NGẠN

Chia cả anh rồi - chia cả sông

em qua bên đó làm sao nhớ
nhà ở bên này trông bên kia
gần quá mà thành như xa quá
khép một làn mây cũng đầm đìa

tháng giêng mưa sớm hơn năm ngoái
tóc em ướt quá đứng bên hè
run đưa tà áo lùa vai lộng
trông lên trời xám mây mùa che
mà thả nỗi buồn theo gió sớm
tho buổi chợ đầu đưa qua sông

tháng giêng không có hoa vườn nở
hai nhành mắt đợi cả mùa đông
mà hỏi ra Giêng em có lại
hay là hoài vọng của dòng sông

thì thôi bên đó làm sao nhớ
chia cả anh rồi -
chia cả sông

khiến nó tinh kết thành những giấc mộng mị. Thực tế, tôi vẫn chỉ là một cô gái mười lăm thiếu vắng những ngày vui trong đời. Một giàn nho tím chưa thể hồi sinh. ❑

Salem

Robert Olen Butler
Thạch Hãn dịch

Robert Olen Butler đoạt giải Pulitzer năm 1993 với tập truyện ngắn A Good Scent from a Strange Mountain *(Bảo Sơn Kỳ Hương) mà Văn Học đã giới thiệu đến độc giả qua các số 86 và 95. Truyện ngắn "Salem" dưới đây xuất hiện lần đầu tiên trên* The Mississippi Review, *và được chọn đăng trong tuyển tập những truyện ngắn hay nhất của Mỹ, ấn bản 1994 (*The Best American Short Stories 1994*).*

Robert Butler giải thích trường hợp sáng tác: "Nhân vật trong truyện nói thầm vào tai tôi từ lúc báo chí loan tin Việt Nam giao trả cho Mỹ hàng loạt những vật dụng của lính Mỹ mất tích. Hắn đang bị thách thức trước lời kêu gọi mang nộp những đồ vật đó cho nhà nước, và tôi hiểu ngay tức khắc đó là một quyết định hết sức khó khăn cho hắn, vì những lý do mà hắn không hiểu được." Khi có lời yêu cầu đóng góp bài vở cho một số đặc biệt của tạp chí The Mississippi Review, *tôi quyết định để cho hắn lớn tiếng nói ra nỗi băn khoăn của mình.*

❑

Tôi vẫn hằng tuân phục các nhà lãnh đạo chân chính của nước tôi, và cũng vì họ mà tôi phải nhiều lần nằm cong mình dưới cội cây đa, tay ôm đầu, người run bần bật như một đứa con nít dưới những trận mưa bom B-52, để rồi, không chóng thì chầy chúng tôi cũng đã đánh mất quãng đời làm trai của mình. Tôi tuân lời các cấp chỉ huy đi vào rừng, dâng cho họ quãng đời trai, nhưng bây giờ tôi đang ngồi trước một gói thuốc lá Salem cất giữ đã hai mươi bốn năm nay, cùng với một tấm ảnh nhỏ cắt bằng kéo bốn cạnh không đều, và tôi thầm nói "không". Nói thầm nhưng mắt tôi vẫn dướng lên nhìn thử xem có ai nghe không. Chẳng có ai. Chỉ

có mình tôi. Tôi nhìn qua cửa sổ, nhìn con đường làng dẫn vào rừng, lồi lõm nhiều chỗ, rực lên dưới ánh nắng. Việt Nam hiện đang sống trong thanh bình, nhưng vẫn nghèo đói với những chiếc cày đã cùn, với đàn trâu đã kiệt lực. Nhưng sự nghèo đói đó bây giờ lại chính là sự nghèo đói của riêng chúng tôi, của cả quốc gia, và tôi quay mặt tránh nhìn lùm cây nằm cách khoảng vài trăm thước ở cuối con hương lộ. Tôi đã biết quá nhiều về con người tôi hồi còn ở trong rừng. Tôi nhìn vào những đồ vật đang nằm trên bàn trước mặt tôi.

Riêng người Mỹ này, lúc đó hắn đi một mình, và bây giờ tôi không hiểu tại sao, người lính bị chính tay tôi giết bằng quả lựu đạn do tôi chế ra đựng trong một chiếc lon Coca-cola. Một ít thuốc súng, một ngòi nổ, một nắm vụn sắt và chiếc lon đựng nước ngọt đánh cắp từ hố rác của làng: tôi nấp trên cây và tôi giết hắn. Lẽ ra tôi có thể giết hắn bằng súng, nhưng vừa làm xong quả lựu đạn thì thấy hắn hiện ra chỗ quảng rừng trống. Hắn di chuyển chậm chạp nhưng lại ồn ào, rất sợ hãi. Hắn lạc bạn, lạc đường, trong khi tôi lại thư thả nên tôi ném quả lựu đạn xuống chân hắn. Chiếc lon chạm nhẹ lên mặt đất. Hắn chăm nhìn chiếc lon như nhìn món quà của một ông thần Mỹ nào của hắn từ trên trời ban xuống. Hắn nghĩ đến chuyện nhặt lon Coca-cola lên uống cho đỡ cơn khát.

Tới lúc đó, tôi đã giết nhiều người và sẽ còn giết nhiều người nữa trước khi bỏ rừng về thành. Lần này cũng chẳng khác gì những lần trước. Có tiếng nổ bụp, hắn gục xuống, và cũng như những lần trước, còn có một thứ âm thanh khác tiếp theo, cái âm thanh mà bất cứ ai trong chúng ta không sớm thì muộn sẽ thốt lên khi ở trong hoàn cảnh đó. Nhưng cái âm thanh của tên lính Mỹ này kéo dài không được bao lâu. Hắn sẽ không sống được lâu, và tôi chờ xem còn có thêm người lính Mỹ nào khác không. Nhưng tôi đã đoán đúng. Tôi biết hắn lạc bạn khi nhìn cách hắn di chuyển, chân này nhấc lên đặt trước chân kia, đầu quay nhìn quanh khoảng rừng trống rồi tự nói với mình, Chà, chẳng có ai ở đây cả. Không phải vừa mới thấy hắn là tôi đã tưởng tượng ra những lời nói như thế trong đầu hắn —chỉ có sáng hôm đó tôi mới có thì giờ để thư thả nghĩ xa nghĩ gần. Lúc đó, chỉ nhìn hắn tôi biết hắn lạc bạn, và sau khi đã giết hắn bằng qủa lựu đạn do chính tay mình làm ra, tôi cảnh giác ngồi chờ, nhưng lại biết ngay tôi đoán đúng. Đúng. Chẳng có một ai khác xuất hiện.

Rồi từ trên cây tôi xuống đất, đi về phía xác hắn ngã xuống và tôi thấy trên người hắn có mấy vết thương nhưng chúng chẳng làm tôi mảy

may xao xuyến. Tới lúc đó mắt tôi đã nhìn thấy quá nhiều vết thương, và dù nhiều lần tôi ấm ức phải lãng phí một đời trai dưới các trận mưa bom của pháo đài bay, tôi vẫn có thể chen chúc giữa máu me, giữa những thân người nát ra từng mảnh mà chẳng hề giao động. Tôi bước lại xác chết, thân thể hằn rách nát nhiều nơi, máu loang khắp người, tay tôi thọc sâu vào túi áo, túi quần, mong kiếm được tài liệu hay cái gì đó đem về nạp cho cấp chỉ huy. Nhưng tôi chỉ tìm thấy có mỗi gói thuốc Salem.

Tôi không còn nhớ lúc đó tôi có nhận ra được chút gì mỉa mai khi tìm thấy gói thuốc lá không. Một thanh niên nhiều nhiệt huyết, tuy có lúc cũng phẫn nộ, cũng hổ thẹn như tôi lúc đó lại càng không có điều kiện để nghĩ ra được một sự mỉa mai nào. Nhưng ngay cả hồi đó, ai cũng biết rằng một trong những thú vui mà ông Hồ Chí Minh, vị cha già của Việt Nam, ưa chuộng, là hút thuốc Salem. Một ông thượng úy trong đơn vị tôi có lần tịch thu được một thùng thuốc Salem, gởi ra Bắc, được bác Hồ ban giấy khen. Việc đó ai cũng biết. Nhưng tôi cũng thích thuốc lá Mỹ, lại càng thích hơn thấy mình có dịp noi gương lãnh tụ, nên khi lấy được bao thuốc Salem, tôi chỉ nghĩ đến việc giữ riêng cho mình.

Giống như bây giờ, tôi là một người có vẻ ích kỷ. Hồ chí Minh cũng đã chết năm đó, rồi chúng tôi còn phải đánh giặc thêm sáu năm nữa, nước nhà mới thống nhất. Trước đây tôi tuân phục lãnh tụ vì mong họ đưa chúng tôi đến chỗ đại thắng, nhưng bây giờ họ đang đòi hỏi ở tôi một điều mà tôi đang ngần ngại, chờ đợi, suy nghĩ mông lung khiến tôi phải ngạc nhiên, cho dù sau bao năm tháng lặn lội trong rừng sâu, sau bao thay đổi xảy ra cho cả nước. Có lệnh ban ra ai nhặt được vật dụng gì của lính Mỹ tử trận hãy đem nộp cho nhà nước để trao lại cho chính phủ Mỹ, giúp họ tìm ra danh tánh những người tử trận hiện còn được xem là vô danh để hai quốc gia có thể bang giao trở lại. Giống như điều mà vợ và mẹ vợ tôi vẫn hằng tin. Hai người đàn bà này sống chung trong nhà tôi, thương yêu và săn sóc tôi, nhưng vẫn không thay đổi những gì họ tin, bất kể đến những gì tôi đã vì họ mà chịu đựng. Họ có niềm tin của những người theo đạo Phật. Đó là mọi người ai cũng đã một lần chết, đời này hoá thân làm người khác, sống kiếp này để ăn năn hối lỗi những lầm lẫn của đời trước. Những người lính trẻ Việt Cộng, cũng như những người lính Mỹ, bây giờ hoá kiếp thành những thương nhân làm ăn buôn bán với nhau, hợp tác sản xuất thuốc lá và nước ngọt.

Có phải vì thế mà tôi ngần ngại chưa tuân lời chăng? Chỉ nêu câu hỏi là tôi đã biết được câu trả lời. Không. Lúc ở trong khoảng rừng thưa,

tôi cất gói thuốc vào túi, rồi sau đó lén lút trở lại chỗ đóng quân trong rừng già. Xế chiều hôm đó, tôi hút một điếu, sau khi đã lắc cho nó từ trong bao rơi ra, đầu óc lơ lửng ngồi bên suối, cách xa đồng đội. Tôi không muốn chia sẻ gói thuốc này với ai, và khi châm lửa đốt thuốc rít một hơi, người cảm thấy thư thới, trút bỏ được một sự thèm khát, một sự thèm khát do chính việc tôi đã làm tự gây ra, lại tự thỏa mãn. Tôi nhìn xuống dòng suối, quay mặt tránh nhìn đồng đội và khoảng một trăm thước ở phía trước mặt, khu rừng đóng kín lại, mập mờ trong ánh hoàng hôn. Tôi nhả khói, hai ống mũi nở ra cùng một cảm giác mát lạnh kỳ lạ. Tôi chưa bao giờ được hút loại thuốc Hồ Chí Minh ưa chuộng, và trong chốc lát, đầu tôi lâng lâng như có sự hiện diện của Bác. Một ý nghĩ như thế—hay vẻ huyền hoặc mơ hồ của ý nghĩ đó—đến với tôi một cách dễ dàng, và tôi chưa bao giờ thắc mắc, mặc dù tôi vẫn nghĩ bác Hồ sẽ thất vọng khi thấy tôi hút loại thuốc bác ưa. Đây chắc chắn không phải là cái cảm hứng của một người Cộng sản thuần thành, tuân phục, và mãi về sau này, khi biết được một vài loại thuốc lá Mỹ có tẩm bạc hà, nhớ lại những ý nghĩ của mình bên bờ suối hôm đó chỉ làm tôi thêm xấu hổ.

Nhưng hồi đó, tôi vẫn cứ để cho ý nghĩ kia lơ lửng trong đầu, vẫn cho là linh hồn bác Hồ hiện diện trong tôi, rồi tôi lấy bao thuốc từ trong túi ra, nhưng bây giờ tôi lại đang nhìn nó rất chăm chú: Ở trên và dưới bao thuốc có những đường chỉ đậm màu xanh lục, hàng chữ tiếng Mỹ dài thòng và vô nghĩa đối với tôi ngoại trừ chữ Salem lớn nằm trên một hàng vạch trắng ở giữa bao—tên thuốc thì tôi nhận ra được. Gói thuốc bọc trong một lớp giấy kiếng, lớp giấy mà tôi đã lấy tay chà xát đến nỗi gần rách nhưng cũng đã ngưng tay kịp thời. Lớp giấy này bọc giữ cho thuốc khỏi bị ẩm. Rồi tôi lật bao thuốc ra đằng sau, người cảm thấy như có một vật gì đang tung nhảy, như tiếng một cành cây khô gãy vụn ở đâu đó trong khu rừng bên cạnh. Từ nơi tay tôi, một khuôn mặt mỉm cười nhìn lên mặt tôi, khuôn mặt của một người đàn bà, và tôi nín hơi thở để nàng không thể nghe thấy được tôi. Tôi đoán chừng là hành động phản xạ đó cũng đã lan đến đôi tay khiến tôi sẵn sàng rút súng ra giết người đàn bà này.

Bây giờ thì người đàn bà đó đang ở trước mặt tôi. Gói thuốc Salem nằm chính giữa mặt bàn bằng gỗ lim do chính tay tôi làm ra, lấy ván từ một chiếc tủ kiểu Pháp trong toà hành chánh tỉnh lâu đời về làm mặt bàn. Gói thuốc nằm chính giữa bàn, tấm ảnh nằm sau lớp giấy kiếng nhìn lên, vẫn ở nguyên chỗ người lính Mỹ đã cẩn thận bỏ vào. Tôi chưa

bao giờ rút tấm ảnh đó ra và tôi cũng không hút thêm một điếu thuốc nào, cả hai đều là việc tôi biết mình phải làm, ngay cả trước khi tay tôi hết run, tim tôi trở lại nhịp đập bình thường lúc ngồi bên bờ suối hôm đó. Tôi chưa bao giờ tự cật vấn mình tại sao đã làm vậy, tôi chỉ biết là nên nhìn tấm ảnh người đàn bà đó thêm một lần nữa—nàng có khuôn mặt trái soan, mái tóc trắng như vô sắc, một nụ cười tươi để lộ hàm răng—rồi sau đó cẩn thận cất gói thuốc vào túi cùng với sợi dây chuyền có tượng Phật bằng hổ phách được vợ dúi vào tay ngày tôi ra đi.

Vợ tôi cũng sắp về rồi đây. Tôi nhìn qua cửa sổ, dõi mắt nhìn con hương lộ, chỗ vợ và mẹ vợ tôi sẽ xuất hiện bất cứ lúc nào, vợ tôi tay xách thùng nước. Sự xuất hiện của vợ trên con hương lộ sẽ làm cho tay tôi nhủn ra, và tôi đã sai lầm khi nói rằng tóc người đàn bà trong hình là vô sắc, vì có những thời khắc trong ngày ánh nắng mặt trời chiếu dọi xuống thôn làng một thứ màu vàng ánh giống như màu tóc người đàn bà trong ảnh, và màu tóc đó chỉ trở nên vô sắc như khi đem so với màu tóc của vợ tôi điệp lên nền đen âm u của rừng già.

Tôi ước ao mình vẫn còn có khả năng phản xạ của những ngày còn chinh chiến. Tôi có thể quyết định ngay tức khắc, hoặc bắn giết, hoặc chạy trốn, hay nằm cong người lại run rẩy, hay lục lọi túi áo túi quần của người chết, ngay cả việc lấy một quyết định vừa phức tạp vừa lạ lùng như việc nhét bao thuốc lá vào túi cùng với quyết tâm hết sức bí ẩn—bí ẩn đối với cả chính tôi—là phải giữ bao thuốc lá đến hàng chục năm. Giờ tôi chỉ có thể đứng lên ngồi xuống, không quyết định được gì. Có điều gì đó nói cho tôi biết là lãnh đạo đang phản bội tất cả những gì họ hằng tin, phản bội lại những gì họ đã từng chiến đấu để gìn giữ, và họ sẽ biến chúng tôi thành những người như người Nhật bản. Nhưng ngay cả khi ý nghĩ đó thành hình trong đầu, tôi cũng đã không có phản xạ, tay tôi không còn săn cứng lại nữa mà chỉ nằm trơ ra trên mặt bàn trước nụ cười của người đàn bà Mỹ, và có lẽ những gì khởi đầu dưới những trận mưa bom B-52 nay đến lúc phải hoàn tất. Có lẽ tôi đã mất hết nam tính.

Dù vậy, tôi vẫn không hành động một cách vội vã. Đó là lối ứng xử của một thanh niên hai mươi hai tuổi. Tôi cũng không còn là một thanh niên nữa. Mà ngay lúc còn thanh niên tôi cũng đã biết là mình nên cất giấu vật này và không nên sờ mó gì đến nó nữa kia mà. Tại sao? Tôi cúi gần lại, chờ đợi, quan sát như lúc tôi đang ngồi ẩn trên cành cây, nhìn xuống mặt rừng qua khoảng trống. Tấm ảnh có ba cạnh —cạnh trên, cạnh dưới và cạnh trái— cắt thẳng, đường cắt sắc, nhưng cạnh phải lại bị

cắt hơi xéo. Đường cắt hơi xéo góc từ trên xuống, xuyên qua bầu trời xanh lam, qua thửa ruộng màu đất thẫm, đi quá vai người đàn bà. Khi đến ngang đó, dường như góc độ của đường cắt e sẽ xén mất khủyu tay rồi đâm thẳng vào thân, nên nó bỗng hơi chệch ra nhờ thế mà cánh tay vẫn còn nguyên vẹn. Tôi vừa nói đến đường cắt đó như chính nó tự cắt lấy. Dĩ nhiên là do người đàn ông đã cầm kéo cắt, cẩn thận không muốn cắt bỏ cho dù là một phiến mỏng hình ảnh người đàn bà mà hắn yêu thương. Hắn cắt xén tấm ảnh cho vừa với bao thuốc, và tôi cũng hiểu được việc hắn làm cốt để dùng trong những lúc vội vả: hắn cho ảnh vợ vào bao thuốc để mỗi khi nghỉ chân, người ướt đẫm mồ hôi, sợ hãi, ngồi bên bờ suối trong rừng sâu lấy thuốc ra hút lại được thấy vợ đang nhìn mình mỉm cười.

Việc này có đáng ngạc nhiên không? Một cử chỉ tình tứ như thế nơi một người lính Mỹ vượt đại dương đi làm nghĩa vụ của một đế quốc? Có lẽ đó là lý do tại sao tôi đã gìn giữ gói thuốc này. Tôi không hiểu được hành động đó của người lính Mỹ. Ngay cả vợ tôi cũng có những cử chỉ lạ lùng như thế. Ở trong nhà tôi vẫn còn có một bàn thờ. Một chiếc bàn nhỏ, có bát hương, có bình rượu, có chiếc ngai bằng gỗ lưu truyền trong gia đình, dán giấy bản ghi tên tổ tiên dòng họ cả bốn đời. Vợ tôi tin là linh hồn người chết cần được người sống cúng vái họ mới có thể an nghỉ được. Tôi nói với vợ tin như vậy là mù quáng khi mình đang sống trong một nước từng đánh đổ biết bao bạo quyền trong quá khứ, nhưng vợ tôi chỉ quay mặt đi và tôi biết là đã làm cho vợ mích lòng. Bàn thờ, cũng như việc cúng vái người chết, tôi biết không phải là do đạo Phật, nhưng là theo đạo Khổng của người Tàu đô hộ chúng tôi suốt hàng mấy thế kỷ. Nhưng vợ tôi đâu có nghe tôi. Điều vợ tôi tin không liên quan gì đến tôn giáo hay chính trị. Niềm tin đó xuất phát từ sự yếu đuối của con người, từ sự sợ hãi phải sống một kiếp sau, cách biệt hoàn toàn với đời này, cuộc đời mà ai cũng có thể nhìn thấy được, sờ mó được. Và cũng nhờ niềm tin đó mà các nhà cầm quyền mới áp bức được dân nghèo, mới gây ra được những xấu xa qủy quyệt mà chính tôi cũng phải góp sức chống trả.

Nhưng khi nhìn kỹ những đồ vật này, và suy nghĩ chín chắn hơn, tôi mới hiểu ra là mình không nên lấy làm ngạc nhiên trước cử chỉ tình tứ đó nơi người lính Mỹ. Lối suy nghĩ của tôi cũng khá rối rắm. Vợ hắn còn sống. Đây là tấm ảnh của một người sống, không phải là một tiền nhân đã chết. Và bất cứ một sự bộc lộ tình cảm thái quá nào nơi hắn khi muốn

nhìn mặt vợ lúc ở trong rừng sâu mỗi lần nghỉ chân hút thuốc thì cũng do nhà nước của hắn gây ra mà thôi—đó là thứ quyền năng của họ để kiềm chế hắn—tôi nhìn xa hơn, ở đằng sau nụ cười trên khuôn mặt người đàn bà là một vùng màu xanh thẫm, đất đai càng lúc càng tối, tôi cúi sát người lại, rướng mắt nhìn tấm ảnh, tôi thấy vùng tối đó là mảnh đất đã cày xới thành luống, sẵn sàng gieo hạt, nên tôi biết gia đình hắn làm nghề nông. Vợ nhìn hắn mỉm cười, tóc nhuốm màu nắng dịu của buổi sớm mai lúc sương mù chưa tan. Hắn phải rất thú vị nhìn màu tóc, như tôi đã từng thú vị ngắm mái tóc đen huyền xả dài của vợ, mặt đất cày xới như thế hắn có mùi thơm nồng của bất cứ thứ gì họ trồng tỉa để nuôi sống người Mỹ; tôi nghĩ là lúa mì chứ không phải là lúa gạo quê tôi, hay có thể là bắp. Tôi thấy khó thở, lấy tay đặt lên gói thuốc, che kín mặt người đàn bà, và nghĩ điều mình nên làm là đem nộp bao thuốc cho nhà nước. Tôi không cần những vật đó. Chỉ nghĩ thôi cũng đủ thấy mình tự dối mình, nên tôi rút tay lại mà vẫn không nhìn vào mặt người đàn bà có chồng bị tôi giết. Tôi ngồi ngã người ra sau, mắt không còn nhìn qua cửa sổ, chờ đợi.

Có lẽ là tôi đang ngóng vợ: sự xuất hiện của vợ tôi trên con hương lộ sẽ khiến cho việc thu giấu gói thuốc lá trở nên cần thiết, không còn phải nghĩ ngợi gì thêm về những đồ vật này, và việc tôi phải làm là mang chúng ra Đà Nẵng nộp cho nhà nước trong lần về báo cáo sắp tới. Mỗi năm tôi đi báo cáo tình hình giáo dục trong xã bốn lần. Giá như có vợ tôi ngay bây giờ, ngay cả lúc đang có một đám mây xanh lơ vờn qua che tối mặt lộ, có con chuồn chuồn nhởn nhơ bên ngoài cửa sổ, nếu nàng hiện ra ngay lúc này thì mọi việc sẽ an bài. Tôi chưa bao giờ nói cho vợ nghe những gì xảy ra trong rừng sâu, vợ tôi lại là một người vợ hiền nên chẳng bao giờ hỏi han, và tôi cũng không muốn nói cho vợ biết về những đồ vật kia. Ngay cả lúc đám mây xanh lơ vờn qua che tối mặt lộ, ngay lúc con chuồn chuồn lượn lờ ngoài cửa sổ, cho dù mây có bay đi trả lại ánh sáng cho con đường làng, chuồn chuồn có ngập ngừng rồi cất cánh bay đi, tôi cũng sẽ không nói. Và tôi biết là mình cũng không mong vợ. Tôi chờ đợi một thứ gì khác.

Tôi nhìn lại khuôn mặt người đàn bà. Xác chồng tìm không ra. Khi tôi ra khỏi khoảng rừng quang, xác hắn vẫn còn ở đó, xa cách đồng đội, và cũng biến mất khỏi ý nghĩ của tôi, ngay cả lúc tôi cẩn thận cất gói thuốc vào một nơi an toàn, tôi cũng không nghĩ đến hắn. Có lẽ người đàn bà cũng đã viết tên chồng lên tấm bài vị thờ trong nhà, cũng đã thắp

hương cúng vái. Người đàn bà đó là vợ một nông gia. Biết đâu nàng cũng có niềm tin giống như điều vợ tôi vẫn tin. Khác ở chỗ người đàn bà đó không biết chồng mình còn sống hay đã chết. Trường hợp đó cũng khó cúng vái thật.

Có phải giờ tôi cũng trở thành một người có nhiều tình cảm như người lính Mỹ kia chăng? Không. Nhưng tôi đã tạo cho mình cái quyền được có những ý nghĩ như thế. Chẳng hạn, tôi đã biết được nhiều điều qua những điếu thuốc ở trong bao. Ngay cả lúc ngồi bên bờ suối tôi cũng đã biết. Bây giờ càng nghĩ lại, tôi càng biết rõ hơn. Khi tôi lắc bao thuốc, điếu đầu tiên rớt ra là một điếu ngắn, hút dở, một đầu bị xé rách chỗ tàn lửa bị dụi tắt, còn lại một nửa điếu. Lúc đó tôi đã biết, bây giờ tôi lại thấy rõ hơn, rằng hắn là một người cũng nghèo giống như tôi. Không thể hút hết điếu thuốc nhưng hắn lại không vất điếu thuốc đi. Hắn để dành. Có biết bao điếu thuốc hút dở lính Mỹ vất bừa bải trong các khu rừng ở Việt Nam—một trong những dấu hiệu tỏ sự hiện diện của họ. Lính Mỹ khi nào cũng có đầy đủ thuốc lá, muốn bao nhiêu là có bấy nhiêu. Nhưng người này lại không có thói quen phí phạm. Và tôi có thể hiểu được tính tình hắn, để rồi phải ngồi đây suy đi nghĩ lại việc giao nộp những chứng cớ này cho nhà nước mà không thể không nghĩ mình là một người có nhiều tình cảm được. Dù sao thì cũng chính tay tôi giết người này. Và nếu tôi đã giết hắn thì không có một ý nghĩ nào về hắn, một lưu luyến nào với hắn mà có thể gọi là tình cảm được. Tôi đã tạo được những ý nghĩ đó.

Đồ vật có khi cũng rất quan trọng. Chúng tôi có lá cờ, nền đỏ tượng trưng cho cách mạng, ngôi sao vàng tượng trưng cho nước nhà thống nhất. Chúng tôi còn có khuôn mặt của cha già dân tộc, Hồ Chí Minh, với hàm râu thân quen, đôi mắt nghiêm nghị. Và chính ông cũng hút thuốc Salem. Tôi lật ngược bao thuốc, rồi nhận ra có điều gì cần tìm hiểu. Hai vệt chỉ ở trên ở dưới bao thuốc có màu xanh của biển Nam Hải vào những hôm trời trong bể lặng. Mặt biển ngưng ở vệt chỉ, và bên trong, ngay chính giữa vệt lớn là chữ Salem. Và cuối cùng tôi đã nhận ra, rằng biên giới giữa ngu dốt và khôn ngoan mong manh như đường chỉ nhỏ—và tôi hiểu ngay ở chính trong chữ này còn có một khoảng cách bí mật, không phải là Salem mà là *sa* với *lem*, hai tiếng Việt, một tiếng có nghĩa là rơi rớt, sa ngã, tiếng kia có nghĩa là lu mờ, xoá nhoà, và bây giờ cũng là lúc tất cả chúng tôi đang sa ngã, xoá nhoà, cũng như sáng hôm đó tôi đã đánh ngã được người lính Mỹ vừa hút thuốc vừa nhìn ảnh vợ, cẩn thận

cất nửa điếu thuốc còn lại trước khi di chuyển, vì hắn là một người làm nông, ruộng vườn không có bao nhiêu, một người nghèo thương vợ nhưng lại bị nhà nước buộc đi đánh giặc ở xa, còn tôi thì lại được nhà nước đưa đi đến chỗ phải ngồi núp trên cây, quan sát hắn đang đi ở dưới, sợ hải, để rồi chính tôi đưa hắn đến chỗ thân gục, mắt nhoà.

Và tôi lật gói thuốc ra sau, cầm lên tay, nhẹ nâng lớp giấy kiếng, rút tấm ảnh ra khỏi bao, mặt người đàn bà giờ mỉm cười với tôi, chờ tôi nói một vài lời. Tôi lật tấm ảnh, mặt sau hoàn toàn trống. Không có danh tánh, trống trơn không có chữ nào. Tôi không có gì ngoài một gói thuốc lá và một khuôn mặt không tên, và tôi nghĩ chúng chẳng giúp gì được ai. Đắn đo nên giữ hay nên nộp, suy nghĩ cách nào đi nữa thì tôi thấy mình cũng chỉ là một kẻ ngớ ngẩn, lố bịch. Tôi không còn nghĩ ngợi gì thêm, để cho đôi tay tự chúng di động như chúng từng tự di động vào buổi sáng hôm đó ở trong rừng, rồi lắc cho điếu thuốc hút dở rơi vào tay, đưa lên môi, đánh diêm, đưa diêm lên đầu thuốc chỗ hắn đã dụi tắt, rồi hít một hơi vào buồng phổi. Hơi thuốc làm tôi cảm thấy ớn lạnh. Tôi không tin là có hồn ma. Nhưng tôi biết ngay là vợ hắn sẽ đi đến một nơi nào đó, lật xem hết tấm ảnh này đến tấm ảnh khác để cuối cùng tìm thấy được chính khuôn mặt của mình và biết mình phải làm điều cần làm. Còn tôi, tôi sẽ giữ lại gói thuốc. Một ngày nào đó, tôi sẽ hút thêm một điếu nữa, khi tôi biết là đã đến lúc.❑

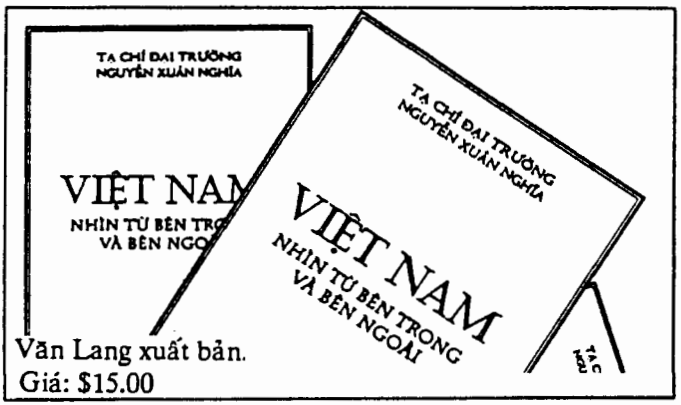

Tao đàn nhị thập bát tú tiếng Đức

Trần Văn Tích

Với thiện chí cố gắng giới thiệu cùng độc giả Đức một cách có hệ thống nền văn học Việt Nam, nữ tác giả Ursula Lies đã cho chào đời cuốn *Literaturakademie der 28 Sterne* năm 1991, do nhà xuất bản Horlemann ấn hành. Tuy nhiên bản thảo thì đã được hoàn tất từ năm 1988, nghĩa là trước khi bức tường Bá Linh sụp đổ.

Ursula Lies sinh năm 1951, theo học khoa Việt-học tại Viện Đại học Humboldt ở Đông Bá linh từ năm 1970 đến năm 1975 và tại Hà Nội từ năm 1976 đến năm 1977. Cho đến nay, bà đã có chừng hai mươi bài biên khảo ngắn về văn học Việt Nam và là cộng tác viên biên soạn bộ tự điển yếu lược BI (*BI-Lexikon*) về văn học Đông Á. Đó là theo lời giới thiệu sơ lược tiểu sử ở đầu sách.

Nội dung cuốn sách, như tác giả cho biết ở phần tựa, là lý thuyết và lịch sử văn chương Việt Nam. Sách giới thiệu quá trình phát triển của văn học Việt Nam qua mười thế kỷ, từ thế kỷ 10 đến đầu thế kỷ 20. Nhưng chủ đề trung tâm của sách là thể loại tiểu thuyết Việt ngữ với ba hình thức: truyện thơ Nôm, tiểu thuyết chương hồi và tiểu thuyết hiện đại.

Phần Tài liệu tham khảo — tôi có thói quen khi cầm một công trình nghiên cứu trên tay thì lật xem phần Tài liệu tham khảo trước để qua đó, sơ bộ đánh giá trước tác —chỉ ghi nhận các tác phẩm của miền Bắc. Tất nhiên có cả *Ngục trung nhật ký* của "Bác". Và cũng tất nhiên có cả Tố Hữu, tuy rằng không thấy Hoài Thanh, Chế Lan Viên. Và cũng tất nhiên hơn nữa là chẳng hề có các công trình nghiên cứu văn học sử của miền Nam từ 1954 đến 1975.

- *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên* (Phạm Thế Ngũ),

- *Bảng lược đồ văn học Việt Nam* (Thanh Lãng),
- *Việt Nam văn học giảng bình* (Phạm Văn Diêu),
- *Văn học phân tích toàn thư* (Thạch Trung Giả),
- *Việt văn* (Võ Thu Tịnh),
- *Việt Nam văn học toàn thư* (Hoàng Trọng Miên),
- *Văn học miền Nam* (Phạm Việt Tuyền),
- *Văn học Hà Tiên* (Đông Hồ),
- *Việt Nam thi văn giảng luận* (Hà Như Chi).

Bên cạnh đó, tác giả cũng hoàn toàn không biết đến những công trình dịch thuật — thường có kèm theo bản chụp lại nguyên tác chữ Hán - của Trung Tâm Học liệu Bộ Giáo dục ở đường Trần Bình Trọng

Lại nữa, các bộ sách được xem như tài liệu gối đầu giường đối với người ở miền Nam trước 1975 muốn bước đầu tìm hiểu nền văn học Hán Nôm của Dương Quảng Hàm (*Việt Nam văn học sử yếu*, *Văn học Việt nam*, *Quốc văn trích diễn*, *Việt Nam thi văn hợp tuyển*), của Trần Trung Viên (*Văn đàn bảo giám*), của Nghiêm Toản (*Việt Nam văn học sử trích yếu*), của Trần Trọng Kim (*Việt thi*) đều vắng mặt.

Đó là chưa kể các tư liệu ngoại nhữ, kể cả tư liệu tiếng Đức, như bản dịch *Cung oán ngâm khúc* của H.Hohl hay bản dịch *Ngọc Kiều Lê* của E. Gieb (dịch nguyên tác Trung văn, không phải dịch công trình của Lý Công Phức).

Tất nhiên đây là phần nào là do hoàn cảnh lịch sử. Nhưng dấu ấn của sự tham khảo tài liệu một chiều thấy rõ trong lập luận của tác giả. Tôi không nói rằng Ursula Lies lập luận không đúng. Tôi chỉ nghĩ rằng nếu bà có cơ hội đọc những tài liệu Việt ngữ ở bên kia bức tường Bá Linh thì chắc chắn sách của bà sẽ có tính thuyết phục hơn, đồng thời, chắc chắn bà cũng bớt khẳng định trong một số luận cứ, chẳng hạn:

1. Cung cách phân chia văn học bác học chữ Hán thành văn học chính luận và văn học hình tượng (tr. 22);

2. Thái độ ủy cho tinh thần ái quốc một vai trò quan trọng trong nội dung nền văn chương cổ (tr. 28);

3. Kiến giải cho rằng các chúa Trịnh cấm truyện Nôm là vì chúng đả kích chế độ phong kiến (tr. 57, tr. 90).

Ở những lĩnh vực vừa kể, sự tìm hiểu, phân tích, thẩm định, đánh giá tác phẩm văn học tùy thuộc rất nhiều vào thái độ, lập trường, quan điểm, ý thức hệ; thậm chí — dĩ nhiên không phải trường hợp Ursula Lies—, đáng buồn hơn, còn tùy thuộc cả vào miếng cơm manh áo, an

toàn bản thân, hộ khẩu gia đình v..v.. Cho nên đây là điều tôi không muốn mất thì giờ thảo luận.

Tôi muốn tập trung góp ý với Ursula Lies về những điểm cụ thể mà tôi nghĩ là thiếu sót hay sai lầm. Tuy nhiên tôi cũng xin nói rõ là tôi đã không đọc những đoạn liên quan đến phương pháp luận của các tác giả kinh điển thuộc chủ nghĩa Mác-Lênin cũng như trọn chương IV, tức chương viết về tiểu thuyết hiện đại. Qua chín năm bị giải phóng, tôi có đủ thì giờ để thu góp kiến thức ở hai địa bàn vừa kể. Giờ đây có nhiều điều khác mà tôi xem là bổ ích, quan trọng và đáng đọc hơn.

Một số đầu đề truyện Nôm bị dịch sai. Chỉ nguyên phần *Anmerkungen* (Chú thích) đã phạm một số lỗi lầm.

Truyện *Hoa Tiên* không phải là truyện về cái hoa kỳ diệu, linh dị (*die Geschichte von der zauberhaften Blume*): Chữ *tiên* trong *Hoa Tiên* không phải là hình dung từ, mà hợp với hoa thành một danh từ. *Hoa tiên* là tờ giấy có vẽ hoa dùng để viết thư viết thiếp. Trong truyện, Lương Sinh và Dao Tiên thề nguyền đính ước, lời thề viết trên mảnh hoa tiên, mỗi người giữ một mảnh làm tin, do đó mà thành tên truyện. P. Huard và M. Durand trong *Connaissance du Việt Nam* dịch là *lettre fleurie*. Hán văn viết chữ *tiên* này với bộ *trúc*, thay vì bộ *nhân*.

Tên tác phẩm của Lý Văn Phức không phải là *Tây sương chiểu*, cũng chẳng có nghĩa là *Westlicher Tau*. *Sương* ở đây là chái nhà. Nhà thơ Việt Nam đã chuyển thể *Tây sương* từ kịch bản *Tây sương ký* của Vương Thực Phủ đời Nguyên. Trong *Geschichte der chinessischen Literatur* do P. E. Feifel hiệu đính (*Wissensechaftlieche Buchgesellschaft Darmstadt*, 1959) *Tây sương ký* được dịch là *Das Westzimmer*. U. Lies đã tưởng rằng *sương* là sương mù.

Một tác phẩm khác cuả Lý Văn Phức, *Ngọc Kiều Lê*, không phải đề cập đến *das Maedchen Ngọc Kiều Lê*. Hai nhân vật nữ chính trong truyện là hai chị em họ tên là Bạch Hồng Ngọc và Lư Mộng Lê, nhận vật nam chính là Tô Hữu Bạch. Chẳng có nhân vật nào tên Ngọc Kiều Lê cả. Bởi vậy khi ngyuên tác Trung văn được dịch sang tiếng ngoại ngữ, nó mang tên là:

- *Iu Kiao Li* ou *Les deux cousines* (Abel Rémusat),
- *Iu Kiao Li* (*Les deux cousines*) (Stanislas Julien),
- *Iu Kiao Li* or *The two fair cousins* (Hunt and Clarke),
- *Iu Kiao Li* or *de two Nichten* (Van der Hoek).

Bản dịch *Trung quốc tiểu thuyết sử lược* của Lỗ Tấn sang tiếng Pháp

do Ch. Bisotto chấp bút, nhà xuất bản Gallimard, gọi *Ngọc Kiều Lê* là *Yu Jiao Li* nhưng lại thêm rằng đầu đề tác phẩm ngày nay đã được chữa lại là *L'étrange destin de deux jeunes beautés* (Số phận kỳ lạ của hai mỹ nhân trẻ tuổi).

Tôi không hiểu tại sao tác giả lại dịch *Việt Lam xuân thu* thành *Das schwere Leben der Vietnamesen* (Cuộc đời khó khăn, vật vả của người Việt Nam). *Việt Lam xuân thu* - còn có tên là *Hoàng Việt xuân thu* hay *Việt Lam tiểu sử* — là một bộ tiểu thuyết lịch sử bắt đầu với việc nhà Trần suy vi, Hồ Quí Ly chiếm ngôi, và chấm dứt vào thời điểm Lê Thái Tổ lên ngôi sau khi bình định giặc Minh. Vì không có để đọc các tài liệu của miền Nam nên Ursula Lies khẳng định là tác phẩm này cho đến nay không được các tư liệu tham khảo về văn học Việt Nam đề cập đến. Sự thực không những Dương Quảng Hàm trong *Việt Nam văn học sử yếu* đã đan cử *Việt Lam xuân thu* mà Ủy ban Dịch thuật Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa đã phát hành bản dịch này sang tiếng Việt năm 1971 kèm theo phần chụp lại nguyên tác chữ Hán.

Cũng vì cùng một lí do, tác giả quả quyết cho đến nay không hề có thông tin nào liên quan đến *Giai nhân kỳ ngộ* của Phan Châu Trinh được các công trình nghiên cứu văn học sử ghi nhận mà bà chỉ thu góp các dữ kiện liên hệ đến thi phẩm của Hy Mã tiên sinh từ một trước tác của Bùi Duy Tân. Bà không biết rằng năm 1958, nhà xuất bản Hướng Dương ở Sàigòn đã công bố toàn phần *Giai nhơn kỳ ngộ diễn ca* dưới nhan đề *"Phan Châu Trinh. Giai nhân kỳ ngộ (anh hùng ca),"* do Lê Văn Siêu giới thiệu và bình chú.

Ở trang 67, đầu đề một truyện trong *Truyền kỳ mạn lục* bị dịch nhầm. *Khoái-châu nghĩa phụ truyện* không nói đến một người *"Pflegevater"* nào cả. Truyện kể về nàng Nhị Khanh, một thiếu phụ có nhan sắc và rất kiên trinh. Ursula Lies đã nhầm tưởng chữ *phụ* trong *nghĩa phụ* là cha, trong khi thực ra *phụ* ở đây chỉ là đàn bà. Nếu bà có bản dịch của Bùi Xuân Trang do Bộ Quốc gia Giáp dục xuất bản năm 1962 ở Sàigòn — trong đó đầu đề từng truyện đều có ghi kèm chữ Hán — thì đã tránh được sai sót này. Cũng đối với một truyện khác trong công trình của Nguyễn Dữ, chuyện *Chức phán sự ở đền Tản viên*, Ursula Lies dịch *phán sự* là *Dichter. Phán sự* là một viên chức phụ trách công văn sổ sách ở các cơ quan công quyền, không phải là con nhà hàn mặc.

Nơi trang 101, các nhân vật trong *Phạm Công Cúc Hoa, Tống Trân Cúc Hoa* và *Bích câu kỳ ngộ* đều *"die Beamtenpruefung mit Erfolg bestehen und*

ein hoeheres Amt zugewiesen bekommen" (đỗ đạt cao các kỳ thi tuyển trạch công chức — ý nói các kỳ thi Hương, thi Hội, thi Đình — và được phong chức vị cao cấp). Tú Uyên trong *Bích câu kỳ ngộ* có hề bao giờ đi thi đâu? Chàng gặp nàng tiên Giáng Kiều, ngược đãi người đẹp khi say sưa rượu chè, được Giáng Kiều tha thứ vì thấy chàng thành tâm hối hận, cùng Giáng Kiều sinh ra Chân Nhi rồi cuối truyện cả hai người cưỡi hạc lên tiên. Chuyện chỉ có thế.

Trang 68: không phải *Geschichte vom Schloss Vương* mà phải là *Geschichte vom Schloss* Hạng Vương.

Trang 112: không phải *Tô công phụng* mà là *Tô công phụng sứ*.

Trang 115: không phải *Đông Châu Nguyễn Hữu* mà là *Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến*.

Trang 155: không phải *Tieng dang tan thoai* mà là *Tiễn đặng tân thoại*.

Có một khái niệm Ursula Lies dùng mà tôi nghĩ nát óc cũng vẫn không hiểu nổi hàm nghĩa: trang 105, bà đề cập đến *Caizijiaren-Thematik*. *Ich verstehe nur Bahnhof!* [1]

Giá có *Việt Nam văn học sử yếu* để tra cứu, tác giả sẽ biết là Nguyễn Văn Vĩnh sinh năm 1882, mất năm 1936; Phan Kế Bính sinh năm 1875, mất năm 1921 và bà đã không ghi ở hai trang 163 và 164: *Die Lebensdaten (...) sind nicht bekannt.*

Bích câu kỳ ngộ (tr. 161) được dịch là *Die Geschichte eines seltsamen Bildes* (Câu chuyện một bức tranh kỳ lạ). Dịch như thế không hẳn sai nhưng không tôn trọng tiêu chuẩn truyền thống *tín* của nghệ thuật chuyển dịch cổ truyền phương Đông.[2] Nghĩa tiếng Việt của *Bích câu kỳ ngộ* là "cuộc gặp gỡ kỳ lạ bên ngòi biếc"; vậy có lẽ nên chuyển thành *Die merkwürdige Begegnung am blauen Bach*. Cách dịch này có ưu điểm là thống nhất với cách dịch các đầu đề những truyện Nôm khác trong toàn bộ tác phẩm.

Thể loại *văn* được gọi bằng tiếng Đức là *Lied zur Beerdigung*[3] (tr. 32). Gọi thế vừa quá bi ai, vừa thiếu chính xác. trong nền văn học của cha ông chúng tôi, thể *văn* không đắc dụng lắm. Dùng để khóc thương người quá cố có *Ai tư văn* của Ngọc Hân công chúa, có bài *văn* của Minh Đô Vương Trịnh Doanh nhớ bà chúa Vang. Nhưng *văn* chẳng phải chỉ có chức năng đó. Bài *Tự tình văn* của Nguyễn thị Ngọc Vinh trần tình với chúa Trịnh sau khi bị thất sủng; bài *Ngọa Long cương văn* của Đào Duy Từ mượn tài trí và sự nghiệp của Gia Cát Khổng Minh để tự tỷ và tự kỳ; bài *Tư Dung văn* cũng của vị công thần triều Nguyễn thác ngụ chí khí qua ca tụng vẻ

đẹp của bể Tư Dung. Do đó, theo tôi, *văn* nên dịch là *Trauerlied* nhưng nên ghi thêm: *woertlich*, vừa để nhấn mạnh tính cách trực dịch, vừa để biểu thị thể cách trình bày, vì bài *văn* thường là để ca. [4]

Tham khảo Bùi Duy Tân, Ursula Lies gọi một thi loại trữ tình khác là *ngâm khúc* (tr. 32). chúng ta đang ở lĩnh vực phân loại khoa học. Việc đề ra một thuật ngữ làm ranh giới để qui tụ trong đó tất cả các đối tượng cùng loại là tiền đề căn bản không thể thiếu. Nếu là ngôn gnữ hàng ngày, nếu không nhằm mục đích phân loại, thì gọi *ngâm khúc* cũng chẳng sao. Nhưng đang làm công tác phân loại thì *ngâm* là *ngâm*, *khúc* là *khúc*. *Ngâm* là đặc sản của Việt Nam, *khúc* là đặc thù của Trung Hoa.[5]

Phần mô tả ngôn ngữ văn học của hai loại *ngâm khúc* và *vịnh* giống hệt nhau (tr. 32). Vậy thì tại sao lại chia làm hai? Từ bản chất, nền văn chương cổ Việt Nam vốn là nền văn chương sùng thượng đề vịnh, thù ứng. Đành rằng có một số có kèm theo chữ *vịnh*, ví dụ: *Tứ thời khúc vịnh* của Hoàng Sĩ Khải, *Vịnh bia văn miếu* của Trịnh Doanh, *Thương Ngô tạm vịnh* của Đoàn Nguyễn Tuấn, *Thu vịnh* của Nguyễn Khuyến và nhất là những bài *Vịnh cảnh* trong *Hồng Đức quốc âm thi tập* v..v..; đành rằng có cả những trước tác đồ sộ chỉ chuyên về vịnh, như *Việt sử tổng vịnh* của vua Tự Đức; nhưng những bài thơ ấy có thể điệu, thi cách gì riêng tư, đặc biệt đâu? Mà lại phân chúng thành hẳn một loại? Nơi trang 131, Ursula Lies trình bày bài *Vịnh ban tu thư* của Nguyễn Thiện Kế bằng tiếng Đức như là một mẫu mực của thể *vịnh*. Việc trích dẫn thi văn — vốn hết sức hiếm hoi trong *Literaturakademie der 28 Sterne* — này chẳng mang lại luận cứ thuyết phục nào để có thể xem *vịnh* là một thi loại riêng, vì đây chỉ là một bài thơ thất ngôn tám câu luật trắc, không hơn không kém.

Nếu đã đưa ra thi loại *vịnh* thì tại sao không kể hai thi loại *từ* và *hành*?

Từ là những bài thơ có thể phổ nhạc để cho ca nhi hát. Nó khác thơ Đường ở chỗ có câu dài câu ngắn, khác nhạc phủ ở cách luật hết sức nghiêm ngặt, khác thơ cổ phong ở số chữ cố định; nó có tiết điệu hết sức chặt chẽ, nó tôn trọng qui tắc hiệp vận như một luật thép. Về hình thức thì thế. Về nội dung, từ đậm đà yếu tố cảm xúc, từ chủ yếu mang nặng dấu ấn trữ tình. Đội ngũ từ gia Việt Nam không đến nỗi quá hiếm hoi. Thế kỷ 10 đã có bài từ theo điệu *Vương lang qui* của Đại sư Khuông Việt Ngô Chân Lưu. Rồi đến những bài *từ* theo điệu *Xuân quang hảo*, *Cách phố liên* , *Bộ bộ thiềm* và *Nhất tiễn mai* của Liễu Hạnh tiên chúa. Ngô Chi Lan trong *Kim Hoa thi thoại ký* (*Truyền kỳ mạn lục*) cũng sáng tác bốn bài *từ*

vịnh bốn mùa. Hai nhân vật chính của *Sơ kính tân trang* từng làm *từ* theo điệu *Tây giang nguyệt* và *Nhất tiễn mai*. *Thơ Hồ Xuân Hương* của Nhà xuất bản *Văn Học*, Hà nội, 1982, ghi ở trang 84 một bài *từ* theo điệu *xuân đình lan*. Theo *Lịch triều tạp kỷ*, năm Nhâm Dần 1722, nhân cả nước được mùa to, chúa Trịnh Cương đã làm một bài *từ* về phong niên theo điệu *Kiều dương cách*. Trong *Vân đài loại ngữ*, mục *Phẩm vật loại*, Lê Quí Đôn nhắc đến một bài *từ* điệu *Trúc chi*; mà dáng dấp nhiều khi có thể nhận ra trong thể *hát nói* dân tộc; mà Trần Trung Viên trong *Văn đàn bảo giám*, quyển III, trang 56, cũng ghi lại một bài với đầu đề *Hà Nam tức sự*. Điệu *Tô mộ già* đã được Ngô Thì Sĩ vận dụng trong *Anh ngôn thi tập*. Khi Tản Đà viết bài *Tống biệt* bất hủ là theo điệu *Hoa phong lạc*. Phạm Quí Thích trong *Kim Vân Kiều tân truyện* đã *điền từ* khá nhiều. Bản thân Thúy Kiều cũng là một từ già có hạng:

Này mười bài mới mới ra
Câu thần lại mượn bút hoa vẽ vời

đều là những bài *từ* theo các điệu: *Tích đa tài, Lận bạc mệnh, Bi kỳ lộ, Ursula Lies cố nhân, Niệm nô kiều, Ai thanh xuân, Ta kiển ngộ, Khổ linh lạc, Mộng cố viên, Khốc tương tư*. Nhân vật Tô Hữu Bạch của Lý Văn Phức cũng từng làm một lúc chín bài *từ* vịnh Hồng lê:

Hồng lê say vẻ hoa xuân,
Khúc từ mong chế mấy vần thưởng hoa.

Tùng Thiện Vương Miên Thẩm đã dựa vào điệu *Trúc chi* để viết về cảnh vật đất Long biên. Riêng một mình Đào Tấn đã *điền từ* theo gần hai mươi điệu! [6]

Có thi cách riêng tây, có nội dung đặc thù, có đội ngũ tác gia không đến nỗi thưa thớt, *từ* ít nhất cũng xứng đáng hơn *văn* để được nêu tên họ trên danh sách phân loại thi ca trữ tình của Việt tộc.

Hành là một bài thơ thuộc loại Nhạc phủ trong thơ cổ phong biến ra, theo thể thất ngôn hoặc ngũ ngôn, thường khá dài hoặc dài — từ thường tương đối ngắn —, không theo đúng bằng trắc của luật Đường mà theo cổ thể phóng túng. Dương Quảng Hàm trong *Văn học Việt Nam* cho rằng: *những bài thất ngôn nào dài quá tám câu và ngũ ngôn dài quá mười sáu câu gọi là tràng thiên (thiên dài) hoặc hành (chạy dài)*. Nếu *từ* thiên hướng trữ tình thì *hành* luôn luôn vừa tự sự vừa trữ tình. Nổi tiếng nhất trong kho tàng văn học Việt Nam là bản dịch *Tỳ Bà Hành*. Dài nhất là *Hương Miệt Hành*, gồm một trăm lẻ hai câu thơ thất ngôn chữ Hán. Nhưng nhiều tác giả khác cũng sáng tác theo thi loại này. Phùng Khắc Khoan có *Đào Nguyên*

hành; Nguyễn Du có *Sở kiến hành, Dự Nhượng chủy hành, Trở binh hành*; Đoàn Nguyễn Tuấn có *Dục Thúy sơn hành, Hồ phụ hành, Lạng Sơn ác hành*; Cao Bá Quát có *Dương phụ hành, Kim nhật hành, Thượng lưu điền hành, An Trường hành*; Nguyễn Khuyến có *Ly phụ hành* ...

Như vậy có nên dành cho *hành* một chỗ đứng trong đề mục phân loại thi ca trữ tình?

Ursula Lies chỉ mới đến tuổi *bất hoặc*, nhưng có lẽ bà nên bắt đầu nghi ngờ. Bà cũng chỉ mới được truyền thụ công lực do một phái võ mà võ lâm giang hồ đều công nhận là tà phái.

Quê hương của bà có một điểm giống quê hương nòi Việt chúng tôi: sự chia cắt lãnh thổ do những mưu đồ chính trị quốc tế. Cùng cảnh ngộ còn có Triều Tiên[7]. Nhưng nếu Thượng Đế — và xét về điểm này thì Thượng Đế chắc phải là người da trắng — đã sắp xếp cho nước Đức của bà thống nhất theo một kiếp vận oan nghiệt thảm khốc. Còn Cao Ly thì chưa biết Ơn Trên sẽ dành cho dân tộc này định mệnh nào. Trên thế giới hiện nay chỉ còn vẻn vẹn bốn quốc gia đau thương vì chủ nghĩa cộng sản, mà trong số bốn quốc gia đó, lại nhè có ngay Việt Nam!

Nhờ sự an bài của Thượng Đế da trắng, Ursula Lies có cơ hội tiếp thu những luồng tư tưởng mới, và cụ thể hơn, những thái độ phê phán văn học sử mới. Vấn đề là bà có muốn *probieren* [8] không. Nếu, việc tìm đọc những tư liệu "phi xã hội chủ nghĩa" chẳng có gì khó khăn đối với bà. Và nếu bà cho phép thì người viết bài này xin giới thiệu với bà cuốn *Văn học Việt Nam dưới chế độ cộng sản*, Nhà Xuất bản Văn Nghệ, 1991, của Nguyễn Hưng Quốc, là cuốn sách đầu tiên có lẽ bà nên đọc. Như là một hành trang tri thức mới trên con đường biên khảo văn học Việt Nam, mà coi như bà chỉ mới đặt vài bước chân dè dặt. ❑

Chú thích

(1) Thành ngữ tiếng Đức tương tự như nói: Tôi đành chịu bí.

(2) Người xưa cho rằng khi dịch phải tín tức là trung thành với nguyên ý, nguyên tác; *đạt* là truyền cảm được tư tưởng tâm tình và **nhã** là chọn được câu văn lối thơ hay đẹp.

(3) Bài ca mai táng.

(4) *Trauerlied*: bài hát buồn nhớ, *woertlich*: sát nghĩa.

(5) Trong tiến trình văn học, mỗi triều đại Trung Hoa có một thi loại nổi tiếng, xuất sắc. Phú đời Hán rực rỡ một thời, cũng giống như Đường thì có **thi**, Tống thì có *từ*, Nguyên thì có *khúc*.

(6) Trần Văn Tích. *Sự muộn năm cũ*. Làng văn xuất bản, Toronto, Gia nã đại, 1992, tr. 55 đến tr. 68.

(7) Tôi không muốn nghĩ đến Trung Hoa vì Đài loan so với Hoa lục quá chênh lệch về diện tích, dân số.

(8) *Probieren*: thử, thử nghiệm.

Ghi chép

Nguyễn Huy Thạch

Mục Ghi Chép mở ra trên Văn Học kể từ số báo này sẽ ghi lại những người và việc liên quan đến sinh hoạt văn học nghệ thuật. Mục này, trong điều kiện cho phép, cũng sẽ ghi lại những người và việc liên quan đến đời sống văn học nghệ thuật trong nước. Đôi khi người viết cũng nhân đó đưa ra những ý nghĩ..rời về những sự việc vừa xảy ra, đang nói tới.

Chuyện Nobel Văn chương

Book Review của nhật báo *Los Angeles Times* số Chủ Nhật 2 tháng Mười vừa qua đã dành hai trang cho một cái nhìn toàn diện về Giải Nobel Văn chương. Dưới tựa đề "Con Đường đi tới Giải thưởng", nhà báo Peter Johnson viết: "Đừng hỏi tổ quốc đã làm gì cho bạn, nhưng hãy hỏi bạn làm thế nào có thể mang về cho tổ quốc Giải Nobel?".

Một bản đồ thế giới chia năm vùng đất của những quốc gia:

1. Không có giải Nobel nào.
2. Chỉ có một giải.
3. Từ 2 đến 4 giải.
4. Từ 5 đến 9 giải.
5. Từ 10 giải trở lên.

Việt Nam nằm trong vùng đất số 1. Các nước Mễ Tây Cơ, Colombia, West Indies (thuộc vùng Caribe, với tác giả Derek Walcott), Nigeria, Ai Cập, Nam Phi, Ấn Độ, Nhật, Phần Lan, Tiệp Khắc, Nam Tư, Bảo Gia Lợi thuộc vùng đất số 2. Các quốc gia thuộc vùng đất số 3 gồm Na Uy (3 giải), Liên Xô (4), Ba Lan (2), Hy Lạp (2),Chile (2). Những nước chiếm từ 5 đến 9 giải là: Hoa Kỳ (8), Anh quốc (7), Tây Ban Nha (5), Đức (6), Thụy Điển (7), Ý Đại Lợi (5). Chỉ có một quốc gia chiếm đa số tuyệt đối tính đến nay là nước Pháp: 13 giải.

Trên bản đồ giải Nobel Văn Chương, người ta ghi nhận mấy điểm sau đây:

• **Toni Morrison**: Người Mỹ gốc Phi Châu đầu tiên đoạt giải năm 1993.

• **Derek Walcott** (Tây Ấn):

Người Ca-ri-bê đầu tiên đoạt giải năm 1992.

• **Naguib Mafouz**: (Ai Cập): Người Á Rập đầu tiên đoạt giải năm 1988.

• **Wole Soyinka** (Nigeria): Người da đen đầu tiên đoạt giải năm 1986.

• **Rabindranath Tagore** (Ấn Độ): Người đầu tiên không phải dân Âu châu đoạt giải năm 1913.

Diễn trình của giải Nobel Văn Chương

1. Nobel Văn chương không trao cho tác giả nào chỉ có một tác phẩm. Trong rất nhiều trường hợp, nhà văn chỉ hy vọng bước vào chung kết nếu tác giả đó đã nhiều lần và liên tục được đề nghị giải này.

2. Mỗi năm, vào ngày 1 tháng Hai, Hàn Lâm Viện Văn Học Thụy Điển - Hiệp hội Nhà văn và các vị Hàn Lâm- đưa đề nghị các tác giả vào danh sách giải Nobel Văn Chương.

3. Tác giả không được quyền tự đề nghị mình vào danh sách dự giải. Chỉ có các Viện sĩ Hàn Lâm; các nhân vật thuộc các tổ chức tương tự như Hàn Lâm Viện Văn Chương; các giáo sư hoặc các nhà văn từng đoạt giải Nobel văn chương; và những nhân vật thực sự dính líu đến văn chương.

4. Khi Hàn Lâm Viện bước vào chung quyết thì 12 trong số 18 thành viên sẽ khởi sự bỏ phiếu. Nếu không có tác giả nào đạt được quá bán số phiếu thì giải sẽ được hoãn lại cho năm tới.

5. Tên của các nhà văn được đề cử cũng như việc bỏ phiếu sẽ không được công bố. Quyết định của Viện Hàn Lâm là chung quyết.

6. Giải Nobel Văn Chương sẽ được công bố từ Toà Nhà Thị Trường Chứng Khoán Hoàng Gia ở Stockholm đúng 1 giờ chiều một ngày thứ Năm của Tháng Mười.

7. Ngày trao giải là ngày 10 tháng Mười Một, đúng vào ngày mất của ông Nobel. Người đoạt giải sẽ nhận một huy chương vàng, một bằng tưởng thưởng trong đó có ghi những lý do tại sao Hàn Lâm Viện trao giải và một ngân phiếu (tùy theo từng năm).

Mấy trường hợp đặc biệt

• **Jean-Paul Sartre** từ khước giải Nobel năm 1964. Ông bảo là "hào quang" của giải Nobel văn chương sẽ tước đoạt sự tự do suy nghĩ và phát biểu.

• **George Bernard Shaw** gần như từ chối giải năm 1925, nhưng cuối cùng ông trao tiền thưởng giải này cho một quỹ dịch văn chương Thụy Điển sang tiếng Anh.

• Liên Xô không cho phép hai nhà văn **Boris Pasternak** và **Alexander Solzhenytsin** nhận giải trong những năm 1958 và 1970.

• **Leo Tolstoy** bị từ chối tặng giải mặc dù được vận động mạnh mẽ. Lý do là vì ông "thuyết giảng chủ nghĩa vô chính phủ chống lại giáo hội Cơ đốc chính thống Nga," và bởi vì ông đã quan niệm "tất cả những biến cố lịch sử xảy ra đều do sự tình cờ ngẫu nhiên."

• **Graham Greene** luôn luôn được đề nghị nhưng chưa bao giờ đoạt được giải. (Ông Hàn Artur Lundkvist có lần tiết lộ rằng ông cho rằng Greene quá nổi tiếng, ông ấy không cần tiền.)

Những người đoạt giải Nobel nhưng có lẽ không bao giờ bạn nghe tiếng.

Jacinto Benavente
Giosue Carducci
Grazia Deledda
Rudolph Eucken
Paul Heyse
Carl Spitteler
Sully Prudhomme

Tiền thưởng

Giá trị bằng tiền của giải Nobel Văn chương tùy thuộc vào tiền lời của việc đầu tư. Dưới đây là tiền thưởng Nobel Văn chương trong những năm qua:

1911 : $40,000
1921 : $40,000
1930 : $46,000
1950 : $32,000
1960 : $44,000
1970 : $78,000
1975: $143,000
1980 : $212,000
1985 : $225,000
1990 : $700,000
1993 : $825,000
1994 : $930,000

Kenzaburo Oe: Nobel Văn chương 94

Sau 26 năm đây là lần thứ hai Nhật Bản được giải Nobel Văn chương. Hàn Lâm Viện Thụy Điển hôm Thứ Năm 13 tháng Mười, đã loan báo tặng giải này cho văn hào Kenzaburo Oe (đọc là Ô-ê) năm nay 59 tuổi. Năm 1968, văn hào Nhật đầu tiên được thưởng giải Nobel là Yasunari Kawabata, tác giả cuốn *Ngàn cánh hạc*. Mặc dù khi nghe tin được giải, nhà văn Oe nói đây là sự tặng thưởng cho tất cả nền văn học Nhật Bản chứ không phải cho công trình của ông, nhưng Hàn Lâm Viện Thụy Điển trong bản thông cáo đã nêu ra những điểm rất đặc sắc của các sáng tác của Oe, và cho rằng ông chịu nhiều ảnh hưởng của nền văn học Tây phương. Tuy nhiên, ông cũng đã tự tạo ra một lối hành văn đặc sắc, linh động năng nổ và mạnh dạn đi thẳng vào những vấn đề đặt ra, khác hẳn với lối diễn tả truyền thống của văn chương Nhật Bản. Kenzaburo Oe trưởng thành trong một nước Nhật bị quân Mỹ chiếm

đóng và các tác phẩm của ông đã bị ám ảnh bởi sự thất trận của Nhật Bản. Hàn Lâm viện Thụy Điển nhận xét: "Sự tủi nhục đã xâm chiếm tâm hồn ông, và đã nổi bật trong phần lớn các tác phẩm của ông, tạo thành những bức họa nhiều màu sắc kỳ diệu." Một trong những tác phẩm quan trọng nhất của ông là cuốn *Tiếng Kêu Thầm Lặng* xuất bản năm 1967, với chủ đề mối tương quan giữa các dân tộc trên thế giới, mà theo ông mô tả "những kiến thức, những đam mê, những mộng ước, những tham vọng và hành động của con người đã trộn lẫn tất cả với nhau." Nhà văn Oe cho biết ông đã bị ảnh hưởng rất nhiều bởi kịch tác gia và tiểu thuyết gia Kobo Abe, cùng nhà văn Masuji Ibuse. Hai nhà văn này đã từ trần năm ngoái. Oe nói: "Nhờ những gì mà các tiểu thuyết gia hiện đại đã xây dựng... ngày nay tôi mới có thể được nhận giải Nobel khi tôi còn sống." Nhưng sự nghiệp của Oe có dính liền với thân thế của ông. Nước Nhật thời hậu chiến và dưới sự chiếm đóng của quân Mỹ, Oe lúc đầu là một nhà phê bình thiên tả. Nhưng ông đã thay đổi vì một biến cố xảy ra trong cuộc đời của ông. Đó là vào năm 1963, khi đứa con đầu lòng của ông ra đời với tật hoại não bẩm sinh. Năm sau 1964, cuốn tiểu thuyết đặc sắc nhất của ông ra đời. Đó là cuốn *A Personal Matter* (Vấn Đề Riêng Tư), thuật lại chuyện một người cha quá đau khổ khi thấy đứa con đầu lòng của mình sinh ra đã mang chứng tật nguyền. Người cha tuyệt vọng đi vào trác táng, nghiện rượu đến nỗi bị mất việc, lấy một cô tình nhân trẻ, rồi âm mưu với cô này để giết con. Nhưng cuối cùng người cha đã bừng tỉnh sau cơn mê và đã nhận lấy trách nhiệm của kẻ làm cha để nuôi đứa con tật nguyền. Kenzaburo Oe muốn nói gì trong chuyện này? Không phải chỉ nói chuyện riêng của ông mà thật ra ông muốn đem hình ảnh đứa con tật nguyền, óc bị hư hoại, để làm biểu tượng cho nước Nhật ngày nay, một nước Nhật đã biến đổi quá nhiều so với nước Nhật thời xưa. Oe bị ám ảnh bởi hình ảnh đứa con tật nguyền khiến tất cả những tác phẩm về sau này của ông đều dính dáng đến hình ảnh đau thương đó. Cậu con trai đầu lòng của Oe, Hikari, năm nay đã 31 tuổi, nhưng khả năng đọc và viết không hơn một đứa trẻ là bao. Thế nhưng điều bất ngờ nhất là cậu này đã tỏ ra có năng khiếu lạ lùng về âm nhạc. Hikari đã trở thành một nhà soạn nhạc nổi tiếng và những bản nhạc của Hikari đã được nhiều lần trình diễn và ghi âm trong hai tuyển tập. Oe là con thứ ba trong một gia đình có bảy người con ở đảo Shikoku thuộc miền Nam nước

Nhật. Khi Đệ nhị Thế Chiến chấm dứt, cậu bé Oe chỉ mới lên mười. Kenzaburo theo học ở Đại học Tokyo, chuyên về văn học Pháp. Tiếp đó ông nhảy sang lãnh vực kịch. Oe bắt đầu viết truyện ngắn ngay từ lúc còn theo học đại học, và được thưởng giải Akutagawa của Nhật, dành cho các tác giả trẻ tuổi. Ngày 10 tháng Mười Hai tới đây giải sẽ được trao tặng tại Stockholm, Thụy Điển. Trong số sau, Văn Học sẽ giới thiệu đầy đủ hơn về cuộc đời và văn nghiệp của Oe.

Tác phẩm đã được dịch sang Anh ngữ

Bạn đọc Văn Học muốn tìm hiểu thêm về nhà văn này có thể tìm mua hay mượn ở các thư viện đại học hay cộng cộng địa phương những tác phẩm đã được dịch ra Anh ngữ như sau:

Tiểu thuyết

The Catch, Japan Quarterly (1958); *A Personal Matter*, Grove Press (1959); *The Silent Cry*, Kodansha International (1974); *Teach Us to Outgrow Our Madness*, Grove Press (1977); *The Crazy Iris and Other Stories of the Atomic Aftermath*, Grove Press (1984),

Biên khảo

Hiroshima Notes, YMCA Press (1963); *Japan's Dual Identity: A Writer's Dilemma*, WLT (1988).

Lại chuyện Nobel Văn Chương

Ngày 15 tháng 10, nhật báo *Los Angeles Times* đưa tin nhà văn Ai Cập Naguib Mafouz bị một người Hồi giáo quá khích dùng dao đâm vào cổ, ngay tại tư gia của ông ở ngoại ô thành phố Cairo. Năm nay 83 tuổi, lại mang bệnh tiểu đường lâu năm, nay mắt gần mù, tình trạng sức khoẻ của Naguib Mafouz được nhà chức trách loan báo là "ở trong tình trạng khả quan".

Vào khoảng 6 giờ chiều ngày thứ Sáu 14 tháng 10, một người đàn ông từ trên một chiếc xe Mercedes màu trắng, mang bảng số từ Suez ở Bắc Ai Cập, dùng dao đâm nhiều nhát vào cổ nhà văn. Sau đó, hung thủ dùng xe trốn thoát nhưng đã bị nhà chức trách bắt giữ vào hôm sau, thứ bảy 15 tháng 10.

Naguib Mafouz thuật lại ông có cảm tưởng hung thủ muốn đến gần để bắt tay thăm hỏi. Trả lời trong một buổi phỏng vấn gần đây nhân có những lời đe dọa hãm hại, nhà văn tỏ ý coi thường những lời hăm dọa đó, và nói: "Biết đâu Chủ Nhật này có người dọa giết, nhưng qua Thứ Hai tôi sẽ chết vì tuổi già."

Những sự đe doạ tính mạng nhà văn được giải Nobel 1988 này xuất phát từ một tác phẩm của ông viết năm 1959 có nhan "Con cái của Gebelawi", một cuốn tiểu thuyết chính trị đề cập đến Jesus Christ, Mohammed và đã gây nhiều phản

ứng chống đối từ những người Hồi giáo cuồng tín.

Tin vui trong làng văn

Thời gian gần đây, hai khuôn mặt quen thuộc trong văn giới Sàigon trước 75 đã đến định cư tại Hoa Kỳ. Đó là các ông Lê Ngộ Châu, Chủ nhiệm tạp chí *Bách Khoa*, và Tạ Chí Đại Trường, tác giả nhiều cuốn sách nghiên cứu lịch sử và gần đây nhất là cuốn *Việt Nam: Nhìn từ Bên Trong và Bên Ngoài*. Văn học xin chúc mừng hai anh Lê Ngộ Châu và Tạ Chí Đại Trường. Riêng Tạ Chí Đại Trường, từ trong nước đã gởi nhiều bài biên khảo giá trị đăng tải trên Văn Học, Văn Lang. Nhà xuất bản Thanh Văn cũng đã in tập hồi ký cải tạo *Một Khoảnh Việt Nam Cộng Hoà nối dài* của anh năm 1993. Vì không có mặt tại Hoa Kỳ để sửa chữa bản in, cuốn sách có một số sai lầm quan trọng. Nhân đây, tác giả và nhà xuất bản xin đính chính một số điểm trong cuốn hồi ký nói trên:

- Trang 117, giòng cuối: **Tổng trưởng** xin đọc là **Tổng thống**
- Trang 230: **Về đây nắng buốt cả ngày** xin đọc là **...nắng suốt cả ngày**
- Trang 255: **Phan Bá Cầm và Hà Thúc Ký** xin đọc là **Phan Bội Châu và Huỳnh Thúc Kháng.**❑

Cùng quý độc giả dài hạn

Kể từ số này, Văn học có một vài thay đổi về mặt quản trị nhằm phục vụ độc giả dài hạn một cách hữu hiệu hơn, tránh những trường hợp lầm lẫn đã xảy ra trong quá khứ khiến độc giả phải phiền lòng. Thay đổi trước nhất là việc ghi mã số thời hạn mua báo lên nhãn địa chỉ. Trên nhãn, dòng đầu tiên có hai con số: Con số ghi ở phía trái là số đăng ký, nhằm phân biệt độc giả này với độc giả khác, trong trường hợp cả hai trùng tên. Con số phía phải, gồm bốn con số, ghi thời hạn của số báo sau cùng mà độc giả đã đặt mua. **Hai con số đầu là tháng hết hạn, và hai con số sau là năm hết hạn.** Ví dụ: **1194**, có nghĩa là độc giả sẽ nhận được số báo sau cùng là số tháng **11** năm **1994**. Ngoài ra, trên nhãn địa chỉ còn có ghi hàng chữ **XIN GIA HẠN** đối với độc giả nào sẽ mãn hạn trong vòng 3 tháng tới.

Trong chiều hướng phục vụ độc giả dài hạn, ba nhà xuất bản Văn Nghệ, Thanh Văn và An Tiêm đồng ý tặng không, và giảm giá, một số sách giá trị trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 1994 đến hết tháng 2 năm 1995. Xin xem chi tiết ở danh mục trong các trang sau. Văn Học mong mỏi quý độc giả cổ động, khuyến khích thân hữu mua báo dài hạn để có phương tiện phục vụ bạn đọc ngày càng tốt đẹp hơn.

tòa soạn với bạn đọc

Thư nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Tôn thất Tuân Ontario Canada; Buu Dich Roswell MN; Nhà sách Trung Việt Montréal Canada; Nguyen Thu Giao Modesto CA; Ly Le Tran Upper Montclair NJ; Trần văn Sơn Van Nuys CA; Suzy Ngo Canoga Park CA; Bùi văn Học Germany.

Bài nhận được trong tháng:

Về Bạc liêu gửi từ Ontario Canada; Phế tích gửi từ Victoria Australia; Bóng tối gửi từ Seattle WA; Nằm đêm gửi từ San Francisco CA; Chia cả anh rồi..., Một lần gửi từ Montery Park CA; Acid, Chạnh nhớ chiều xưa Hồ Dzếnh gửi từ Garden Grove CA; Nhớ, gửi từ Westminster CA; Bao Dung, Hóa thân gửi từ Knoxville TN; Nắng và Hoa gửi từ Berlin Germany; Tranh mộc bản Bầu và Bí gửi từ Burkittsville MD; ở bên này, Munich gửi từ Germany.

Báo nhận được trong tháng:

Nắng mới số 36 tháng 9.1994, *Hợp lưu* số 19 tháng 10 & 11.1994,

Sách nhận được trong tháng:

Dòng sông sữa mẹ, tập truyện của Nguyễn Lê Hồng Hưng, Cái Đình, Hòa Lan xuất bản, Tựa của Ngô Nguyên Dũng, gồm 13 truyện ngắn, sách dày 156 trang, giá 10 MK. Nguyễn Lê Hồng Hưng sinh trưởng ở Cà Mau, sang định cư tại Hòa Lan từ 1979, hiện là thủy thủ của tàu viễn dương Hòa Lan, có sáng tác đã đăng trên các tạp chí *Quê mẹ, Độc lập, Măng Non, Ái hữu, Lửa Việt, Làng Văn, Văn Học, Đẹp...*

Theo nhận định của nhà văn Ngô Nguyên Dũng, "mười ba truyện ngắn trong tập truyện đầu tay của Nguyễn Lê Hồng Hưng đều lấy bối cảnh một làng nhỏ ven sông Đốc vàm, miền cực nam nước Việt và cũng là quê hương tác giả...Từ đó văn chương không còn là một cái gì cao xa vĩ đại nữa. Không phải là kỹ thuật dựng chuyện tuyệt vời. Không phải là những triết lý mông lung. Không phải là những tư tưởng vá trời lấp biển. Cũng không phải là phương tiện để đạt tới một mục đích nào đó. Với Nguyễn Lê Hồng Hưng, qua tập truyện này, văn chương chỉ là một đốm sáng rất khiêm tốn, rất bình dị. Nhưng rực rỡ một tấm lòng với quê hương".

Địa chỉ liên lạc:
Cái Đình
Den Uylstraat 36
8015 DZ Zwolle
The Netherlands

Ba nhà xuất bản VĂN NGHỆ, AN TIÊM và THANH VĂN có thiện ý biếu không hoặc bán với giá rẻ cho các độc giả VĂN HỌC mới mua báo dài hạn hoặc gia hạn trong thời gian từ 1-11-1994 đến cuối tháng 2-95. Sau đây là danh sách những cuốn sách biếu (có dấu hoa thị *) hoặc bán giá hạ (trừ 30%). Độc giả chọn một cuốn sách biếu, và ghi tên những cuốn mua thêm vào phiếu mua báo dài hạn gửi về Tòa soạn Văn Học. Ngay khi nhận được, chúng tôi sẽ gửi ngay báo, sách biếu và sách mua giá hạ cho quí vị theo bưu phí bookrate hoặc surface.

SÁCH VĂN NGHỆ

001 ĐỜI VIẾT VĂN CỦA TÔI (hết, sẽ tái bản)
Hồi ký Nguyễn Hiến Lê

002 TÙY BÚT (tái bản) 15MK
Võ Phiến

003 TÙY BÚT II 15MK
Võ Phiến

004 MÙA BIỂN ĐỘNG I (đã in lại lần 5) 8MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

005 MÙA BIỂN ĐỘNG II (đã in lại lần 3) 10MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

006 MÙA BIỂN ĐỘNG III (đã in lại lần 1) 13MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

007 BÈO GIẠT (MBĐ IV) 15MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

008 THA HƯƠNG (MBĐ V) 21MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

009 20 NĂM VĂN HỌC MIỀN NAM
(đã in lại lần 1) 14MK
Biên khảo Võ Phiến

010 KÝ THÁC (tái bản) 7MK
Tập truyện Bình Nguyên Lộc

011 THƠ HIỀN 6MK
Thơ Như Chi

*012 MƯỜI CÂU CHUYỆN VĂN CHƯƠNG 7MK
Tiểu luận văn học Nguyễn Hiến Lê

*013 HÓA RA NÉT CHỮ
LÊN ĐÀNG QUẤN QUANH 6MK
Thơ Ngu Yên

*014 TRẦM MẶC CÂY RỪNG 6MK
Tập truyện Võ Hồng

015 HỢP LƯU 7MK
Truyện dài Hồ Trường An

016 MÙA HÈ, MỘT NƠI KHÁC — 10MK
Tập truyện Phan Thị Trọng Tuyến

017 MỘT CHÚT RIÊNG TƯ — 10MK
Tập truyện đầu tay Mai Kim Ngọc

018 NGỰA NẢN CHÂN BON (đã in lại lần 2) — 9MK
Tập truyện Nguyễn Mộng Giác

019 TRUYỆN NGẮN I (hết)
Tập truyện Võ Phiến

020 TRUYỆN NGẮN II — 14MK
Võ Phiến

021 ĐÊM DÀI MỘT ĐỜI — 7MK
Truyện dài Lê Tất Điều

022 THƠ CAO TẦN — 6MK
Thi tập Cao Tần

023 TẠP LUẬN (hết)
Võ Phiến

024 CUỐNG RÚN CHƯA LÌA (tái bản) — 8MK
Tập truyện Bình Nguyên Lộc

*025 CON ĐƯỜNG THIÊN LÝ — 9MK
Tiểu thuyết Nguyễn Hiến Lê

*026 VÒNG ĐAI XANH — 8MK
Tiểu thuyết Ngô Thế Vinh

*027 TỰA ĐỀ Ở BÊN TRONG — 8MK
Thơ Ngu Yên

028 XỨ SẤM SÉT — 8MK
Tuyển tập Võ Đình

029 NỤ CƯỜI TRE TRÚC — 11MK
Tập truyện Kiệt Tấn

030 YÊU CON, DẠY CON NÊN NGƯỜI VIỆT (hết)
Đỗ Quý Toàn

*031 CON SUỐI MÙA XUÂN — 7MK
Tập truyện Võ Hồng

032 TÌM PHẬT Ở ĐÂU? (tái bản) — 7MK
Minh Tâm

*033 HOA BƯƠM BƯỚM — 9MK
Tiểu thuyết Võ Hồng

034 MUÔN KIẾP CÔ LIÊU — 14MK
Tiểu thuyết Mai Kim Ngọc

035 TIỂU THUYẾT II — 15MK
Võ Phiến

036 TỪ NGỤC VÀ TÂM THỨC LƯU ĐÀY 6MK
Thơ Nguyễn Ngọc Thuận

*037 NƠI TRẠI TRỪNG GIỚI 10MK
Tuyển tập dịch Vũ Huy Quang

*038 KIẾP NGƯỜI 13MK
Tiểu thuyết W.S. Maugham,
Nguyễn Hiến Lê dịch

*039 NHƯ CÁNH CHIM BAY 13MK
Tiểu thuyết Võ Hồng

040 HỒI KÍ TẬP I 14MK
Nguyễn Hiến Lê

041 HỒI KÍ TẬP II 15MK
Nguyễn Hiến Lê

042 HỒI KÍ TẬP III 9MK
Nguyễn Hiến Lê

*043 TÔI TẬP VIẾT TIẾNG VIỆT 7MK
Nguyễn Hiến Lê

044 LONG LANH HẠT BỤI 10MK
Tập truyện Nguyễn Thị Hoàng Bắc

045 TUYỂN TẬP 23 NGƯỜI VIẾT SAU 1975 (hết)

046 DÒNG CHỮ TÂM TÌNH (hết) 8MK
Tập truyện Ngô Nguyên Dũng

*047 CHINH PHỤ NGÂM VÀ TÂM THỨC LÃNG MẠN
CỦA KẺ LƯU ĐÀY 10MK
Lê Tuyên

048 TIẾNG KÈN 8MK
Tập truyện của Nhật Tiến

*049 NGÀY N+... 11MK
Hồi ký về cuộc di tản quốc lộ 7,
Hoàng Khởi Phong

050 TIỂU LUẬN 14MK
Võ Phiến

051 NGUYỆT THỰC 7MK
Tập truyện Hồ Đình Nghiêm

052 TỐI THÁNG NĂM TẠI QUÁN ĂN ĐƯỜNG FIFTH (hết)
Tập truyện Nguyễn Ý Thuần

053 CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA 14MK
Tiểu thuyết Ivo Andritch, Nobel 61
Nguyễn Hiến Lê dịch

*054 ĐƯỜNG MỘT CHIỀU 7MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

*055 Ý CAO TÌNH ĐẸP 8MK
Nguyễn Hiến Lê tuyển dịch

*056 YOGA CĂN BẢN 8MK
Võ Đình Mai

057 THẦN, NGƯỜI VÀ ĐẤT VIỆT 16MK
Khảo luận Tạ Chí Đại Trường

*058 CĂN NHÀ NGÓI ĐỎ 8MK
Tập truyện Nguyễn Xuân Hoàng

059 CỎ VÀ TUYẾT 8MK
Thơ Đỗ Quý Toàn

*060 BÀI HỌC CỦA LỊCH SỬ 8MK
Will và Ariel Durant
Nguyễn Hiến Lê và Trần Lương Ngọc dịch

*061 QUÊ HƯƠNG 8MK
Thơ tình Định Nguyên

062 THỀM HOANG 8MK
Truyện dài Nhật Tiến

*063 MỘT THUỞ LÀM "TRÙM" 8MK
Nguyễn Tấn Hưng

064 LỚP LỚP PHÙ SA I 13MK
Truyện dài Kiệt Tấn

*065 MỘT QUẢ CƯỜI MÙA XUÂN 7MK
Kiều Phong

066 GIÓ ĐÊM 7MK
Tập truyện Trần Thị Kim Lan

067 TẠP BÚT 16MK
Võ Phiến

068 NGHĨ VỀ THƠ 9MK
Biên khảo Nguyễn Hưng Quốc

069 HOA SEN TRÊN TUYẾT (tái bản) 8MK
Nguyên Phong phóng tác

070 ĐÓA SEN VÀ NỤ CƯỜI 12MK
Võ Đình kể chuyện và vẽ tranh Việt Anh Pháp

071 ÁNH SÁNG VÀ BÓNG TỐI (sắp hết) 23MK
Hồi ký của một công chức cao cấp VNCH
bị bắt Tết Mậu Thân 68 - Hoàng Liên

*072 KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI 7MK
Khảo luận văn học Nguyễn Văn Xuân

073 NGOÀI GIẤC NGỦ 11MK
Thơ Thường Quán

074 THUYỀN NHÂN 19MK
Tiểu thuyết Mai Kim Ngọc

075 VÀI CHÚ GIẢI VỀ THIỀN ĐỐN NGỘ 8MK
Nguyên Giác Phan Tấn Hải

076 TIỂU THUYẾT VÔ ĐỀ 12MK
Tác phẩm trong nước gởi ra Dương Thu Hương

077 VĂN HỌC VIỆT NAM
DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN 16MK
Nguyễn Hưng Quốc

078 TRUYỆN THẬT NGẮN (hết)
Võ Phiến

079 NGỤ NGÔN 11MK
Giáo sư Đoàn Nhật Tấn

080 THƠ MIỀN NAM TẬP I
(trong bộ Văn học miền Nam) 6MK
Võ Phiến

081 SAO CÓ TIẾNG SÓNG... 13MK
Võ Đình

082 KINH DỊCH
(sách viết sau 75, tái bản) 20MK
Nguyễn Hiến Lê

*083 HỠI ƠI (thơ) 6MK
Ngu Yên (tập thơ thứ 3)

*084 KHỔNG TỬ
(sách viết sau 75, mới in ở Mỹ) 12MK
Nguyễn Hiến Lê

085 TRUYỆN MIỀN NAM TẬP I 6MK
(trong bộ Văn học miền Nam)
Võ Phiến

*086 ĐẶC KHẢO HOÀNG SA TRƯỜNG SA 12MK
Nhiều học giả

087 QUÊ 6MK
Tập truyện Võ Phiến

088 HỒ CHÍ MINH, NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ MẶT TRẬN
GIẢI PHÓNG MIỀN NAM (tái bản lần 1) 22MK
Hồ Sĩ Khuê (Bìa cứng)

089 TỰ DO TRONG LƯU ĐÀY
(tái bản lần 2) 14MK
Hồi ký đức Đạt Lai Lạt Ma
Chân Huyền dịch, Chân Văn nhuận sắc

090 MINH TRIẾT TRONG ĐỜI SỐNG 12MK
Nguyên Phong dịch

091 CHUYỆN CỦA MỘT NGƯỜI DI CƯ NHỨC ĐẦU VỪA PHẢI — 10MK
Nguyễn Bá Trạc

092 LỊCH SỬ VĂN MINH TRUNG QUỐC — 14MK
Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch

093 NƯỚC TÔI VÀ DÂN TÔI — 13MK
Hồi ký của đức Đạt Lai Lạt Ma,
Hồng Hà dịch

*094 ĐỜI NGHỆ SĨ — 9MK
Nguyễn Hiến Lê

095 VIỆT NAM MÁU LỬA QUÊ HƯƠNG TÔI — 32MK
Đỗ Mậu, tái bản lần 9 (Bìa cứng)

096 MÂY BÃO — 12MK
Tiểu thuyết Ngô Thế Vinh (tái bản)

097 VIẾT (sách mới) — 10MK
Võ Phiến

098 ĐỐI THOẠI (sách mới) — 8MK
Võ Phiến

099 KÝ BÚT KỊCH Tập I
(trong bộ Văn học miền Nam) — 10MK
Võ Phiến

100 TRUYỆN MIỀN NAM Tập II
(trong bộ Văn học miền Nam) — 10MK
Võ Phiến

101 SÀIGÒN TẠP PÍN LÙ
(tức SàiGòn năm xưa II, III) — 15MK
Vương Hồng Sển

102 LUẬN NGỮ — 13MK
Nguyễn Hiến Lê

SÁCH AN TIÊM, THANH VĂN

*PH 001 MỒ HÔI CỦA ĐÁ — 8MK
Truyện dài Nhật Tiến

(PH: Phát Hành)

*PH 002 LỊCH SỬ VĂN MINH ẤN ĐỘ — 13MK
Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch

*PH 003 MƯA — 11MK
8 tác giả, Nguyễn Hiến Lê dịch

*PH 004 ĐỌC KINH — 6MK
Vũ Khắc Khoan

*PH 005 HOÀNG TỬ BÉ — 6MK
Saint Exupery - Bùi Giáng dịch

PH 006 SỢI CHỈ TRONG HỒN 13MK
Truyện dài Nguyễn Ý Thuần

*PH 007 MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC 6MK
Gérald de Nerval, Bùi Giáng dịch

*PH 008 TỪ CHỐN LƯU ĐÀY 13MK
Tạp bút Hoàng Nguyên Nhuận

PH 009 NHÀ KHỔ HẠNH
VÀ GÃ LANG THANG 15MK
Hermann Hess,
Trí Hải, Vĩnh Bách và Lan Nhã dịch

PH 010 SÔNG CÔN MÙA LŨ I 18MK

PH 011 SÔNG CÔN MÙA LŨ II 20MK

PH 012 SÔNG CÔN MÙA LŨ III 20MK

PH 013 SÔNG CÔN MÙA LŨ IV 20MK
Trường thiên tiểu thuyết lịch sử
của Nguyễn Mộng Giác

PH 014 THƯ GỞI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI 6MK
Phạm Công Thiện dịch

PH 015 QUÊ HƯƠNG BẠN HỮU TỪ ĐÀY 10MK
Trần Dạ Từ

PH 016 THƠ TAGORE 8MK
(Gồm Lời Dâng, Tâm Tình Hiến Dâng, Tặng Vật),
Đỗ Khánh Hoan dịch

PH 017 LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM 15MK
Tạ Chí Đại Trường

PH 018 BA TRỤ THIỀN 20MK
Philip Kapleau, thiền sư người Mỹ
Đỗ Đình Đồng dịch

PH 019 MỘT TRANG ĐỜI (tập truyện) 11MK
Phan Thị Trọng Tuyến

*PH 020 NỬA ĐÊM SỰC TỈNH 9MK
Hồi ký những cuộc tình Lưu Trọng Lư

PH 021 NGHỀ LÀM VUA 12MK
Tiểu thuyết mới của Lệ Hằng

PH 022 TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI 14MK
Tiệp bút Đỗ Quý Toàn

PH 023 BỤI VÀ RÁC 13MK
Truyện dài Nguyễn Xuân Hoàng

PH 024 PHẬT HỌC KHÁI LUẬN 20MK
Biên khảo, Thích Chơn Thiện

PH 025 CÁT BỤI CHÂN AI 12MK
Hồi ký Tô Hoài

PH 026 QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN 7MK
Hồi ký Hồ Dzếnh

PH 027 QUÊ NGOẠI II 7MK
Thơ Hồ Dzếnh

PH 028 MỘT KHOẢNH VNCH NỐI DÀI 16MK
Hồi ký Tạ Chí Đại Trường

PH 029 PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO 12MK
Tarthang Tulku, Phạm Công Thiện dịch

PH 030 CUỐI ĐÊM DÀI 10MK
Truyện Nguyễn Thị Thanh Bình

*PH 031 HƯƠNG RỪNG CÀ MAU 8MK
Truyện Sơn Nam

PH 032 TIỂU THUYẾT I
(Tập chót trong Võ Phiến Toàn Tập) 15MK
Võ Phiến

PH 033 TRẢNG HOÀNG CUNG 8MK
Truyện Phùng Quán

PH 034 VIỆT NAM NHÌN TỪ BÊN TRONG
VÀ BÊN NGOÀI 15MK
Tạ Chí Đại Trường và Nguyễn Xuân Nghĩa

PH 035 MAI VIÊN CỐ SỰ (Chuyện cụ Đào Tấn) 10MK
Đặng Quý Địch dịch, giới thiệu

Nhà Xuất Bản ĐỒNG VĂN

P.O. Box 766
STANTON, CA. 90680

Hân hạnh giới thiệu 5 tác phẩm của **QUỲNH DAO**
do **LIÊU QUỐC NHỈ** dịch, phóng tác
chưa in ở Việt Nam :

1. **Em là cánh hoa rơi** 260 trang, giá 13MK
2. **Cánh nhạn cô đơn** 278 trang, giá 13MK
3. **Giã biệt tuổi mộng mơ** 166 trang, giá 10MK
4. **Hoàng hôn cuối cùng** 326 trang, giá 14MK
5. **Đường tình đôi ngả** 314 trang, giá 14MK

Ngoài nước Mỹ, mỗi quyển sách thêm 2MK cước phí.

VĂN NGHỆ Tổng Phát Hành

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI • DESIGN • LAY OUT • TYPESETTING • CATALOGS • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • PMT • HALFTONE •

Kim ấn quán

1528 S. La Cienega
Los Angeles, CA 90035
Phone: (310) 559-0413

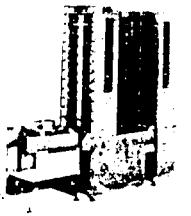

- NƠI TIN CẬY NHỨT
- TRONG MỌI DỊCH VỤ ẤN LOÁT
- ĐEN TRẮNG, HAY NHIỀU MÀU

ĐẶC BIỆT VỀ SÁCH

In Sách • Đóng Sách Bằng Keo •
Đóng Sách Khâu Chỉ • Đóng Sách Bìa Cứng Mạ Vàng

Với 10 năm kinh nghiệm sẽ làm hài lòng quý vị về:

– Kỹ thuật ấn loát tân tiến
– Bảo đảm phẩm chất
– Tiêu chuẩn quốc tế
– Đúng hẹn, nhanh chóng

• DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES • THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI • DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

ĐÃ IN

TỪ CHỐN LƯU ĐÀY
Hoàng Nguyên Nhuận - $13.00
ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI
Minh Tâm - $8.00
BA TRỤ THIỀN
Philip Kapleau - Đỗ Đình Đồng dịch - $20.00
TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI
Đỗ Quý Toàn - $14.00
NGHỆ LÀM VUA
Lệ Hằng - $12.00
BỤI VÀ RÁC
Nguyễn Xuân Hoàng - $13.00
PHẬT HỌC KHÁI LUẬN
Thích Chơn Thiện - $20.00
NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG
Trần Hồng Châu - $10.00
CÁT BỤI CHÂN AI
Tô Hoài - $12.00
QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN
Hồ Dzếnh - $7.00
QUÊ NGOẠI II-TIẾNG HÁT THIÊN NGA
Hồ Dzếnh - $7.00
HOA TẠNG TRẦM TƯ
Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng - $6.00
PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO
Tarthang Tulku - Phạm Công Thiện dịch - $12.00
MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HÒA NỐI DÀI
Tạ Chí Đại Trường - $16.00
MÂY TRẮNG THONG DONG
Huyền Không - $10.00
TRĂNG HOÀNG CUNG
Phùng Quán - $8.00

Sách có bán tại các tiệm sách
hoặc liên lạc:

VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714)527-5761

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683 – U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

VĂN NGHỆ

SÁCH MỚI

- **SÀI GÒN TẠP PÍN LÙ** — **15 Mỹ kim**
  tức Sài Gòn Năm Xưa II, III
  Vương Hồng Sển

- **LUẬN NGỮ** — **13 Mỹ kim**
  Nguyễn Hiến Lê dịch chú thích
  (sách mới in lần đầu viết sau 75)

- **LỊCH SỬ THẾ GIỚI cuốn I** — **20 Mỹ kim**

- **LỊCH SỬ THẾ GIỚI cuốn II** — **20 Mỹ kim**
  Nguyễn Hiến Lê và Thiên Giang

Bộ Lịch Sử Thế Giới của hai tác giả Nguyễn Hiến Lê và Thiên Giang được viết cách đây 40 năm là một bộ sử nghiên cứu công phu, đồ sộ, rất cần thiết cho các độc giả cần một kiến thức tổng quát về lịch sử thế giới mà tới nay chưa có bộ thứ hai.
Sách dày gần 900 trang chia làm hai tập đóng bìa cứng.
Bộ sử này in đúng 500 bộ. Xin liên lạc với nhà sách quen hoặc mua thẳng với nhà xuất bản.

Thư Mục Văn Nghệ có hơn 400 mặt sách.
Xin liên lạc để nhận thư mục.

Giá $3.50